



CHỦ TRƯỞNG
Cổ Hòa Thượng
Trưởng lão
thượng Phước
hạ Huệ

TỔNG THƯ KÝ
TÒA SOẠN
Đại Đức
Thích Phước Thái

BAN BIÊN TẬP
Phước Thái,
Phước Thanh
Đồng Minh, Minh Quang,
Diệu Thông, Tịnh Đức,
Thanh Trì, Thanh Dung,
Tâm Hòa.

BAN THƯ KÝ
Phước Viên
Phước Thanh,
Phước An,

CỘNG TÁC VIÊN
Phước Hỷ,
Viên Anh,
Ngọc Hân
Ánh Mai,
Diệu Ngọc

NHIỆP ẢNH
Mã Gia Tường
Tâm Lộc, Ngọc Anh

TRANG TRÍ
HÌNH BÌA
Phước Quảng
Hán Dân



NỘI DUNG

Lá thư tòa soạn	<i>Ban Biên Tập</i> 1
Thông bạch Phật Đản 2641	<i>Hòa Thượng Thích Phước Bồn</i> 2
An lạc trong hiện tại	<i>Thanh Trì</i> 3-6
Thơ Mừng ngày Phật Đản	<i>Đồng Minh</i> 7
Vài nét về ý nghĩa tắm Phật	<i>Tịnh Đức</i> 8-11
Kỷ niệm ngày Phật Đản,	<i>Văn Thân</i> 12-14
Bạo động và bất bạo động	<i>Lê Văn</i> 15-17
<i>Cảm niệm ngày Phật Đản</i>	<i>Thường Hỷ</i> 18-19
Kỷ niệm Phật Đản (thơ)	<i>Tịnh Niệm</i> 19
Huyền thoại về đỉnh Tuyết Sơn ...	<i>Quán Thông</i> 20- 21
Thiệp mời Đại lễ Phật Đản	<i>Tổ đình Phước Huệ</i> 21
Kinh A Di Đà Mông Giải	<i>Liên Hương Tịnh Lạc</i> 22-23
100 câu hỏi Phật pháp tập 2	<i>Phước Thái</i> 24-28
Tìm hiểu bí pháp trong Kinh P. Hoa	<i>Đồng Minh</i> 29-32
Còn gì đâu anh (thơ)	<i>Văn Thân</i> 32
Điều văn phân ưu của Giáo Hội...	<i>Ban Điều Hành Giáo Hội</i> 33-34
Lời xưng tán và thương tiếc.....	<i>Myles Trương Davis</i> 35-37
Ai thân ai sơ?	<i>Lãng Diên</i> 38
Tĩnh mộng	<i>Diệu Ngọc</i> 39-42
Vui tuyệt vời (thơ)	<i>Liên Trì Đại Sư</i> 42
Vài nét về chuyến đi & cứu trợ	<i>Giác Nghĩa & Phạm Phúc Nhân</i> . 43-44
Tình người	<i>Ngọc Báu</i> 45-47
Bạch Hoàng Tứ Hợp (gia chánh)	<i>Tâm Hòa soạn</i> 47
Thơ cảm tạ	<i>Tổ đình Phước Huệ</i> 48
Danh sách cúng hoa định kỳ	 49-50
Hình ảnh sinh hoạt chùa	<i>Tổ Đình Phước Huệ</i> 51-54
Quảng cáo	 55-64

Tạp chí Tổ Đình Phước Huệ xin tri ân mọi sự đóng góp thư từ, bài vở của Chư Tôn Đức và đồng hương, Phật tử khắp mọi nơi. Ban Biên Tập cũng xin hoan nghênh sự ủng hộ của các cơ sở thương mại, quý đồng hương, Phật tử, bằng cách quảng cáo, mua báo dài hạn, ủng hộ tài chánh, cộng tác và phát hành tạp chí Phước Huệ. Thư từ, bài viết, chi phiếu xin gửi về:

Phuoc Hue Temple
365 Victoria Street, Wetherill Park NSW 2164 Australia

Happy Vesak Day

Cùng quý độc giả thân mến,

Trong niềm hân hoan kính mừng ngày đản sanh của đức Phật, tòa soạn đặc san Phước Huệ xin chân thành gửi đến chư tôn đức Tăng, Ni cùng quý đồng hương phật tử xa gần, với lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Đồng thời, kính cầu nguyện hồng ân Tam bảo thù từ gia hộ cho chư Tôn liệt vị vạn sự an lành, sở cầu như ý, Phật sự chóng viên thành.

Kính thưa quý độc giả,
Hương sen của mùa Phật Đản luôn thom ngát bay tỏa khắp muôn phương. Đó là hương sen tinh khiết thanh tịnh giá trị của một vị Bồ tát đến trong lòng cuộc đời hành hoạt lợi tha mà không bao giờ bị dòng đời lôi cuốn. Cư trần bất nhiễm trần. Sống trong một thế giới cuồng vọng tràn đầy tham dục, nhưng với tấm lòng từ bi, vị tha cao cả của Bồ tát, không gì có thể làm lay chuyển tinh thần hy sinh vô úy làm lợi ích cho tha nhân của Ngài.

Ngày nay, nhơn loại có quá nhiều khổ đau, nên rất cần những tấm lòng từ bi sẵn lòng hy sinh đóng góp để xoa dịu những nỗi thống khổ của nhơn sinh. Chiến tranh, bạo lực, hận thù, bệnh tật, đói khát, dốt nát, thiên tai, nhơn tai họa hại v.v... đã làm cho con người vốn đã đau khổ lại chồng chất thêm những gánh nặng khổ đau hơn.

Sự đau khổ triền miên của con người, không có một thế lực bàn tay vô hình hay ngoại nhân nào có thể cứu thoát được, mà phải chính do con người tự nỗ lực vươn lên để hóa giải cõi trói chính mình. Đó là con đường hướng thượng cao đẹp mà có biết bao các bậc hiền thánh đã đi qua. Điển hình cụ thể như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Hướng lòng về Phật đản cũng chính là hướng lòng quán chiếu sâu sắc lại chính mình. Có quán chiếu sâu sắc vào nội tại,



Là
Thư
Tòa
Soạn

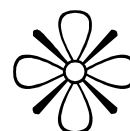
chúng ta mới thấy được con đường giác ngộ mà chính Đức Phật đã dày công tu tập trải nghiệm. Đó là con đường chuyển hóa vô minh thành tựu đạo lý giác ngộ. Từ đó chúng ta quyết tâm nỗ lực gia công hành trì để chóng đạt được mục đích tối hậu như Ngài.

Bao mùa Phật đản qua, đặc san Phước Huệ luôn được sự yêu thương quan tâm chiều cố đón nhận của quý độc giả, nhất là với sự đóng góp tinh tài của chư tôn đức Tăng, Ni và quý đồng hương phật tử, nên tờ báo mới có được cơ hội sống còn. Trong tinh thần giao cảm hiểu thương đó, tòa soạn ước mong sẽ đón nhận nhiều ý kiến đóng góp xây dựng và nhiều bài vở từ các bạn đọc, thức giả gửi về, để cho tờ báo mỗi ngày mỗi thăng tiến khởi sắc hơn. Được thế, thì đó là một phần thưởng khích lệ lớn lao cho tòa soạn chúng tôi.

Nhân mùa Phật đản lần thứ 2641, tòa soạn xin chân thành tri ân và kính chúc chư tôn đức Tăng Ni và quý đồng hương phật tử xa gần luôn được vô lượng kiết tường, tùy tâm mãn nguyện.

Trân trọng

Ban Biên Tập





THE VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE TEMPLE

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

THÔNG BẠCH

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2641

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni,
cùng quý đồng hương, Phật tử,

Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Thế tôn vì muốn đem lại sự an vui cho chúng sanh nói chung, nhơn loại nói riêng, nên Ngài thị hiện thế gian. Ngài trình bày nhiều pháp môn phương tiện, hoặc quyền hoặc thật, đốn, tiệm..., tùy cơ mà giáo hóa. Với người, thẳng nhơn đã thuần thực, Ngài khai thị hóa độ giúp cho thành tựu đạo quả giải thoát. Và Ngài để lại chánh pháp làm nhơn làm duyên cho những ai chưa có thể đắc độ hiện đời, sẽ được độ thoát về sau.

Đức Bổn Sư Thế tôn là bậc hoàn thành Tâm đức, Tri thức, Năng lực siêu nhiên, là đáng nể nhơn tịch mặc, Đạo Sư của Trời, người, là Vô thượng Pháp vương. Thế nên được xưng tán là Thế tôn, là đáng Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả...Ngài luôn luôn đoái hoài, thương xót, cứu vớt muôn loài.

Toàn thể Phật giáo đồ và nhơn loại khắp năm châu, hân hoan thành kính tưởng niệm giáng sanh lần thứ 2641 của đức Bổn Sư Thế tôn năm nay.

Chúng tôi kính mong chánh pháp của Ngài sẽ tắt mát cho muôn loài.

Trong giờ phút trang nghiêm cử hành đại lễ kỷ niệm đản sanh đức Bổn Sư Thế Tôn, toàn thể pháp chúng dành một phút thành kính tưởng niệm đức cố Tông Trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học phái - Thượng nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại Sư.

Kính nguyện Tam bảo thù từ gia hộ chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni, quý đồng hương, Phật tử thân tâm thường lạc.

Trân trọng – Trân trọng,
Phước Huệ Sơn Môn Học Phái
Tông trưởng
Hòa thượng Thích Phước Bổn

An Lạc Trong Hiện Tại



Trong đạo Phật có một pháp tu gọi là "Hiện pháp lạc trú". Nghĩa là An lạc trong hiện tại. An lạc cũng là tên khác của Niết bàn. Hầu hết người tu, dù tu theo bất cứ pháp môn nào, mục đích nhắm tới cũng là muốn cho thân tâm mình được an lạc. Mà an lạc cũng chính là hạnh phúc. Vì thế, mà trong các đạo tràng tổ chức các khóa tu, thời gian tuy có dài ngắn khác nhau, dù một ngày hay nhiều ngày, cũng đều muốn cho các tu sinh tìm lại sự an lạc hạnh phúc ở nơi chính mình. Có nơi tổ chức khóa tu một ngày gọi là "Ngày An Lạc". Như vậy, ta thấy tầm quan trọng của sự an lạc đến mức độ nào. Tu mà không có an lạc thì đó là tu sai, không đúng chánh pháp, cần phải được điều chỉnh lại. Trong đời sống xã giao hằng ngày, người ta cũng thường cầu chúc cho nhau "thân tâm thường an lạc". Bởi an lạc là mẫu số chung mà các hành giả đều mong muốn đạt được. Trong tác phẩm An Lạc Từng Bước Chân, tác giả là Hòa thượng Thích Nhất Hạnh, trong đó có bài kệ:

*Thở vào, tâm tĩnh lặng
Thở ra, miệng mỉm cười
An trú trong hiện tại
Giờ phút đẹp tuyệt vời.*

An lạc từng hơi thở và từng bước chân ta đi. Quả đây là một pháp tu rất tuyệt vời. Tuy nhiên, không phải muốn an lạc là có an lạc. Điều này, mỗi hành giả cần phải nghiêm túc thực tập chánh niệm lâu ngày mới được. Sống giữa một xã hội mà con người luôn luôn bất an, cứ mãi bon chen hối hả vật lộn với cuộc sống. Tìm một phút giây yên tĩnh cho tâm hồn được an lạc thoải mái cũng không phải là chuyện dễ dàng. Vì nhu cầu của đời sống mãi lo cơm áo gạo tiền làm cho con người luôn bị những bức xúc căng thẳng; đầu óc luôn quay cuồng theo duyên trần ngoại cảnh; tâm thức luôn bị rối loạn xáo trộn bất an. Từ đó con người hay dễ bị mắc phải chứng bệnh tâm thần. Chứng bệnh này cũng khá nguy hiểm và

hiện nay quốc gia nào cũng có. Nhất là đối với những nước được mệnh danh là văn minh tân tiến, thì số người mắc phải chứng bệnh tâm thần này lại càng gia tăng nhiều hơn. Bởi có nhiều lý do gây cho họ có nhiều uất ức uẩn khúc nội tình của đời sống cá nhân, gia đình và xã hội. Khi bị dồn nén chất chứa lâu ngày không giải tỏa được, thì người ta dễ bị đưa đến chứng bệnh này. Đây cũng là một chứng bệnh của thời đại. Vì thế, con người sống trong thời đại mới, cần phải có những giây phút trở về với nội tâm để nhìn rõ lại chính mình. Có thể, thì mới hy vọng làm giảm bớt đi sự bức xúc căng thẳng khổ đau.

Theo dõi hơi thở chánh niệm là một phương pháp thực tập rất cần thiết cho sự sống. Bạn thử nghĩ, cuộc sống mà tinh thần của bạn luôn rối loạn xáo trộn bất an, thần kinh luôn bị căng thẳng, bao nhiêu những uất ức phiền muộn cứ mãi đè nặng trĩu trong tâm thức của bạn mà bạn không tìm ra lối thoát, như thế, thì cuộc sống của bạn sẽ ra sao? Chắc hẳn đời sống của bạn rất là đau khổ! Bạn đi tìm những liều thuốc an thần, do bác sĩ tâm lý trị liệu cho bạn, bạn thử nghĩ thuốc đó có làm cho bạn an ổn hay không? có làm cho bạn hết khổ vì chứng bệnh mất ngủ hay không? Hay nó chỉ đem lại cho bạn một chút xoa dịu làm giảm bớt đi phần nào căng thẳng hệ thần kinh của bạn. Bạn đừng quên, thuốc đó sử dụng nhiều lần lâu ngày rất có hại cho sức khỏe của bạn. Bạn không thể cứ mãi ỷ lại vào loại thuốc an thần đó. Bạn phải tìm cho mình một phương pháp trị liệu an thần khác. Trong đạo Phật có một loại thuốc an thần hay nhất, đó là "**buông xả**". Có buông xả thì tâm hồn của bạn mới an vui tươi mát. Các hệ thần kinh và các tế bào trong thân thể của bạn sẽ không còn bị căng thẳng và khô héo nữa. Tuy nhiên, bạn muốn buông xả cho có hiệu quả thiết thực, thì bạn cần phải nỗ

lực vận dụng công phu tu tập, thường xuyên quán chiếu sâu vào lý "vô thường" và "vô ngã" mà Phật đã dạy. Giáo lý vô thường sẽ giúp cho bạn tháo gỡ buông bỏ dần những vọng chấp và những tri giác sai lầm. Vì trên cõi đời này tất cả chỉ là giả tạm, không có gì là bền chắc lâu dài. Bạn không cần phải quán chiếu đâu xa, bạn chỉ cần quán chiếu sâu vào ngay trong thân thể của bạn. Bạn lấy thân thể của bạn làm đối tượng để quán chiếu. Khi quán chiếu bạn cần phải sử dụng đến năng lượng trí tuệ của bạn. Thân thể của bạn ngày hôm nay có thay đổi khác hơn ngày xưa không? Về sinh lý bạn đã thay đổi và tâm lý cũng đã thay đổi. Từ khi lọt lòng mẹ cho đến khi khôn lớn, nếu không có vô thường thay đổi thì bạn đâu có phát triển về sinh lý và tâm lý như ngày hôm nay. Có đúng không bạn? Bạn và tôi cũng như tất cả muôn loài không vật nào thoát khỏi định luật vô thường chi phối. Đã là vô thường, thì không có vật gì đứng yên định hình một chỗ. Tất cả đều chảy trôi như dòng nước thác. Nhỏ như hạt bụi, lớn như quả địa cầu, tất cả đều chuyển biến vô thường thay đổi từng sát na. Thế thì, có gì mà bạn phải ôm ấp luyện tập và cố chấp. Dù bạn có muốn ôm lấy hết cả vũ trụ này vào trong tay của bạn, thử hỏi bạn có nắm giữ được không? Ngày bạn từ giã cõi đời này, bạn mang theo được gì? Hay tất cả đều xuôi tay bỏ lại cho đời. Quán chiếu như thế, thì lòng bạn cảm thấy an vui nhẹ nhàng hơn. Xin bạn chớ vội hiểu lầm, tôi không bảo bạn là bị quan chần chờ đâu nhé! Vô thường không có nghĩa là dẫn bạn vào con đường bị quan tiêu cực yếm thế. Xin bạn đừng nghĩ vậy. Ngược lại vô thường giúp cho bạn có nhiều điều thú vị mà tích cực vui sống với cuộc đời này. Hơn thế nữa, tích cực làm nhiều điều thiện có lợi lạc cho mình và người. Chắc bạn sẽ đồng ý với tôi là nhờ vô thường mà kiến thức học hỏi của bạn mở mang sâu rộng hơn. Và đời sống của bạn có nhiều thay đổi mới mẻ tươi đẹp hơn. Như vậy, là bạn đã trưởng thành về mọi mặt rồi. Bạn không còn là một đứa bé ngây thơ như ngày nào. Đứng về mặt thức nhắc tiên tu, thì Phật cảnh báo mọi người phải luôn tỉnh giác nghĩ đến vô thường sinh diệt mà gắng công nỗ lực tu tập. Vì sanh, già, bệnh, chết không hẹn cùng người. Sớm thấy còn đó mà chiều lại mất không hay. Thời tiết, thì có bốn mùa xuân, hạ,

thu, đông luôn luôn thay đổi. Con người thì có sanh, lão, bệnh, tử, luôn luôn đổi thay sinh diệt. Vạn vật đều nằm trong quy trình sinh, trụ, di, diệt. Ý thức như thế, thì chúng ta phải gấp rút lo tu hành làm lành lánh dữ, tạo nhiều thiện nghiệp. Có nhân thì có quả. Nhân tốt thì quả tốt. Ngược lại, hễ gây nhân xấu thì phải gặt hái quả xấu. Nhân quả là một định luật tất yếu, vì nó là chân lý phổ biến. Không loài vật nào thoát khỏi nhân quả đâu bạn. Đó là phương cách hay nhất để bạn chuyển hóa thân tâm, làm mới lại cuộc đời. Đó là bạn khéo biết thương bạn và bạn cũng đang tìm phương cách cứu lấy đời mình. Vô thường, đứng về mặt cảnh tỉnh tu hành là như thế. Còn đứng về mặt lợi của vô thường, thì như trên đã nói, vô thường đem lại cho bạn có nhiều điều quý giá lợi ích ngay trong cuộc sống. Nhờ có thay đổi mà xã hội loài người mới có tiến bộ. Con người luôn phát minh nhiều điều mới lạ, khoa học sáng tạo nhiều máy móc sắc xảo tinh vi. Nói chung, nhờ vô thường mà loài người hôm nay có nhiều tiến bộ vượt bậc về mọi phương diện. Tất cả nhằm cung ứng những nhu cầu tiện nghi thiện lợi thích hợp cho đời sống con người.

Khi quán chiếu về lý vô thường như thế, bạn sẽ khám phá ra chân lý vô ngã. Thật ra vô thường và vô ngã cũng không khác bao nhiêu đâu bạn. Nói vô thường là đứng về chiều thời gian. Vì mọi vật theo thời gian mà có thay đổi. Còn nói vô ngã là đứng về mặt không gian. Bởi tất cả muôn vật đều do nhân duyên hợp thành. Như cái thân thể của chúng ta là do năm nguyên tố hợp thành. Thuật ngữ chuyên môn của Phật giáo gọi là ngũ uẩn. Chữ uẩn có nghĩa là tích tụ nhóm hợp lại. Ngũ uẩn gồm có: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Sắc thuộc sắc chất, tức chỉ cho bốn yếu tố: đất, nước, gió, lửa tạo thành. Đất thuộc chất cứng như xương thịt v.v... Nước thuộc thể lỏng như nước miếng, nước tiểu v.v... bản chất của nó là ướt. Gió thuộc thể hơi, tức không khí. Lửa thuộc thể nóng, tức nhiệt độ. Bốn thứ này cấu tạo thành thân xác thuộc vật chất. Còn thọ, tưởng, hành, thức thuộc về tinh thần. Thọ là cảm nhận, một cảm giác vui, buồn v.v... Tưởng là biết hay nhớ. Nhớ lại một hình bóng nào đó gọi là tưởng. Hành là sự biến dịch thay đổi của dòng tâm thức. Thức là hiểu biết phân biệt rõ ràng.

Bốn thứ này thuộc về lĩnh vực tâm lý. Hợp vật chất và tinh thần lại tạo thành thân thể thì gọi đó là ngũ uẩn. Như vậy, cái gì có hợp lại tất phải có tan biến. Đủ duyên thì sinh thành, hết duyên thì tan rã. Không có cái gì làm chủ cố định nên gọi là vô ngã. Vô ngã là không có thật thể. Không có một cái ta cố định. Tự thể của nó là không. Đó là tướng "KHÔNG" hay thật tướng của vạn pháp. Tất cả mọi vật có ra đều là giả tướng không thật. Như cái nhà là một giả tướng. Đủ điều kiện hợp lại, thì tạm gọi nó là cái nhà. Cái nhà chỉ là một danh từ tên gọi rỗng tuếch. Thực thể của cái nhà là không. Vì những vật liệu, mỗi thứ đều có tên khác. Gạch, ngói, cây v.v... tất cả đều không phải là cái nhà. Nhưng rời những thứ này ra thì cái nhà cũng không có. "Sắc tức thị không hay không tức thị sắc" là vậy đó. Ở đây, chúng tôi chỉ giải thích một cách hết sức sơ sài về lý vô thường và vô ngã. Nếu có dịp bạn sẽ tìm hiểu kỹ càng rõ ràng vấn đề này hơn.

Thưa bạn, vạn vật đã là vô thường, vô ngã, không có gì tồn tại vĩnh cửu thật có, như trăng dưới nước, như bóng trong gương, như vậy chúng ta cố chấp bám víu nó để làm gì. Càng chấp nặng chừng nào thì chúng ta lại càng khổ đau thêm nhiều chừng đó. Điều này không phải chỉ là lý thuyết suông hay nói ngoa mà phải là thực nghiệm. Tôi tin rằng, chúng ta đều có trải nghiệm qua điều này. Bởi bản chất của con người là cố chấp. Dù biết rằng, Ngã và pháp cả hai đều không thật có. Nếu như bạn đừng có ôm ấp trong lòng bất cứ điều gì, thì tôi dám chắc đời bạn sẽ không có gì là phải đau khổ cả. Bạn hãy tập sống một cách thanh thản để cho tâm hồn của bạn luôn được tươi mát. Bạn phải chính là bác sĩ của đời bạn. Bạn phải tự tìm một phương cách an lạc cho bạn. Sống vui, sống đẹp và sống khỏe. Buông xả là thần dược giúp cho bạn có được an thần. Nhất là những vấn đề thị phi ở đời, tôi khuyên bạn không nên quan tâm để ý đến nhiều. Bạn càng quan tâm để ý đến nó chừng nào, thì bạn chỉ chuốc lấy thêm những điều phiền lụy cho bạn nhiều mà thôi. Chẳng có lợi ích gì đâu thưa bạn. Đa số người bị nhức đầu khổ sở, cũng chỉ vì họ quá đặt nặng coi trọng chuyện thị phi. Bạn có quyền nghe, bạn cũng có quyền không nhận. Ai bắt bạn phải nhận để vào lòng bạn. Đó là tự bạn

chuốc khổ cho bạn thôi. Nghe qua rồi cho nó đi ra, đừng bao giờ áp ủ nuôi dưỡng nó vào lòng. Bởi nó là những thứ hạt giống không mấy tốt lành. Bạn đừng để người ta đem tưới tẩm những hạt giống thị phi này vào tâm thức của bạn. Đó là diệu thuật hay nhứt của đời sống sẽ làm cho bạn nhẹ bớt đi những rắc rối phiền muộn vô ích.

Bạn ơi! có những nhà tỷ phú tiền kho bạc đụn, vật chất dư thừa, giàu sang tốt bụng, nhưng có bao giờ họ tự thấy họ đã đầy đủ chưa? Và có bao giờ họ cảm thấy mình thực sự có hạnh phúc không? Hay tâm hồn của họ luôn bị dày vò bức bách đau khổ. Bởi lòng tham lam của họ không cho phép họ dừng lại. Có người vật chất đầy đủ dư thừa, ăn sung mặc sướng, quyền uy danh vọng địa vị cao sang tốt bụng, nhưng nhìn lại tâm hồn của họ có lúc nào họ cảm thấy nhẹ nhàng an ổn không? Hay là họ luôn lo âu sợ hãi; sợ mất địa vị danh vọng; sợ người rình rập ám sát, sợ tiêu hao tiền bạc của cải v.v... và cuối cùng, là họ sợ chết. Những người như thế họ rất sợ chết. Vì chết đi thì họ không còn tiếp tục để hưởng thụ những thứ vật chất trên đời. Tuy lo sợ, nhưng có mấy ai thoát khỏi cái chết đâu? Không thể tránh khỏi sự giả tử thần. Bởi bạn và tôi tất cả chúng ta mỗi người đều mang sẵn bản án tử hình hết rồi. Sớm muộn gì quỷ dữ vô thường cũng đem ra xét xử mà thôi.

Bạn ơi! có thể nói bạn lo sợ đủ thứ. Đừng nghĩ rằng, bạn đang nắm quyền hành trong tay, có chức tước quyền uy thế lực, mà bạn được an ổn trong đời sống cá nhân, gia đình và xã hội đâu! Giàu sang có cái khổ của giàu sang. Nghèo hèn cũng có cái khổ của nghèo hèn. Quyền lực có cái khổ của quyền lực. Địa vị cao, quyền hành lớn, như vua chúa, hay tổng thống v.v... có người nào mà tâm thức của họ được an ổn hết không? Hay họ vẫn ngày đêm phập phồng lo âu sợ hãi. Họ toan tính mưu này chước nọ, kẻ sách này hay kẻ sách kia, thủ đoạn này hoặc thủ đoạn nọ, như các ông tổng thống hay chủ tịch đang nắm quyền hành cai trị đất nước, thử hỏi có ông nào, bà nào được an ổn hạnh phúc hết không? Hỡi, tất nhiên là bạn đã có sẵn câu trả lời rồi vậy.

Nếu như giàu sang, quyền uy thế lực... mà có

hạnh phúc, thì xưa kia Thái tử Tất Đạt Đa sẽ không bỏ cung vua để đi xuất gia. Với trí tuệ sắc bén, Ngài thấy rõ, những thứ mà người ta cho là hạnh phúc, chẳng qua chỉ là những thứ giả dối trá hình tạm bợ che đậy bằng những lớp sơn hào nhoáng bóng loáng bên ngoài, nhưng thực chất bên trong thì rã mục ngập tràn đau khổ. Chính vì thế, mà Ngài không thể an vui thụ hưởng bằng những thứ vật chất giả tạm nhứt thời đó. Ngài quyết chí bỏ hết mọi thứ để đi tìm một cái hạnh phúc vĩnh viễn chân thật hơn. Do vì Ngài bỏ hết tất cả nên Ngài được lại tất cả. Còn chúng ta thì muốn nắm trong tay tất cả, nhưng cuối cùng mất hết tất cả. Đó là nguyên lý định luật ở thế gian mà vì tham vọng giàu sang quyền lực mà người ta quên hẳn điều đó.

Trong Tương Ưng Bộ Kinh, đức Phật có nêu ra bốn pháp để được an lạc trong hiện tại. Bốn pháp đó là: 1. *Thành tựu nỗ lực bền bỉ*. 2. *Thành tựu sự bảo vệ*. 3. *Tình bạn tốt đẹp*. 4. *Một cuộc sống cân bằng*. Đức Phật giải thích qua bốn điều này như sau:

1. *Thế nào là thành tựu nỗ lực bền bỉ?* Phật nói với ngài Vyagghapajja rằng:

- Này Vyagghapajja, dù bằng bất cứ phương tiện sinh sống nào như làm nghề nông, buôn bán, chăn nuôi gia súc, săn bắn hay công chức, hay một vài nghề thủ công khác, người gia chủ luôn khéo léo và cần mẫn; người ấy nghiên cứu phương tiện thích hợp và có khả năng hành động và sắp xếp mọi việc một cách đúng đắn. Như vậy gọi là thành tựu nỗ lực bền bỉ.

2. *Thế nào là thành tựu sự bảo vệ?* Ở đây, này Vyagghapajja, người gia chủ thiết lập sự bảo vệ và canh giữ thâu hoạch được bằng nỗ lực tích cực, tích lũy được bằng sức mạnh của đôi bàn tay, kiếm được bằng nỗ lực nước mắt, tài sản chính đáng đạt được bằng các phương tiện chính đáng, người ấy nghĩ rằng: "Làm thế nào để ta ngăn cản nhà vua hay bọn cướp đoạt mất tài sản này, ngăn cản ngọn lửa không thiêu rụi, lụt lội làm trôi mất, và những kẻ thù kẻ đáng ghét đoạt mất tài sản này?" Như vậy, gọi là thành tựu sự bảo vệ.

3. *Thế nào là tình bạn tốt đẹp?* Ở đây, này Vyagghapajja, trong bất cứ thôn làng hay thị trấn nào mà gia chủ cư ngụ, ông ấy kết bạn với các gia chủ khác hay con cái của họ, dù trẻ hay già, những người có đạo đức chính chắn, có đức tin đúng đắn, có giới hạnh, biết bố thí, và có trí tuệ; người gia chủ nói chuyện và tham gia những cuộc thảo luận với họ. Người ấy bắt chước làm theo những gì họ đã thành tựu về đức tin, về giới hạnh, về bố thí, và về trí tuệ. Như vậy, gọi là tình bạn tốt đẹp.

4. *Thế nào là một cuộc sống cân bằng?* Ở đây, này Vyagghapajja, người gia chủ biết rõ lợi tức và chi tiêu của mình và có một cuộc sống cân bằng, không hoang phí cũng không keo kiệt, do đó lợi tức của ông ta vượt quá chi tiêu chứ không phải ngược lại. Cũng giống như một người thợ kim hoàn hay thợ học việc của ông ta, cầm cái cân và biết: "Dĩa cân đã nặng xuống bao nhiêu, dĩa cân đã nhắc lên bao nhiêu", Như vậy là người gia chủ đã có một cuộc sống cân bằng.

Sau khi nêu ra bốn điều trên, đức Phật kết luận: "Tài sản được tích lũy như vậy có bốn nguồn để tiêu tan: cung phụng cho phụ nữ, uống rượu, đánh bạc, và kết bạn với kẻ xấu... Có bốn nguồn để gia tăng tài sản đã tích lũy được: không cung phụng cho phụ nữ, không uống rượu, không đánh bạc, và không kết bạn với kẻ xấu. Phật bảo: Đó là bốn pháp đưa gia chủ đến an vui hạnh phúc ngay trong đời sống hiện tại này".

Qua những lời Phật dạy trên, cho chúng ta thấy rằng, niềm an vui hạnh phúc không phải do ai đem lại cho ta, mà chính do ta tự tạo lấy nó. Nếu chúng ta tránh được những ác nghiệp, và thật hành những thiện nghiệp, thì sự lợi lạc sẽ mang lại hạnh phúc cho chúng ta ngay trong đời sống hiện tại của thế giới đầy nhiễu nhương hệ lụy thác loạn này.

Thanh Trì



*Trời vừa bình sáng, cảnh vật xinh tươi.
Chim chóc reo cười, côn trùng trời nhạc.*

*Vô ưu thơm ngát, khắp vườn Tỳ-ni.
Từng đoàn người kéo đi,
Về hoàng cung chúc mừng thái tử ra đời.
Trong hư không vang lời chúc tụng:
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật ...
Ngài ra đời cứu khổ chúng sanh.
Như cơn mưa sau ngày nắng hạn,
Ngài đem tình thương lấp cạn biển hận thù.
Rồi một ngày kia Ngài bỏ hết cuộc sống phù du,
Xuất gia năm năm tìm thầy học đạo,
Sáu năm tu khổ hạnh ở rừng già,
Bốn mươi chín ngày tham thiền chứng thành Phật quả.
Ngài đi khắp cả thuyết pháp độ sanh,
Độ những người có duyên lành,
Từ kẻ bần hàn đến bậc giàu sang quyền thế.
Người người theo Ngài đông vô số kể,
Bốn mươi chín năm trụ thế độ đời,
Đến tám mươi tuổi rồi Ngài Niết bàn tịch tịnh.
Ngài đi rồi cõi trần gian trở nên mờ mịt,
Chúng sanh mãi đắm chìm trong biển nghiệp tham, sân, si.
Giáo pháp của Ngài để lại rất từ bi,
Nếu chúng sanh theo đó tu hành tức thì được giải thoát.
Con từ lâu tạo ra nhiều việc ác,
Ngài ra đời con mãi luân hồi.
Nay con sanh được làm người,
Thì Ngài đã niết bàn tịch diệt.
Lòng con đau xiết khi nghĩ đến Ngài.
Con nguyện mỗi ngày tu hành đạo Bồ-tát.
Nguyện vào đời trước ác cứu khổ chúng sanh,
Khiến mọi loài được an lành giải thoát.
Con nguyện làm Bồ tát, sống cho những người khác,
Dù phải hy sinh mình, cũng không hề thoái thác.
Con nguyện làm Bồ tát, diệt hết tội ác,
Trị dứt bệnh ung thư, khiến mọi người an lạc.*



*Mừng
ngày
Phật
Đản*

Đồng Minh



Vài nét về ý nghĩa

Tịnh
Đức

TẮM PHẬT

Nhớ lại, ngày xưa khi còn là một chú bé ngây thơ, hằng năm, tôi thường theo mẹ tôi đến chùa dự lễ Phật Đản vào ngày mừng tám tháng tư âm lịch. Hồi đó, ở quê các chùa thuộc hệ phái Phật giáo Bắc Tông đều cử hành đại lễ Phật Đản vào ngày mừng tám, chứ không phải ngày rằm như hiện nay. Ngày nay, sở dĩ các chùa cử hành Đại Lễ Phật Đản thống nhất vào ngày rằm tháng tư âm lịch, là do sự quyết định chung của Hội Nghị Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới, tổ chức lần đầu tiên tại thủ đô Colombo Tích Lan, từ ngày 26 tháng 5 năm 1950 đến ngày 7 tháng 6 năm 1950. Từ đó trở đi, tất cả các chùa Phật giáo Bắc Tông đều tổ chức đại lễ Phật Đản vào ngày rằm tháng tư âm lịch hằng năm. Tuy nhiên, hiện nay có một số chùa ở thôn quê vẫn còn giữ lệ cúng tắm Phật vào ngày mừng 8 này.

Người Phật tử ở thôn quê họ chơn chất thật thà lắm. Họ đi chùa phần nhiều là theo tục lệ truyền thống ông bà nhiều hơn. Kỳ thật, ít có mấy ai thâm hiểu giáo lý Phật giáo sâu xa. Thậm chí, việc tụng niệm hay mặc áo tràng đối với họ cũng thật là xa lạ và ngỡ ngàng. Song có điều họ rất thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau. Trong xóm làng gia đình nào có hữu sự, thì những gia đình khác họ đều quan tâm và cùng nhau chung lo. Quả đúng với câu nói của người xưa: “*Nhất gia hữu sự bá gia ưu*”. Nghĩa là một nhà có việc, thì trăm nhà cùng lo. Đó là một tập tục rất hay, rất đẹp và rất cao quý của người dân quê.

Đến công việc chùa cũng thế. Khi chùa có việc, thì họ kéo nhau đến phụ giúp, gọi là làm công quả. Dù cho có bận rộn việc nhà đến đâu, họ cũng cố gắng thu xếp để đến lo công việc cho chùa. Vì họ quan niệm, chùa là ngôi nhà chung của họ, mà mọi người đều phải có trách nhiệm chung lo. Khi giúp chùa, họ không bao

giờ có ý tính toán nạnh hẹ so đo. Tùy theo khả năng sức khỏe mà họ làm. Nhất là quý bà quý cô, trước lễ chánh thức một ngày, họ kéo nhau về chùa rồi xúm xít nhau làm, kể việc này, người việc nọ để chuẩn bị đài đăng cho ngày đại lễ. Họ cật lực làm việc trong tinh thần hài hòa cởi mở và tận tình giúp đỡ cho nhau. Họ nói chuyện vui cười với nhau một cách rất là thoải mái tự nhiên. Có sao nói vậy, họ không thích sống bề ngoài. Họ rất sợ tội lỗi và lúc nào họ cũng muốn chặt một hòn thêm phước đức. Đó là nét đặc thù chơn chất mộc mạc thật là dễ thương quý mến và rất quý kính của người dân quê.

Thông thường, trước thời khóa lễ chánh thức, thì có lễ tắm Phật. Người ta chuẩn bị rất chu đáo và rất trang nghiêm cho buổi lễ tắm Phật này. Một tượng Phật sơ sanh được đặt vào chính giữa thau nước. Nước mưa, họ lọc rất kỹ. Dĩ nhiên, trước đó người ta đã lau chùi tượng Phật rất kỹ lưỡng sạch sẽ. Một thau nước lớn để trên một cái bàn nhỏ. Cái bàn cũng được thiết trí rất xinh xắn trang hoàng. Người ta rải nhiều thứ bông trong thau nước. Những bông hoa đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, nổi lều phều trên mặt nước. Những tràng hoa được kết thành đủ loại màu sắc tuyệt đẹp. Những tràng hoa này, người ta choàng lên thân hình tượng Phật sơ sanh, trông rất xinh lịch đẹp mắt. Đồng thời, bên cạnh thau nước lớn, người ta còn để hai cái gáo tròn nhỏ xinh đẹp để cho mọi người múc nước tắm Phật.

Đến giờ hành lễ, vị thầy trụ trì và một vài ông đạo (ở quê người ta thường gọi những vị mới vào chùa tu bằng ông đạo) lên chánh điện để làm lễ. Bốn đạo thì lên trước kẻ đứng, người ngồi. Bên nam thì đứng, bên nữ thì ngồi. Còn bọn trẻ như chúng tôi, thì ngồi đứng không yên, muốn đứng thì đứng, muốn ngồi thì ngồi, không ai thèm để ý đến. Chúng tôi còn chọc

ghẹo khều móc với nhau, giống như những con khi nhẩy nhót. Tuổi trẻ vì ham vui mà đi chùa, chớ nào có biết lẽ lay, tụng kinh bái sám gì đâu! Nhiều khi thấy mấy ông đạo cạo trọc đầu lảng o, bọn tôi còn trêu chọc cười đùa ngạo nghễ cho vui nữa. Thật nào có biết tội phước là gì! Tuổi trẻ thơ ngây cứ lấy sự vui đùa làm sở thích. Nghe nói đi chùa có nhiều chè xôi bánh trái, lại thêm có các cô thiếu nữ trẻ đẹp. Nghe thế, bọn chúng tôi rất vui thích đến chùa để được ăn chè xôi bánh trái và lại thêm có cơ hội để trêu chọc mấy ả cho vui. Tâm trạng đi chùa của bọn trẻ chúng tôi hồi đó chỉ biết có ngần ấy, thế thôi...

Điều mà tôi hơi lấy làm lạ, nhiều bà đi chùa lại có mang theo chai không để đựng nước. Kể cả mẹ tôi cũng thế. Có lần, tôi hỏi mẹ tôi, mẹ đi chùa mà mẹ đem theo chai không để làm gì? Mẹ tôi nói: Mẹ đem theo để lấy nước tắm Phật về cho mọi người trong nhà uống để được mạnh khỏe. Uống nước này có chư Phật, Bồ Tát gia hộ, nên suốt năm không có ai bệnh hoạn và có nhiều việc may mắn đến với mình nữa. Nghe mẹ nói, thì tôi chỉ biết vậy thôi. Chớ tôi đâu có biết nghĩ ngợi suy luận gì hơn. Mà giả như, tôi có lý luận về lý nhân quả báo ứng đi nữa, thì chắc gì bà nghe. Chẳng những không nghe thôi mà trái lại, bà còn la rầy tôi nữa.

Khi lớn lên, nhờ có chút duyên lành học hỏi Phật pháp, nhất là giáo lý Đại thừa, thì tôi mới thấy điều này quả thật là quá mê tín dị đoan. Nhưng đối với những người đó cũng như mẹ tôi thì họ rất là tin tưởng. Đó là một niềm tin rất đơn thuần chất phác và không được điều hướng bởi lý trí. Người dân quê, nhất là phái nữ đại đa số đều có niềm tin như thế. Làm sao họ có thể hiểu và tin sâu vào lý nhân quả! Cho nên, ta cũng không lấy gì làm ngạc nhiên mà trách họ được. Thậm chí, như hiện nay, vẫn còn có một số Phật tử nữ sau khi làm lễ tắm Phật xong, họ vẫn lấy nước tắm Phật về nhà uống. Đó cũng là một niềm tin theo thói quen. Nếu uống nước đó mà hết bệnh, thì mỗi ngày ta mỗi tắm Phật để lấy nước uống. Thế là khỏi phải đi bác sĩ và khỏi phải tốn hao tiền mua thuốc.

Nếu bảo uống nước đó thì được may mắn, vì có Phật, Bồ Tát gia hộ như mẹ tôi nói, thì khi uống xong, tôi vào sòng bài đánh bài thua sạch túi, vậy sao Phật Bồ Tát không gia hộ cho tôi hốt tiền của thiên hạ. Hoặc tôi ra đường giựt đồ người ta, lúc đó bị cảnh sát bắt, sao Phật, Bồ Tát không gia hộ cho tôi khỏi bị cảnh sát bắt? Như vậy, uống thì uống mà nếu tôi làm việc bậy bạ phi pháp, thì tôi vẫn bị luật pháp trừng trị đích đáng. Còn nếu tôi không uống nước đó, mà tôi làm việc đàng hoàng, chánh đáng, không vi phạm luật pháp, thì thử hỏi có ai dám bắt bớ hành phạt tôi không? Điều buồn cười hơn nữa, là khi mẹ tôi đem nước tắm Phật về uống, thì cách mấy ngày sau, anh tôi bị bệnh. Như vậy, thì Phật và Bồ Tát không có linh thiêng gia hộ cho anh tôi rồi. Nói lên điều này, thì hơi khó nghe đối với những người mê tín, nhưng rất đúng với lý nhân quả Phật dạy. Thiết nghĩ, người Phật tử khi tin tưởng một điều gì, ta cần phải có sự sát nghiệm của lý trí. Không nên tin tưởng một cách mù quáng.

Như đã nói, nhờ có chút kiến thức học hỏi về Phật pháp, nên nay khi đọc tụng lại bài kệ tắm Phật, tôi mới thấy nghĩa lý của bài kệ thật quá thâm thâm vi diệu. Ngày xưa, tôi cũng đã từng tụng thuộc lòng bài kệ này như ăn cháo, nhưng thú thật, tụng thì tụng mà không hiểu mô tê chi cả. Bài kệ tắm Phật chỉ vồn vện có 12 câu bằng chữ Hán Việt. Có lẽ, một phần vì chữ Hán Việt, nên khi tụng đọc ít có người hiểu được. Phần khác, vì nghĩa lý rất thâm huyền nên cũng thật khó hiểu. Nội dung bài kệ nêu ra hai phần rõ rệt: Bản môn và Tích môn hay còn gọi là Chơn đế và Tục đế.

Về phần bản môn, là nêu rõ lý pháp thân. Nói cách khác là chỉ rõ mỗi người đều sẵn có tánh Phật. Bản là gốc, là cái sẵn có không do tạo tác mà có. Đó là chỉ cho chơn như. Một thực thể không nằm trong phạm trù duyên sinh nhân quả. Vì nó vượt ngoài đối đãi nhị nguyên. Một thực thể không hình, không tướng, mà trong Kinh Bát Nhã gọi là “*Thật Tướng*”. Nghĩa là tướng “**Không**” của vạn pháp. Cho nên thực thể này không sinh không diệt. Phần này, chúng ta thấy rất rõ trong 8 câu đầu của bài kệ:

*“Ngã kim quán mộc chư Như Lai
Tịnh trí trang nghiêm công đức tự
Ngũ trước chúng sanh linh ly cấu
Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân
Già Da thành lý bất tăng sanh
Ta la thọ gian bất tăng diệt
Bất sanh bất diệt lão Cù Đàm
Viễn ly huyễn tướng vô ngôn thuyết”*

Cần nói rõ, sở dĩ có buổi lễ tắm Phật này, là vì người ta dựa theo truyền thuyết cho rằng, khi đức Phật ra đời, cung trời Phạm Thiên có mưa thơm tắm Phật. Do nơi theo truyền thuyết đó, mà hằng năm trong ngày đại lễ Phật Đản, có cử hành nghi thức tắm Phật. Và nghi thức này đã trở thành một tục lệ truyền thống.

Đọc qua 8 câu trên, ta thấy hoàn toàn không có đề cập gì đến tắm ông Phật ra đời ở Ấn Độ cả. Mà tượng Phật sơ sanh chỉ là một biểu trưng nhằm thức nhắc người Phật tử chúng ta hãy xoay về nội tâm để mỗi người tự quán chiếu và dùng nước thanh tịnh để tắm cho ông Phật pháp thân của chính mình. Đã là Phật pháp thân thì làm gì có hình tướng để chúng ta tắm rửa? Bởi Phật pháp thân vốn thanh tịnh sáng suốt, có cấu bợn gì đâu mà phải tắm? Đây quả là mang một ý nghĩa biểu trưng, tức nương “Sự” để hiển “Lý” hay ngay nơi “Tướng” mà nhận lại “Tánh”. Nương ngón tay để thấy mặt trăng.

Đó chẳng qua là chư Tổ khéo dùng phương tiện mượn hình ảnh tắm Phật để nói lên ý nghĩa siêu thoát. Vì mỗi người cần nên gột rửa những phiền não ô trược ở nơi tự tâm, hầu phát huy bản thể sáng suốt ở nơi tâm mình. Hai chữ “Như Lai” ở câu đầu của bài kệ, là chỉ cho thể tánh hay pháp thân bất sanh bất diệt. Chớ không phải là hình ảnh đức Phật ở bên ngoài. Nếu chỉ một bề hiệu tắm Phật ở bên ngoài, thì chúng ta bị dính kẹt ở nơi “**Sự**” mà không hiển được “**Lý**”. Đó là chúng ta mắc vào cái lỗi thiên kiến. Phật dạy “Sự và Lý” phải viên dung vô ngại.

Có xa lìa ngũ trước tức năm thứ ruộng mục suy tàn, thì chúng ta mới nhận được thể tánh, tức đồng chứng pháp thân. Nói một cách dễ hiểu hơn, khi nào phiền não không còn, thì

chùng đó Phật tánh sẽ hiện bày. Mây tan thì trăng sáng, sóng dừng thì nước lặng. Điều quan trọng là làm cho mây tan và sóng dừng. Còn trăng và nước vốn sẵn có, không cần phải tìm cầu. Mây và sóng là những hiện tượng phù hư giả dối không thật. Vì chúng không thật nên tan biến bất thường. Vô minh phiền não cũng thế. Vì phiền não không có thật tánh, nên ta mới chuyển hóa chúng được. Trong Chúng Đạo Ca Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác có nói:

*Vô minh thực tánh tức Phật tánh
Ảo hóa không thân tức pháp thân.*

Đó là cái thấy bằng tuệ giác của người chúng đạo. Không phải cái thấy tầm thường như chúng ta. Cái thấy của chúng ta là cái thấy bằng nghiệp thức. Do đó, nên lúc nào chúng ta cũng bị kẹt mắc trên hữu tướng. Vì dính mắc trên hữu tướng, nên không thấu suốt được vô tướng. Chỉ thấy vô minh mà không thấy được Phật tánh. Thực tế, thì vô minh và Phật tánh không hai. Nhưng bảo rằng một cũng không đúng. Đó là lý “Bất Nhị Pháp Môn” mà trong Kinh Duy Ma Cật đã nói. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Rời cái thân ảo hóa ngũ uẩn này, mà tìm cái pháp thân, thì làm sao có được? Ngay nơi cái thân ảo hóa này mà nhận ra cái không thân hay pháp thân. Lý này thật không phải dễ hiểu. Như toàn nước chính là sóng. Nhưng thực tế, thì sóng không phải là nước. Nhưng nếu rời nước thì làm gì có sóng? Khi sóng đang nổi lên, thì nước cũng không rời sóng. Cho nên mới nói toàn sóng chính là nước. Câu nói phiền não tức Bồ đề hay sanh tử tức Niết bàn là thế. Nói cách khác, phiền não dụ như bóng tối, bóng tối vốn không có thực thể, nên khi có ánh sáng thì bóng tối không còn. Vô minh hết thì tánh giác hiện bày.

Bốn câu kệ là nói lên cái lý bất sanh bất diệt. Sanh mà không thật sanh, diệt mà không thật diệt. Sanh diệt, diệt sanh giống như trò ảo hóa. Khác nào như hoa đóm giữa hư không. Hoa đóm vốn không có trong hư không, nhưng vì bị bệnh nhặm mắt mà thấy in tưởng như có hoa đóm. Cũng thế, pháp thân vốn không sanh, không diệt, tại vì mê lầm nên chúng ta mới thấy có sanh, có diệt. Đến chỗ cứu cánh tuyệt đối, thì không thể dùng ngôn ngữ để luận bàn.

Có luận bàn ngôn thuyết thì đó chỉ là làm cái chuyện trò đùa hư huyền mà thôi. Đó là hết 8 câu nói về Bản môn hay Chơn đế.

Bốn câu kệ tiếp, nói về Tích môn :

*Kim triều tứ nguyệt thập ngũ nhật
Tịnh Phạn vương cung sanh Tất Đạt Đa
Cửu long phúng thủy thiên ngoại lai
Cử bộ liên hoa từng địa phát.*

Tích môn là nói về những hiện tượng xảy ra theo thế tục đế. Nghĩa là, đức Phật sanh ra nhằm ngày trăng tròn tháng tư ở trong cung vua Tịnh Phạn tên của Ngài là Tất Đạt Đa. Trong khi Phật ra đời có chín con rồng phun nước và chư thiên hiện đến tung hoa chào mừng. Khi đó, đức Phật đi bảy bước và mỗi bước đều có hoa sen từ đất hiện ra nở dưới chân Ngài. Đó là diễn tả những hiện tượng khi Phật ra đời. Tuy nhiên, trong phần tích môn này, ta lưu ý là hiện tượng Phật bước trên hoa sen. Tuy rằng đây là một truyền thuyết, nhưng nó mang một ý nghĩa tiêu biểu rất siêu thoát. Hoa sen có nhiều đặc tính, nhưng đặc tính tiêu biểu nhất, đó là mang yếu tính thanh tịnh. “*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*”. Đó là nói lên cái ý nghĩa cư trần bất nhiễm trần vậy.

Tóm lại, khi mức nước tắm Phật, ta nên giữ chánh niệm và quán chiếu thật sâu vào nội tâm. Để nhận diện từng tâm niệm dấy khởi của mình và mỗi một muỗng nước thanh tịnh từ trên vai Phật tưới xuống, ta coi như trút bỏ những thứ phiền não cấu bợn rồi rã trong lòng, theo dòng nước thanh tịnh mà trôi chảy đi hết. Đó là những thứ phiền não tham lam, sân hận, tật đố, si mê, ngã mạn v.v... tất cả đều được chuyển hóa thành những dòng nước suối nguồn thanh tịnh, từ bi, trí huệ, vị tha, bình đẳng ...

Những dòng nước thanh tịnh này luân lưu theo dòng thời gian chảy xuyên suốt từ Phật truyền đạt đến chư Tổ và tới tất cả chúng ta. Đó là những dòng nước thanh tịnh để rửa sạch những ô nhiễm ngũ dục lục trần. Tâm Phật và tâm ta cùng hòa quang trong cùng một nhịp điệu phá tan những mê lầm từ vô lượng kiếp. Hãy nhìn vào tượng Phật sơ sanh đang hiện diện trước

mắt ta, như thầm nhắc nhở ta phải luôn luôn sống trong tỉnh thức. Có hằng sống trong tỉnh thức thì đời ta mới có an lạc và giải thoát. Đó là ta khéo biết trở về nhận lại cái kho tàng quý báu (bảo sở) vô giá của ta. Mà lâu nay, vì si mê tăm tối, ta mãi đắm nhiễm theo duyên trần, rồi tạo ra bao nhiêu thứ nghiệp ác, để rồi phải chịu trầm luân mãi trong vòng sanh tử khổ đau.

Nay đây, một duyên lành rất lớn là ta được mức nước thanh tịnh để tắm Phật. Phật bên ngoài cũng như ông Phật trong tâm ta. Mỗi muỗng nước ta tưới là ta quyết tẩy sạch trôi đi những não phiền cấu bợn, hầu để cho ông Phật pháp thân của ta hiện bày. Đó là ý nghĩa Phật xuất thế. Cứ mỗi một niệm mê lầm là có một niệm giác chiếu soi. Vô minh ở đâu thì có Phật xuất thế ở đó. Hãy để cho ông Phật tự tâm ta ra đời trong mọi thời gian và nơi chốn. Có thế, thì đời ta mới thực sự chấm dứt khổ đau. Và ta hãy cương quyết phát đại thệ nguyện:

*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.*



Kỷ niệm ngày Phật Đản, hãy thực hành Bồ Tát Đạo



Thế nào mới là một vị Bồ-tát? Theo định nghĩa thì Bồ-tát là người đã giác ngộ và đem sự giác ngộ ấy giáo hóa chúng sanh khiến cho mọi loài cũng được giác ngộ như mình vậy. Nói cách khác là người có lòng lợi tha sống cho kẻ khác, chịu cái khổ trước mọi người và vui sau mọi người. Trong kinh Hoa Nghiêm có một vị đệ tử hỏi đức Phật muốn tìm Bồ-tát thì tìm ở đâu? Đức Phật liền trả lời: " Ông hãy tìm trong Ngũ- minh, tức là năm môn học mà đức Phật đã dạy cho hàng Bồ - tát thực hành để cứu giúp chúng sanh như: Y Phương minh, Công Xảo Minh, Thịnh Minh, Nội Minh và Nhân Minh:

"Là một vị Bồ- tát, Sống cho những người khác.

Dù phải hy sinh mình, Cũng không hề thoái thác."

Bồ- tát thì vô số nhiều như cát ở sông Hằng, mỗi vị tu theo một hạnh riêng như: Bi, Trí, Lực, Hạnh, Nguyện. Trong kinh Pháp Hoa phẩm Tùng Địa Dũng Xuất nói về hàng Bồ- tát vô danh, lấy hạnh làm đầu và mỗi hạnh đều có một vị thượng thủ hướng dẫn là: Thượng-hạnh, Vô -biên- hạnh, Tịnh- hạnh và An- lập-hạnh. Người tu Bồ- tát hạnh không chỉ ở các Tăng, Ni mà còn ở người đời qua các hình dạng như: Tổng-thống, thủ- tướng, tướng lãnh, binh sĩ, thương gia, giáo sĩ, đạo sĩ, nhà khoa học, nông dân, thợ thuyền v.v ... Họ không cần tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, trì chú mà chỉ có lòng cứu giúp tha nhân và làm bất cứ công việc gì mang lại niềm vui cho kẻ khác.

Bồ- tát Trì Địa là một vị tỳ kheo, không thích nhiều về kiến thức học vấn, mà chỉ lo làm việc giúp đỡ mọi người. Trì Địa có nghĩa là giữ gìn đất và đất là tâm, nên ngài chỉ giữ gìn cái tâm mình đừng bị đắm nhiễm. Ngài tuy ở chùa nhưng ít khi nhận đồ cúng dường của thí chủ. Ngày ngày ngài đi vào chợ nhận khiêng vác các vật nặng giúp mọi người đến tận nhà mà

không nhận thù lao tiền bạc. Ai có lòng thương tưởng cho ngài một củ khoai hoặc trái bắp, gói xôi hay chén cơm thừa no bụng là đủ rồi.

Trong thời kỳ đức Phật Phổ Quang ra đời, ngài cũng làm tỳ kheo thường hay đi sửa sang đường xá hư hỏng, bến nước lở xập, lồi lõm, cầu cống hư hao, dù công việc nặng nhọc đến đâu ngài cũng cố gắng làm cho xong để giúp dân chúng mà cũng không đòi một điều kiện nhỏ nhặt nào. Nhờ thế má ngài trải qua nhiều đời đều gặp các đức Phật Tỳ Xá Phù ra đời, dân chúng bị nạn đói và bệnh tật, ngài ra sức công người bệnh đến nơi chữa trị bất luận gần xa chỉ lấy một đồng tiền để mua thức ăn cho người đói khát, hoặc gặp xe cộ trâu bò kéo bị lún xình, ngài dùng hết sức mình để lôi các xe ra khỏi chỗ bùn để các con vật bớt khổ sở.

Một hôm, nhà vua mời Phật vào hoàng cung cúng dường, ngài lại sửa sang đường cho sạch sẽ rồi đứng chờ Phật. Đức Phật Tỳ Xá Phù đưa tay xoa đầu ngài và bảo: " Nên bình tâm địa thì thế giới địa, tất cả đều bình. " Ngài y theo pháp môn tâm bình này tu trì và đắc quả đại Bồ-tát. Đến thời kỳ đức Phật Thích Ca ra đời giảng kinh Pháp Hoa để khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến thì ngài Trì Địa Bồ- tát đến tham dự và ở cuối phẩm Phổ Môn, ngài đứng lên trình thưa sự quan trọng của việc nghe trọn vẹn phẩm kinh Phổ môn này, Trong kinh Quán Phật Tam muội, quyển sáu có ghi rõ khi đức Phật Thích Ca vận thần thông đến cung trời đạo lợi thuyết kinh Địa cho thân mẫu và chúng sanh ở cõi trời đạo lợi nghe, lúc này ngài Trì Địa Bồ-tát làm thêm báu tam đạo tức là: Vô học đạo, tu đạo và kiến đạo. Chúng ta ai đã tu niệm theo kinh Pháp Hoa nếu tâm ý đã thâm nhập sâu màu phần nào nghĩa lý của phẩm kinh thì đã gần gũi hai vị Bồ-tát Vô Tận Ý và

Trì Địa. Nếu chưa gần gũi hai vị Bồ-tát thì chưa gặp được Bồ-tát Quán Thế Âm. Nói cách khác ý chưa toàn, tâm chưa bình thì chưa tu được bốn âm thanh: Diệu-âm, Quán Thế-Âm, Phạm-âm và Hải-triều-âm, chưa thâm sâu năm phép quán: Chơn- quán, Thanh tịnh- quán, Quảng đại trí tuệ- quán, Bi-quán và từ- quán.

Hơn nữa, cuối phẩm Phổ Môn ngài Trì Địa Bồ-tát đã trình bày đúng cách tâm bình tức là đúng cách Trì Địa:

a- **Rời chỗ ngồi:** Tâm bình không phải ngồi yên lặng một chỗ mà phải biết rời chỗ ngồi mới giữ được tâm bình, cho nên ngài Huệ Năng trong lúc gánh củi đi bán nghe người đọc câu " Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" trong kinh Kim Cang mà đại ngộ vậy.

b- **Đến trước Phật:** Rời chỗ ngồi đứng lên đến trước Phật thì tâm mới bình, nếu đứng lên trước kẻ gian ác thì làm sao giữ được tâm bình. Mỗi chúng ta rời tịnh niệm quán chiếu đến chư tăng thanh tịnh thì tâm mới bình, chớ rời tịnh niệm mà quán chiếu đến danh lợi, tiền tài, sắc đẹp, kinh doanh mưu sảo, tính toán thiệt hơn, lo nghĩ từ sáng đến tối chuyện ơn đền oán trả, thế trí biện thông, tài ba lỗi lạc thì làm sao ngủ được tâm bình:

*"Tôi đã lang thang khắp nẻo đường,
Mưu cầu sự nghiệp lắm đau thương!
Tình, tiền, tù, tội, nhiều oan trái,
Phiêu bạt giang hồ dạn gió sương..."*

c- **Bạch Phật :** Phần nhiều chúng ta đến trước Phật mà chẳng chịu bạch Phật, cũng có người quán chiếu nhập được tự tánh dù chỉ trong một sát-na, nhưng nếu lúc ấy chịu bạch Phật tức là chịu hòa nhập với Phật tính của chính mình thì đến nay gặp được Bồ-tát Trì Địa và đã hiểu thế nào là tâm bình. Chẳng phải không chịu bạch và chẳng phải không muốn bạch mà chưa biết cách bạch và bạch gì đây mới được. Bồ-tát Trì Địa đến trước Phật bạch đức Thế Tôn trình lên năm sự kiện :

- 1- Nếu chúng sanh nào nghe được .
- 2- Đạo nghiệp tự tại .
- 3- Thị hiện sức thần thông của Bồ-tát Quán Thế Âm.
- 4- Nơi phẩm Phổ Môn .
- 5- Công đức của vị đó không thể nghĩ bàn .

Năm sự kiện rất rõ ràng, nhưng người đọc phẩm Phổ Môn thường hiểu lầm là mình đang tụng đọc hoặc mình đã, đang nghe tụng đọc phẩm Phổ Môn, mình đang được công đức gì đó không thể nghĩ bàn... Bởi Bồ-tát Trì Địa cũng đã nói: Ai nghe được phẩm Phổ-Môn, cho nên nếu mình nghĩ là mình nghe được, đạo nghiệp tự tại tức là tâm và ý tự tại. Thị hiện sức thần thông của Bồ-tát Quán Thế Âm: Tâm, ý người nghe có cảm nhận được thị hiện sức thần thông mới nghe được sự thị hiện sức thần thông của Bồ-tát .

Nghe hai vấn đề quan trọng : Tự tại và thị hiện sức thần thông của Bồ-tát Quán Thế Âm nơi phẩm Phổ Môn. Nhưng muốn nghe được những gì quan trọng của phẩm Phổ Môn thì chính các cửa của người nghe đã thông suốt chưa ? Sáu giác quan đã mở chưa ? Ý đã thuần thực, tâm đã bừng khai chưa ? Tối thiểu tâm ý phải Phổ, phải Môn thì mới nghe được phẩm Phổ Môn về sự tự tại về sự thị hiện thần thông của Bồ-tát Quán Thế Âm. Đoạn kinh này chúng ta lưu ý ba sự kiện : Nghe được phẩm Phổ Môn của Bồ-tát Quán Thế Âm, đạo nghiệp tự tại và thị hiện sức thần thông.

Nếu chỉ nghe bình thường như chúng ta đã nghe thì cần gì có phẩm kinh này, cho nên phẩm kinh này chúng ta phải phân ra chữ nghe làm ba thời kỳ :

a- Chuyển tất cả âm thanh mình đã nghe vào tánh nghe, khi đã nhập được vào tánh nghe, khi đã nhập được vào thì phải xóa bỏ cả hai động và tĩnh, quên đi cả cái tiếng tôi đang nói và quên đi cái không còn nói nữa.

b- Khi động tịnh đều dứt cứ thế tăng dần, tăng đến khi nào đạt được cái nghe và cái nghe cũng đều dứt bật. Lại chẳng trụ ở chỗ hết nghe, đỉnh cao của thời kỳ này là tướng không. Bây giờ, ta đang nghe tướng có, khi nào nghe được tướng không mới trụ được thời kỳ thứ hai. Từ tướng không tăng trưởng đến mức độ tròn đầy vắng lặng.

c- Không, kẻ không diệt, sanh, diệt, dị diệt, tịch diệt hiện tiền. Biết tướng không và cái bị biết tướng không, cả hai cũng đều dứt bật. Cả cảnh giới sanh diệt đối kháng hoàn toàn mất

hắn, chỉ còn trạng thái tịch diệt vắng lặng. Nói tóm lại: Nghe mà không nghe, biết mà không biết, không cả cái không biết .

Bồ tát Quán Thế Âm nhờ tu niệm pháp văn, tu tu này tức là vừa nghe âm thanh liền xoay cái nghe đó vào chơn tâm nên thể nhập vào chân tâm thanh tịnh, chứng đắc hai quả thù thắng từ và bi .Chính nhờ chứng đắc pháp nghe nhĩ căn viên thông mà Bồ-tát Quán Thế Âm hóa hiện được 32 ứng thân, 14 vô úy, 4 món vô tác vi diệu, không thể nghĩ bàn, giải trừ được 7 nạn và 3 món độc .

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm chính Bồ tát Văn Thù đã tán thán pháp môn nhĩ căn viên thông vì chỉ có tai nghe mới hiểu ba đức tánh :Viên thông, và thường. Dùng tai nghe quán niệm dễ hơn các căn khác. Ngài cũng tán thán công đức của Bồ- tát Quán Thế Âm đã chứng được tánh nghe nhiệm mầu, thích hợp với mọi hoàn cảnh, mà không hề rời khỏi chân tâm thanh tịnh :

*"Ta nghe trong cơ thể ta ,
Trăm ngàn kỷ nhạc phát ra khắp cùng .
Nghe từng sợi tóc chân lông ,
Thì thậm tiếng nhạc não lòng biết bao !
Nghe dòng huyết quản rì rào ,
Châu lưu cơ thể đổ vào trong tim..."*

Về phần sự tướng thì Bồ- tát Trì Địa rất quan trọng bởi vì Trì Địa thuộc về tâm, muốn giữ cho tâm bình, trước nhất phải giữ thân cho yên ổn. Không có thân thì làm sao tu niệm được. Cho nên phải bình tâm để minh tâm. Tâm chưa bình thì không thể nào minh tâm được. Nói cách khác Trì Địa là giữ gìn tâm bình và giữ gìn thân thể tức là giữ đất hay trì địa vậy .

Vì Bồ- tát Trì Địa này nhiều đời sanh ra đều gặp được Phật nghe pháp tu hành, những pháp môn tu của ngài thật đơn giản chỉ giữ tâm bình nhưng được mấy người giữ cho tâm bình ? Hạnh tu của ngài cũng thật quá khó khăn. Ngài làm những việc cực nhọc bất kể ngày đêm, miễn sao giúp đỡ được mọi người mà không cần thù lao chi cả. Ngày nay chúng ta thấy nhan nhản khắp nơi, khắp chôn nhiều kẻ đi tu chỉ biết lánh nặng tìm nhẹ trao chuốt bề ngoài để mưu cầu tiền tài, lợi lộc cho bản thân mình,

chẳng bao giờ thể hiện lòng từ bi cứu người giúp vật. Mở miệng ra là nói tôi tu theo đại thừa nhưng thực tế chỉ biết lo ôm giữ chùa chiền để thu lợi, ngoài trời kia chết sống mặc ai, hễ có đi hộ niệm cho phật tử thì tiền thầy sòng phẳng vậy.

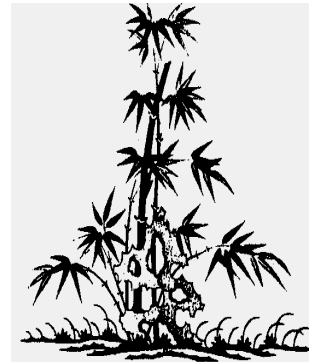
Để kết luận, xin mượn mấy câu kệ sau đây của thiền sư Đông Sơn :

*"Không môn hữu lộ nhân giai đáo,
Đáo giả phương chi trí thú thường .
Tâm địa nhược vô nhân thảo mộc ,
Tự nhiên thân nhượng phóng hào quang ."*

Có nghĩa là :

*Cửa không có một lối vào,
Ai mà vào được dồi dào niềm vui.
Đất tâm cây cỏ sạch rồi ,
Tự nhiên thân thể tức thời phóng quang .
(Đồng Minh dịch)*

VĂN THÂN



Bạo Động và Bất Bạo Động



Khi chúng tôi biên soạn bài này, thì những nguồn tin đã được loan tải từ các đài phát thanh, báo chí và trên các cộng đồng mạng cho biết về tình hình chiến sự nóng bỏng sôi động ở Biển Đông. Các tàu chiến, nhất là chiếc mẫu hạm lớn của Mỹ, thay vì đến Úc lại quay sang chuyển hướng về bán đảo Bắc Triều Tiên và trong tư thế chuẩn bị sẵn sàng khiêu chiến, nếu Bắc Hàn vẫn ngoan cố tiếp tục cho thử hạt nhân nguyên tử. Cả hai bên Mỹ và Bắc Hàn đang tìm cách thế đánh phủ đầu nhau. Mỹ thì đang phô trương biểu dương lực lượng quân sự hùng mạnh của mình, nhằm cảnh báo Bắc Hàn phải dừng lại việc thử loại hỏa tiễn tầm xa. Và chấm dứt việc leo thang sáng tạo vũ khí hạt nhân nguyên tử. Việc này, các bình luận gia chuyên bàn về thời sự đã bàn luận rất nhiều về tình hình chiến cuộc sắp xảy ra ở nơi đây. Theo ông Ngô Nhân Dụng, một bình luận gia thời sự nhiều kinh nghiệm cho rằng, việc hai bên đánh nhau, điều đó cũng khó có thể xảy ra. Nếu thực sự họ quyết chiến với nhau, thì làm gì có việc phô trương biểu dương lực lượng quân sự tập trận như thế? Tuy nhiên, điều này cũng khó có thể tiên đoán suy lường trước được. Bởi hai nhà lãnh đạo Mỹ và Bắc Hàn tánh khí bất thường. Người ta chỉ có thể luận bàn những gì đã và đang xảy ra, còn những gì sẽ xảy ra không ai có thể biết trước một cách chắn chắn được. Nếu như có một sự hiểu lầm hay nhầm lẫn nào đó, thì chiến tranh cũng có thể bộc phát xảy ra. Bài viết này không nhằm mục đích phân tích thời sự chiến cuộc, cũng như trên quan điểm chính trị giữa Mỹ và Bắc Hàn và một vài quốc gia lân cận liên hệ khác. Chúng tôi chỉ muốn nêu lên một khía cạnh nhỏ, nhưng không kém phần tế nhị quan trọng về sự "bạo động và bất bạo động" qua đường lối đấu tranh ôn hòa của thánh Gandhi, một vị anh hùng dân tộc Ấn Độ. Từ đó, để mọi người có thể suy nghiệm.

Ai cũng biết, thánh Gandhi, nhà lãnh đạo dân tộc Ấn Độ chống chế độ thực dân Đế Quốc

Anh giành độc lập cho Ấn Độ, bằng vũ khí đấu tranh "**bất bạo động**", ông đã được sự ủng hộ nhiệt liệt của hàng triệu người dân Ấn vào những thập niên 20 - 50. Câu nói bất hủ của ông, đã nêu cao tôn chỉ trong phong trào đấu tranh giành độc lập là: "*Bạo động là cá tánh của loài thú, bất bạo động là cá tánh của loài người*". Qua câu nói này, ông kêu gọi mọi người đã dấn thân trong công cuộc đấu tranh sát cánh cùng ông, dù cho xảy ra bất cứ hoàn cảnh chướng ngại khó khăn thử thách nào, mọi người vẫn phải hết sức bình tĩnh giữ hòa khí, tuyệt đối không được bạo động. Vì bạo động không phải là cách thế giải quyết hay nhất mà chỉ gây thêm hiềm khích hận thù tàn sát đổ máu và chỉ làm khổ đau cho nhau mà thôi, thực tế không có ích lợi gì. Do đó, suốt thời gian tranh đấu, dù phải chịu đựng trăm đắng ngàn cay, vào tù ra khám, bị hành hạ sỉ nhục đủ điều, nhưng ông và các đồng chí của ông, vẫn cương quyết dùng cảm đấu tranh cho đến kỳ cùng, quyết không nhượng bộ và cũng không hề nản chí chùn bước trước những hành động bạo lực của nhà cầm quyền. Đây quả thật là một loại vũ khí tinh thần sắc bén, tuy vô hình, nhưng nó có một sức mạnh phi thường. Đó là một chủ trương đường lối tranh đấu ôn hòa bất bạo động. Chính nhờ yếu tố bất bạo động này, kết quả ông đã giành được thắng lợi độc lập thoát khỏi bàn tay cai trị của Đế Quốc Anh. Đó là một bài học lịch sử của nhơn loại. Một sự đấu tranh, trong tay không một tấc sắt vũ khí, nhưng lại chiến thắng vẻ vang trước những kẻ bạo quyền trong tay đầy vũ khí sát máu. Rất tiếc, bài học này người ta lại quên đi. Họ chỉ biết toan tính giải quyết với nhau bằng vũ lực, thậm chí, họ còn muốn sử dụng đến những loại vũ khí tinh vi hạt nhân nguyên tử hạng nặng có sức tàn phá khủng khiếp, giết người hàng loạt trong nháy mắt.

Tại sao Mahatma Gandhi lại chủ trương đấu tranh bất bạo động? Và tại sao ông cho bạo động là cá tánh của loài thú? Thiết nghĩ, điều

này cũng không có gì là khó hiểu cả. Bởi hành vi bạo động xuất phát từ cái tâm sợ hãi cuồng vọng sân si, bị động lực vô minh thúc đẩy sai khiến. Vì thế, nên con người trở nên mù quáng. Từ đó, họ không ngần ngại thể hiện bằng những hành động bạo lực. Hậu quả của chiến tranh bắt nguồn từ cái gốc tâm cuồng vọng tham, sân, si này mà ra. Nói thú tánh, là vì trong mỗi con người chúng ta, nói nôm na gồm có ba thứ tánh: "Phật tánh, nhơn tánh và thú tánh". Trong ba tánh này, thì Phật tánh là nền tảng phát sanh nhiều thiện lợi. Bản tánh của nó siêu việt vượt ngoài những đối đãi nhị nguyên. Nó là bản thể của vũ trụ. Vạn vật từ nó mà phát sanh, Tất cả không gì ngoài thực thể Phật tánh này. Đã là siêu việt thì làm gì có hình tướng. Tuy không hình tướng, nhưng nó có một tác dụng rất lớn không gì có thể so sánh được. Người ta dụ tánh thể này như hư không. Vì "thể, tướng và dụng" của nó rộng lớn vô biên khắp cả pháp giới. Tạm gọi thực thể này là Phật tánh. Đó là tánh thanh tịnh sáng suốt giác ngộ của con người. Rộng ra là cả muôn loài đều có. Tuy nhiên, ở loài hữu tình thì người ta gọi nó là Phật tánh. Còn ở loài vô tình thì người ta gọi nó là pháp tánh. Phật tánh hay pháp tánh chỉ là ngôn từ giả lập mà thôi.

Còn nói nhơn tính là tính chất đạo đức nhân bản của con người. Tính chất đạo đức nhân bản này tự nó có năng lực nâng cao phẩm giá con người. Nói một cách chung chung thì con người phải biết đối xử trong tình người với nhau. Đó là tình yêu thương đồng loại. Nếu nói một cách nghiêm khắc hơn, thì tính chất đạo đức của con người được xây dựng trên nền tảng luân thường đạo lý. Có thể nói, nhơn tính là tính thuần thiện của con người. Bởi có nhơn tính nên con người mới có sự yêu thương tôn trọng và quý kính lẫn nhau. Con người không thể sát phạt hành hung gây thêm sự đau khổ cho nhau. Một trong những đức tính căn bản của con người đó là lòng yêu thương. Yêu thương là nòng cốt để tạo nên sự đoàn kết, bao dung và tha thứ cùng sống chung hòa bình. Mất đi đức tánh căn bản này, thì con người sẽ không còn đúng nghĩa của một con người nữa. Và thế giới sẽ không bao giờ có được những giây phút an bình.

Nói thú tính là vì loài thú vật, chúng đâu có trí năng khôn ngoan phán đoán suy xét như loài người. Chúng chỉ sống hoàn toàn theo bản năng thú tính của chúng. Chúng thanh toán ăn tươi nuốt sống với nhau bằng bạo lực. Con nào thể lực mạnh bạo thì tìm cách sát hại con yếu kém hơn mình. Cứ thế mà sát hại lẫn nhau. Thế giới loài vật là như thế. Sở dĩ chúng hành động sử dụng bằng bạo lực, là vì chúng không có trí khôn và hiểu biết thương yêu đồng loại như con người. Con người sở dĩ hơn loài thú vật là ở chỗ con người còn có nhơn tính, có lương tâm và lương tri. Con người có khả năng siêu việt hơn loài vật về mọi phương diện. Nhất là hai đức tánh trí tuệ, tình thương và phẩm chất đạo đức. Nhờ có trí tuệ hiểu biết suy xét phải trái, đúng sai, lành dữ v.v... nên con người mới có thể tránh những điều bất thiện sai trái lỗi lầm mà tạo nên những giá trị thiêng liêng cao đẹp của cuộc sống. Nếu con người thiếu những đức tính nhân từ và trí tuệ phân biệt này, thì đâu có khác gì loài cầm thú. Tôn trọng và bảo vệ mạng sống là đức tính căn bản đạo đức của con người.

Trong Kinh Pháp Cú ở Phẩm Đạo Trượng, câu 129, đức Phật có dạy: *"Ai ai cũng sợ guom đao; ai ai cũng sợ sự chết; vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết chớ bảo giết"*. Ở câu 130 đức Phật dạy tiếp: *"Ai ai cũng sợ guom đao; ai ai cũng thích được sống còn; vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết"*. Ham sống sợ chết là một đặc tính cố hữu của muôn loài. Không một loài động vật nào mà không biết quý trọng mạng sống. Nói rộng ra, là ngay cả đến loài thực vật như cây cỏ chúng vẫn biết quý tiếc mạng sống của chúng. Chẳng qua chỉ vì cái **"Biết"** của chúng quá yếu ớt, nên chúng không đủ khả năng để biểu lộ phản kháng như những loài động vật khác, khi bị tàn sát mà thôi. Nếu chúng không có năng lực vươn lên để sinh tồn, thì thử hỏi tại sao khi chúng ta bẻ cành hay ngắt đọt, thì chúng lại đâm ra chồi non và cành lá khác? Đã có mạng sống, dù thượng đẳng hay hạ đẳng, dù động vật hay thực vật, tất cả đều có mạng sống và biết ham sống sợ chết như nhau.

Chính vì lẽ muốn sinh tồn đó, nên hai Pháp cú

trên, Phật dạy chúng ta cần phải biết tôn trọng sự sống. Tôn trọng sự sống là một lẽ rất công bằng. Muôn loài đã có mạng sống, thì không một loài nào lại không sợ chết. Vì quý tiếc thân mạng mà sợ chết, nhất là đối với loài người. Loài người tất nhiên là thông minh hơn các loài động vật khác. Mình biết quý trọng bảo vệ mạng sống của mình, thì tại sao mình lại nhẫn tâm chà đạp và giết chết mạng sống của kẻ khác?! Như thế, thì còn gì là lẽ công bằng? Và còn gì là lòng nhân ái từ bi? Tôn trọng sự sống cũng là một đặc tính sẵn có cao thượng của con người. Bản chất hướng thượng của con người là xây dựng hơn là phá hoại. Phá hoại hay tàn sát đó không phải là cá tánh đặc hữu của con người. Sở dĩ loài người hơn những loài động vật khác là ở chỗ có trí năng hiểu biết hướng thượng đó. Sát sanh hại vật là một trọng tội. Tội nặng nhất là giết người. Vì muốn cho xã hội được an bình, không có chiến tranh chém giết lẫn nhau, nên Phật dạy người phật tử không được sát sanh hại vật. Đó là giới cấm thứ nhất trong 5 giới cấm của người phật tử tại gia. Nếu mọi người tuân thủ giữ gìn nghiêm ngặt giới cấm nguyên lý đạo đức đầu tiên này, thì lo gì thiên hạ chẳng thái bình. Tổ sư có dạy:

*Nhất thiết chúng sanh vô sát nghiệp
Thập phương hà xứ động đao binh
Gia gia hộ hộ đồng tu thiện
Thiên hạ hà sầu bất thái bình*

Tạm dịch:

*Tất cả chúng sanh không nghiệp giết
Mười phương nào có nổi đao binh
Nhà nhà chốn chốn đều tu thiện
Lo gì thiên hạ chẳng thái bình*

Nhơn loại chỉ cần giữ một giới bất sát sanh thôi, nói rõ ra là không giết người, thì cả thế giới đều vui sống trong cảnh thái bình an lạc. Nhưng tiếc thay! Nhơn loại không giữ được, nên thế giới cứ mãi gây ra cảnh thù hận chiến tranh tàn sát lẫn nhau. Từ cá nhân đến cá nhân từ quốc gia này đến quốc gia khác.

Có lẽ thời Phật không có những thứ vũ khí hạng nặng giết người hàng loạt nhanh chóng và dữ dội như hiện nay, mà chỉ có những thứ vũ khí thô sơ như gươm giáo hay đao trượng. Do đó, mà sự tàn sát sanh mạng còn có giới

hạn. Thế mà, Phật còn khuyên con người không nên sát hại lẫn nhau, dù đó chỉ là những thứ vũ khí thô sơ. Nếu như đức Phật sống trong thời đại khoa học nguyên tử hiện đại này, thì chắc chắn Ngài sẽ rất đau lòng, khi chứng kiến cảnh giết người hàng loạt bởi những trái bom có trọng lực công phá tàn sát ác liệt. Đó là một thảm cảnh bi thương nhất mà ngày nay nhơn loại đã và đang phải hứng chịu.

Sự sát sanh hại vật có nhiều cách: "Tự sát, giáo tha sát, hoặc tùy hỷ sát". Tự sát là tự mình ra tay giết hại sinh vật. Có khi mình không ra tay mà lại sai khiến ra lệnh bảo người khác giết, hoặc thấy người khác giết mình lại vui thích khen ngợi, tùy hỷ theo, tất cả đều phạm vào giới sát cả. Nguyên nhân là do ba yếu tố độc hại "tham, sân, si" sai khiến mà ra. Ngày nào mà nhơn loại còn làm nô lệ cho ba thứ độc tố này sai khiến, thì ngày đó nhơn loại vẫn còn phải chịu nhiều đau khổ và luôn sống trong cảnh lo âu phập phồng sợ hãi.

Ngày nay người ta chạy đua phô trương bằng sức mạnh vũ khí, mà quên đi sức mạnh tinh thần. Vũ khí dù có tối tân tinh vi đến đâu, cũng không thể nào giải quyết làm cho nhơn loại sống chung hòa bình được. Chỉ có sức mạnh tình thương mới có thể đưa con người lại gần gũi với nhau thôi. Đó là tiêu chí hướng thượng mà con người cần phải thể hiện trong tình yêu thương đồng loại. Thương thuyết, hội nghị đàm phán trong tinh thần hiểu biết ôn hòa, hầu tìm ra một giải pháp thích nghi cho cả đôi bên, đó cũng là một loại vũ khí sắc bén tạo nên khí thế hòa bình, mà con người thời đại vẫn mình nên làm. Hơn là dùng đến bạo lực bằng các loại vũ khí hạt nhân nguyên tử để đưa con người đến chỗ hiểm họa diệt vong.

Nhân mùa Phật đản lần thứ 2641, chúng ta hãy thành tâm cầu nguyện cho tình người rộng mở, mọi người có đủ sáng suốt, biết yêu thương tôn trọng lẫn nhau, phá tan những thành kiến cố chấp dị biệt, những định kiến tri giác sai lầm, xóa bỏ mọi hận thù tranh chấp, cùng nhau quyết tâm xây dựng một xã hội an bình và nhơn loại sống chung hòa bình trong niềm an vui thực sự tràn đầy hạnh phúc.

Lê Văn



Cảm niệm về ngày

PHẬT ĐẢN

Tính đến nay đạo Phật đã có mặt trên thế gian đã hơn hai mươi lăm thế kỷ, là người con Phật, chúng ta cũng muốn tìm hiểu lịch sử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người đã sáng lập ra đạo Phật, người đã đưa đường chỉ lối cho chúng sanh đi từ bờ mê qua đến bờ giải thoát. Cứ mỗi năm vào mùa thu, thời tiết mát mẻ là lúc mà tất cả mọi nơi trên thế giới đều tưởng nhớ đến vị Thầy cao cả của cõi trời và cõi người, đều ca ngợi và tổ chức mừng ngày Phật đản.

Đúng vậy nhân mùa Phật đản, chúng ta thường nhắc đến nhân duyên và sự thị hiện của đức Phật Thích Ca. Đức Phật cũng như bao nhiêu người khác, là một con người. Nhưng Ngài lại là một người đại phước đức, đại trí tuệ. Ngài là con của vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Maya tại xứ Ấn độ. Cha mẹ của thái tử Tất Đạt Đa là người nhân hậu, thương dân, yêu nước vì thế họ đều được thần dân yêu mến và tôn sùng. Sau khi lọt lòng mẹ, Ngài đã được sự thương yêu và bảo bọc của vua Tịnh Phạn và người dì ruột Ma ha Ba Xà Ba Đề, cuộc sống vương giả ấy đã trói buộc thái tử Tất Đạt Đa vón vẹn hai mươi chín năm. Đã gần một phần ba đời người Ngài đã sống trong cuộc đời nhung lụa cao sang mà chưa hề biết gì đến nỗi khổ cực của thế giới bên ngoài. Vào ngày đản sanh, vị đạo sĩ Ashita đã tuyên đoán Ngài sẽ xuất gia và trở thành một vị Phật - đáng cứu thế của nhân loại. Lời tuyên đoán đó đã làm cho vua Tịnh Phạn bất an vì đức vua chỉ mong muốn Ngài kế vị ngôi hoàng đế. Cho nên vua Tịnh Phạn bằng mọi cách giữ cho thái tử luôn ở trong những cung điện nguy nga tráng lệ và bày những bữa yến tiệc linh đình để cho thái tử được vui vẻ. Nhưng trong thâm tâm Thái tử vẫn muốn tìm hiểu thế giới ngoại cung, cho nên quyết định

đạo bốn cửa thành. Dù muốn dù không vua Tịnh Phạn cũng phải chịu lòng Thái tử. Sau khi đạo bốn cửa thành, Thái tử trong lòng đầy ưu tư về những cảnh già, bệnh, chết của con người mà Ngài chưa bao giờ nghĩ tới. Hình ảnh của người hành khất đã đánh động tâm thức Ngài muốn tìm đường thoát khỏi những cảnh khổ của kiếp con người. Sau một đêm yến tiệc linh đình kết thúc, khi mọi người đã chìm trong giấc ngủ say sưa, đó chính là lúc Thái tử tỉnh thức vượt thành tầm đạo. Thái tử một mình lang thang sáu năm ròng rã đi từ nơi này đến nơi khác tìm thầy học đạo, kể cả thực hành các lối tu khổ hạnh đang thịnh hành của xứ Ấn độ vào thời bấy giờ như là đứng một chân, mùa đông không mặc quần áo, mùa hè ngồi gần đồng lửa, thậm chí Ngài sắp mất mạng khi thực hành lối tu khổ hạnh ép xác ngày chỉ ăn chút thức ăn nhưng rốt cuộc không vị thầy nào, cũng như không có pháp tu nào chỉ cho Ngài con đường dẫn đến sự an lạc vĩnh viễn. Cuối cùng, Ngài đã đến cội Bồ đề, thiền quán suốt 49 ngày đêm ròng rã không ngơi nghỉ, sau đó Ngài đã chứng quả vô thượng Bồ đề. Sau khi thành đạo, Ngài đã chỉ dạy giáo pháp của mình cho 5 vị đồng tu, và liên tiếp 45 năm đi khắp đất nước Ấn độ giáo hóa chúng sanh. Đến tuổi 80, Ngài đã nhập niết bàn tại Câu Thi Na để lại cho nhân loại nhiều thương mến.

Kể từ khi đức Như Lai nhập niết bàn đến nay, giáo pháp của Ngài luôn luôn được tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho đến hôm nay nó đã lưu chuyển suốt cả năm châu bốn biển ai ai cũng thấm nhuần những lời Phật dạy. Tuy nhiên, mùa Phật đản chúng ta không chỉ tổ chức lễ kỷ niệm, ca tụng, tán thán và ngợi khen công đức hoàng hoá tế độ của Ngài mà chúng ta cần phải ôn lại những lời dạy của Ngài, để cho giáo pháp luôn được lưu truyền

trong thế gian làm lợi ích cho nhân loại đó mới chính là mục đích của ngày Phật đản.

Chúng tôi chợt nghĩ đến bản kinh mà đức Phật trước khi nhập niết bàn Ngài đã để lại cho đệ tử sau này. Đó là bản kinh Di giáo, thu gọn những lời giáo huấn của Người trước khi nhập diệt. Lời lẽ trong kinh đã thiết tha, ý nghĩa lại sâu xa và thực tế. Do đó, khi đọc bản kinh này chúng ta rất cảm động trước tấm lòng từ bi vô lượng của đức Thế Tôn mà tiềm ẩn trong đó là những khuôn vàng thước ngọc, sách tấn hàng đệ tử tinh tiến trên đường tu đạo giải thoát. Chúng tôi xin tóm lược những điểm chính trong kinh đại khái được chia làm ba phần quan trọng của người hành giả khắc phục thân khẩu ý cho thanh tịnh. Về phần thân, Thế Tôn dạy phải người xuất gia cần phải hành trì giới luật mà mình đã thọ, phải luôn luôn tinh tấn mà không được giải đãi biếng lười. Lại nữa Phật khuyên người hành giả đừng ham ngủ nghỉ mà uổng phí cả cuộc đời, thân phải luôn thiền định để phát triển trí huệ. Về phần khẩu, Thế Tôn dạy người hành đạo ăn uống phải biết tiết độ xem như dùng thuốc để trị bệnh, ví như ong hút mật, mà không làm tổn hại đến hương sắc. Thứ đến, người hành đạo nên hạn chế việc nói đùa vì nó sẽ làm loạn tâm khó mà giữ chánh niệm. Phòng hộ sự nóng giận chớ nói lời

ác độc mà ảnh hưởng đến việc tu hành. Về phần ý, người tu đạo phải biết chế ngự năm căn, chớ để nó phóng dật, phóng túng chạy theo năm dục. Phật ví như người chăn bò, cầm gậy canh giữ, chẳng để cho nó tự do chạy bậy, xâm phạm ruộng người. Phật dạy, hành giả nên biết hậu quả của sự kiêu mạn. Tâm ý phải biết đủ và ít ham muốn để không bị 5 thứ ngũ dục chi phối mà đạo nghiệp khó thành.

Chỉ bấy nhiêu lời dạy ngắn gọn đó thôi cũng chứng minh rằng tình thương bao la vô bờ bến của đấng cha lành khuyên nhủ đàn con đại trước lúc đi xa. Ngài còn dặn: "Từ nay về sau, đệ tử của ta cứ tuân tự y theo nơi pháp mà thực hành. Như vậy là pháp thân của Như Lai vẫn thường còn chẳng mất... Hãy siêng năng tinh tấn, sớm cầu giải thoát, đem ánh sáng trí tuệ mà trừ diệt ngu si u ám..."

Phật đản là dịp để người con Phật nhớ lại những công hạnh lớn lao mà đức Thế Tôn đã mang lại cho nhân loại, là lúc mà chúng ta nhìn lại tự bản thân đã áp dụng được bao nhiêu lời Phật dạy trong đời sống hàng ngày, là thời gian chúng ta tự phản tỉnh mình đã làm được gì để báo ơn của Phật.

Thường Hỷ

*B*ao mùa Phật Đản đã đi qua
Nhớ lại ngày xưa ở quê nhà
Xe hoa hành diễn trên đường phố
Dân chúng vui chào rất thiết tha!

*Lễ hội ngày vui trẻ với già
Kính mừng xuất thế Phật Thích Ca
Trời người vũ trụ đều quy ngưỡng
Một dạ chí thành Sĩ đạt ta*

*Mừng đấng cứu tinh cõi Ta bà
Thương đời đau khổ lệ châu sa
Lang thang kiếp sống vòng sanh tử
Quyết chí cứu đời nguyện xuất gia*

*Tâm sư học đạo chẳng nệ hà
Hạnh khổ nếm mùi đã trải qua
Từ bỏ đường tu chuyên ép xác
Một mình khám phá "lý" sâu xa*

Kỷ Niệm Phật Đản

*Chân lý tìm cầu chẳng đâu xa
Khổ đau giải thoát tại lòng ta
Trí huệ trau dồi gương sắc bén
Vô minh chuyển hóa thoát đường ma*

*Thành tựu đạo mầu Phật Thích Ca
Phổ độ muôn loài khắp hằng sa
Mãn duyên độ chúng thôi! nhập diệt
Thế nhập Niết bàn tại Sa la.*

Tịnh Niệm



Huyền thoại về Đỉnh Tuyết Sơn và NGÀY ĐẢN SANH



Giá chúng ta có dịp ngồi phi cơ bay qua dãy Hy mã Lạp Sơn, chúng ta sẽ chứng kiến một cảnh sông núi hùng vĩ nhất của địa cầu. Phi cơ bay lưng chừng của đỉnh Tuyết Sơn (Everest = 8848m) chúng ta có dịp thưởng ngoạn tuyết trắng xóa trên chóp núi. Xung quanh là mây bay như những đám rong trời lơ lững. Những cành cây vĩ đại xòe cành như để đón không gian vô tận. Tiếp đó là dãy Hy mã Lạp Sơn trùng trùng điệp điệp, quê hương của những chuyện thần bí dị thường. Người ta đồn rằng những người tuyết cổ sơn cao lớn gấp mười người thường cũng còn đang sống ở đây. Những loài chim, loài thú, kỳ hoa dị thảo bên cạnh các dòng suối quanh co róc rách ngày đêm càng tăng thêm vẻ đẹp thần tiên huyền bí. Đây đó là những hang động sâu thẳm thăm mà người ta tin rằng đang có những vị đạo sĩ tu hành đắc đạo sống cả ngàn năm cho đến bây giờ. Hằng năm cứ đến mùa nắng ấm tuyết trên đỉnh Tuyết Sơn tan ra ào ào như thác đổ xuống chân núi đọng lại trên hai cái hồ lớn: hồ Manasarova tròn như mặt trời và hồ Raskatal hình lưỡi liềm như mặt trăng. Khi nước ngập đầy hồ thì bắt đầu tẻ ra năm giòng thác: sông Bramaputra, sông Indus, sông Karnali, sông Sutbej chảy xuống đồng bằng Ấn độ và dòng thứ năm dài nhất là sông Mekong chảy qua Miến Điện, Thái Lan, Cao Miên và Việt Nam. Khi từ Miên qua Việt Nam con sông Mekong uốn khúc quanh co như mình rồng rồi tẻ ra 9 nhánh trước khi hòa nhập vào biển đông người ta gọi là Cửu Long giang. Cảnh sông núi trên là cái nôi đầu tiên của văn minh nhân loại trước cả Hy Lạp. Theo truyền thuyết của Tây Tạng, hai hồ Manasarova và Raskatal tượng trưng cho tuệ giác và vô minh. (Mana là ánh sáng tuệ giác ngộ, Raska là bóng tối hay vô minh).

Chính cái hồ Manasarova (mà Bảo đức tạng Bát Nhã ba la mật đa kinh đã nhắc đến, tiếng

Việt dịch là hồ Nhiệt Trì) chứa đựng sinh thủy. Giữa hồ là cây cổ thụ vô hình là jambu (cây kiến thức – tree of knowledge), chỉ có bậc đạo sư đắc đạo mới nhìn thấy. Trên mỗi lá cây jambu có ghi chép chân lý huyền diệu. Cứ ngàn hoặc vạn năm cây jambu nở hoa một lần rồi trổ quả. Quả rơi xuống hồ thành một loại thánh thủy mà kẻ nào tắm sẽ rửa sạch tội lỗi và khai mở được tâm thức, thấu triệt được lẽ huyền vi của tạo hóa.

Theo sách yoga thì Manas và Raskas là hai huyết đạo quan trọng của địa cầu, cũng như hai kinh mạch nối liền tủy xương sống lên óc con người. Nếu hành giả khai mở được hai huyết đạo này chạy thẳng lên óc sẽ phát động được các huyền năng huyền bí - Người Ấn độ cũng tin rằng Tuyết Sơn là luân xa não bộ của thế giới chứa những luồng điện linh thiêng nhất.

Theo huyền thoại Tây Tạng, hoàng hậu Maya khi cư mang đức Phật đã nằm mộng thấy mình tắm trong hồ Manasarova rồi lên bờ ngồi nhìn đỉnh Tuyết Sơn. Bỗng nhiên con voi trắng từ đỉnh Kailas chạy dầm vào hông hoàng hậu. Trong giây phút đó hoàng hậu cảm thấy nhẹ nhàng khoan khoái lạ thường. Vua triệu mời các đạo sĩ đến giải đoán giấc mộng. Vị đạo sĩ trả lời rằng: “Đây là giấc mộng báo điềm lành nhất thế gian, hoàng hậu sẽ sinh một vị hoàng tử tài ba xuất chúng và hoàng tử sẽ trở thành vĩ nhân của thế giới.

Một thời gian sau khi xa giá rước hoàng hậu về quê mẹ để sinh, nhưng dọc đường hoàng hậu Maya thấy trong người khác lạ nên truyền xa giá dừng lại ở vườn Lâm Tỳ ni. Khi hoàng hậu đến vịn vào cành Cây Vô ưu thì hoàng tử Tất Đạt Đa ra đời.

Đồng thời lúc đó đạo sĩ Ashita đang ngồi tham

thiên ở Hy mã lập sơn bỗng nhiên đứng dậy. Người đi về hướng thành Ca tỳ la vệ để ca ngợi một đấng cứu thế lâm phạm. Đến triều đình, đạo sĩ AShita ra mắt thái tử - khi người nhìn thấy mặt thái tử bỗng nhiên sụp xuống lạy và khóc. Vua và hoàng hậu kinh hãi hỏi dồn đạo sĩ: - Sao đạo sĩ lại khóc, tai nạn gì sẽ xảy đến cho hoàng gia? Đạo sĩ đứng lên lau nước mắt, tâu: - Tâu Hoàng thượng: - Tôi khóc cho tôi xấu số không còn sống để nghe lời thuyết pháp vàng ngọc của thái tử. Thái tử là đóa hoa quý nhất của nhân loại chỉ nở một lần trong mấy vạn năm. Tướng quý của người báo trước là người sẽ thống trị cả thiên hạ. Chữ vạn trên ngực chứng tỏ rằng người sẽ làm chủ cả tam thiên đại thiên thế giới, hướng dẫn cho tất cả chúng sanh vượt qua những nỗi thống khổ triền miên. Thật là một đại phước cho Hoàng gia.

Rồi đạo sĩ quay qua Hoàng hậu: - Nhưng hồi hoàng hậu Maya đức hạnh, Ngài sẽ lìa khỏi đời ô trọc này trong bảy ngày để lên cõi trời Đao lợi. Đức hạnh của Ngài quá đầy đủ;

ngiệp báo của Ngài đã dứt. Ngài sẽ thoát trần đề về cõi Cực lạc. Nói xong đạo sĩ từ biệt ...

Từ đó đến nay đã 2641 năm, bao nhiêu triều đại hưng phế đã đi vào cát bụi, nhưng kinh điển của đức Phật vẫn sáng chói qua bao thăng trầm dâu bể của trần gian. Nhiều tôn giáo đã bị ánh sáng của khoa học đẩy vào dĩ vãng, nhưng chân lý đạo Phật càng có thêm những chứng minh hùng hồn qua những phát minh kỳ diệu nhất của khoa học. Chân lý đó cũng đã đưa con người đến với chân tâm huyền diệu, cái chìa khóa để mở kho tàng văn hóa uyên bác nhất có diệu năng giải thoát nhân loại khỏi cảnh phá sản của nền văn minh kiêu mạn và mê lầm hiện đại.

Quán Thông sao lục.



TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

Thiệp Mời

Đại lễ Phật Đản lần thứ 2641

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời:

Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự Đại lễ Phật Đản lần thứ 2641

được tổ chức tại Tổ đình Phước Huệ

365 Victoria Street Wetherill Park 2164 - Điện thoại: 9725 2324

vào lúc 10 giờ 30 sáng Chủ nhật 07/05/2017

Sự hiện diện của quý vị sẽ góp phần vào niềm hoan hỷ chung của Phật giáo đồ Việt Nam trên đường phụng sự đạo pháp và dân tộc.

Kính nguyện kiết tường.

Trân trọng

Ban Tổ Chức





KINH A DI ĐÀ

Mông giải

Thuật giả: Ngài Hưng Từ hiệu Quán Nguyệt Tử
tại núi Thiên Thai.

Hán dịch: Ngài Cưu Ma La Thập

Soạn dịch: Liên Hương Tịnh Lạc.

(tiếp theo)

V. Kinh này lấy đại thừa sanh tô làm giáo tướng

Những lời của Phật nói ra để dạy người gọi là Giáo, có phân ra làm 5 thời và 8 giáo gọi là Tướng. Đức Như Lai trụ thế 80 năm, nói pháp hơn 300 hội, được chia làm 5 thời:

1. Thời Hoa Nghiêm: Phật nói kinh Đại thừa Viên Đốn giáo gồm cả Biệt giáo, như sữa tươi từ bò sữa sản xuất (nhũ) ít người tiêu hóa nổi.
2. Thời A Hàm: Nói về Tiểu thừa Tạng giáo (hoàn toàn Tiểu giáo), như nhũ đã biến thành lạc (sữa đã đun sôi) dễ dàng tiêu hóa.
3. Thời Phương Đẳng: Tạng, Thông, Biệt, Viên cả bốn giáo đều có nói, như chất lạc biến thành sanh tô (thông dụng cho mọi trình độ).
4. Thời Bát Nhã: Tạng nói về Quyền lý của Thông và Biệt giáo nhưng chính là muốn nói về Thật lý của Viên giáo, như sanh tô biến thành thực tô.
5. Thời Pháp Hoa và Niết Bàn: Pháp Hoa thuần nói về Viên Giáo Đại Thừa, các hàng Thanh Văn đều được thọ ký làm Phật, Niết Bàn tuy có nói lại bốn giáo, nhưng mục đích để dứt quan niệm cho rằng có 4 giáo thật như thực tô biến thành đề hồ. Như Phật đã dạy: Trong suốt 49 năm ta chưa từng nói một lời dù có nói cũng chỉ là phương tiện mà thôi.

Kinh này nói vào thời Phương Đẳng, chỉ thu nhiếp về Biệt giáo và Viên giáo, bởi vậy người của Tạng và Thông giáo không tin có tha phương Tịnh độ nên không nguyện sanh về Tịnh độ phương khác.

Vả lại, cõi Đồng cư ở Cực lạc gồm có cả 3 cõi: Phương tiện, Thật báo và Thường Tịch quang, nên kinh này nhiếp thuộc về Viên giáo, còn 9 phẩm liên hoa thứ lớp rõ ràng nên nghĩa gồm Biệt giáo; nếu nói về viên lý thì đồng với Pháp Hoa và Hoa Nghiêm. Vả như người ngu trong thế gian niệm Phật vãng sanh chắc chắn cũng thấu nhiếp về Biệt và Viên giáo. Trong kinh còn nói: Về sau cùng, Giáo pháp của Đức Thích Ca diệt hết chỉ kinh này còn lưu lại 100 năm, rộng độ chúng hữu tình, đó thật là thuốc A già đà (vô giá) trị lành muôn bệnh công đức thật khó nghĩ bàn. Người trí nên suy gẫm!

KINH A DI ĐÀ

Người dịch Phạn ra Hán :

Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập
đời Dao Tần

Phàm kinh này có 2 nhà dịch:

- 1) Ngài La Thập đời Đông Tấn tức là bản này.
- 2) Ngài Huyền Trang đời Đường, tên là Xung Tấn Tịnh độ Phật Nhiếp Thọ Kinh.

- Dao Tần, đời nhà Châu có Doanh Tần, đời Nam Bắc Triều có Phù Tần, Dao Tần.

- Vị pháp sư rộng thông 3 tạng gọi là Tam Tạng Pháp sư.

- Cưu Ma La Thập dịch là Đồng Thọ vì tuổi Ngài còn trẻ mà đã có cái đức hạnh của người lớn tuổi.

‘*Dịch*’ : chữ dịch có nghĩa là đổi, đổi văn Phạn thành văn Trung Hoa.

Ngài Cưu Ma La Thập gốc người Trung Ấn Độ, cha tên Cưu Ma La Viêm, làm quan đến chức tướng quốc, bỏ vinh hoa xuất du đến nước Qui Tư, vua nước Qui Tư mến tài đức liền gả em gái cho Ông. Sanh ra Ngài. Sau khi sanh ra, Ngài đã có tư chất thông minh. Năm 7 tuổi, theo mẹ vào chùa, thấy cái bát sắt liền lấy đội lên đầu, Ngài cảm nghe nặng, sức nặng dường như không chịu nổi. Bỗng nhiên, Ngài khởi ý nghĩ phải thắng cho được cái nặng của cái bát, thì liền cảm thấy cái bát nhẹ hẳn đi, do đó liền tỏ ngộ lý ‘*vạn pháp duy tâm*’. Về sau, Ngài lâu thông ba tạng, biện tài vô ngại. Vua ban cho Ngài tòa sư tử bằng vàng để ngồi mà thuyết pháp.

Các Vua thuộc các nước vùng Tây vức thường họp nhau, thỉnh Ngài thuyết pháp và đều quỳ phục mà nghe.

Thời Đông Tấn, chúa Phù Kiên đóng đô ở Thiểm Tây, đặt hiệu nước là Tấn, sắp đem binh chinh phạt vùng phía Tây, có quan Thái Sử tâu: khu vực phía tây có vì sao lạ xuất hiện, chắc có vị Đại Đức hoặc thánh nhơn vào giúp Trung Quốc chúng ta.

Chúa Phù Kiên mới nói: Trẫm nghe nước Qui Tư có Ngài La Thập Pháp sư, có phải người này chăng? Liền sai tướng Lữ Quang dẫn theo 7 vạn quân sĩ, trước khi phát binh, chúa bảo: Trẫm khởi binh kỳ này, không phải vì tham chiếm đất đai, nhơn nghe Ngài La Thập là một Pháp sư đã thông đạt pháp tướng nên mới dụng binh mà thôi. Khi phá được nước Qui Tư, chớ Ngài La Thập về. Khi về đến Lương Châu, Lữ Quang nghe tin chúa Phù Kiên đã bị Dao Trường giết để cướp ngôi, bèn chiếm cứ Lương

Châu xưng là Tam Hà Vương, Quốc hiệu là Lương. Về sau, Dao Trường cũng mến đức muốn thỉnh Ngài, Lữ Quang không cho. Dao Trường chết, con là Dao Hưng lên nối ngôi, xin thỉnh nữa. Lữ Quang cũng không cho. Lữ Quang chết, con là Lữ Long lên nối ngôi. Dao Hưng đem binh đánh, Lữ Long thua bèn hàng Tần. Lữ Long mới rước Ngài nhập quan, tôn làm quốc sư. Ngài duyệt lại các kinh đã dịch trước, phần nhiều nghĩa lý thiếu sót, lầm lẫn, không đúng nguyên bản chữ Phạn. Ngài mới tập hợp các sa môn như Tăng Triệu, Tăng Duệ v.v.. hơn 800 vị, họp nhau mà dịch cả kinh, luận hơn 390 quyển.

Trước khi viên tịch mấy ngày, Ngài truyền họp chúng lại, bảo rằng: Tôi nguyện cho tất cả kinh luận đã dịch được truyền bá thế gian lưu thông mãi mãi, để bảo đảm là sở dịch không lầm lẫn, thì khiến cho sau khi thiêu thân tôi, tất cả đều cháy mà cái lưỡi của tôi vẫn còn.

Đời Dao Tân, niên hiệu Hoàng Thỉ năm thứ 18, ngày 20 tháng 8 Ngài tịch tại Trường An; lửa thiêu cháy hết thân thể, duy cái lưỡi còn nguyên.

Vậy thời, theo kinh này nói: Có 6 phương chư Phật phát ra tướng lưỡi rộng dài để khen ngợi há chẳng phù hợp lắm sao!

Phàm tất cả kinh đều được chia làm 3 phần:

1. Phần tựa gọi là tự phần
2. Phần chánh tông tức là phần thân bài
3. Phần lưu thông gọi là Thông Tự phần tức phần kết luận.

(còn tiếp)



(tiếp theo)

100 Câu hỏi Phật pháp

7. Ý nghĩa của hai chữ Lăng Nghiêm và nguyên nhân nào Phật nói Chú Lăng Nghiêm.

Hỏi: Mỗi buổi sáng sớm, con thường trì tụng chú Lăng Nghiêm, nhưng con không hiểu nghĩa Lăng Nghiêm là gì? Và nguyên nhân nào mà Phật nói bài chú đó? Kính xin thầy giải thích cho con được rõ.

Đáp: Lăng Nghiêm, tiếng Phạn là Suramgama, nói đủ là “Thủ Lăng Nghiêm”, Trung Hoa dịch là “Đại Định Kiên cố”. Nghĩa là cái bản thể chơn tâm sẵn có của tất cả chúng sanh và chư Phật. Vì thể của nó rộng lớn không có giới hạn ngăn mé, bao la trùm khắp cả pháp giới, nên gọi là “**Đại**”. Tâm thể này xưa nay vốn là thanh tịnh, không có nhiễm ô, tán loạn, thường hằng vắng lặng, không lay động dời đổi, nên gọi là “**Định**”. Vì tính chất của nó không dời đổi, thấu xưa suốt nay, thường hằng bất động, ở nơi thánh không tăng, ở nơi phàm không giảm, hằng hữu bất hoại, nên gọi là “**Kiên cố**”. Đại khái, đó là nghĩa của ba chữ “Thủ Lăng Nghiêm”, tức là “Đại Định Kiên Cố”.

Nguyên nhân Phật nói thần chú Lăng Nghiêm là vì Tôn giả A nan mắc nạn Ma đẳng già. Ngài A nan bị nàng Ma đẳng già dùng chú thuật Ta tỳ ca la tiên Phạm thiên ép buộc tình duyên ... Lúc đó, Tôn giả A Nan rất buồn rầu, thành kính hướng về đức Phật, mong đức Phật đoái hoài thương xót cứu độ giải nạn cho Ngài. Phật biết Ngài A Nan bị nạn, nên sau khi thọ trai, Phật không thuyết pháp như thường lệ mà trở về tịnh xá ngay và rồi Ngài ngồi kiết già, trên đài phóng hào quang, có hoa sen ngàn cánh, trên hoa sen có đức Hóa Phật ngồi kiết già, nói thần chú Lăng Nghiêm. Phật bảo Ngài Văn Thù đem thần chú ấy đi đến chỗ nàng Ma đẳng già, để phá trừ tà chú, cứu nạn cho A Nan. Ngài A nan được kịp thời cứu thoát và sau đó Phật độ luôn cho nàng Ma đẳng già tu hành trở thành bậc A la hán. Đó là nguyên nhân có ra năm đệ thần chú Lăng Nghiêm mà chư Tăng Ni cũng như quý Phật tử thường trì tụng vào mỗi buổi khuya.

Tập 2

PHƯỚC THÁI

8. Ở nhà có tụng chú Lăng Nghiêm được không?

Hỏi: Thường thì ở trong chùa chư Tăng Ni hay tụng Chú Lăng Nghiêm và Đại Bi Thập Chú vào buổi khuya. Vậy xin hỏi không biết hàng cư sĩ tại gia chúng con có trì tụng được không?

Đáp: Tất nhiên là được. Chỉ sợ chúng ta lười biếng không tụng trì đó thôi. Tụng kinh trì chú là điều rất tốt. Như đã nói, sở dĩ có chú Lăng Nghiêm là do Ngài A Nan bị mắc nạn Ma đẳng già, nên Hóa thân Phật nói thần chú và Bồ tát Văn Thù lãnh sứ mạng tụng chú để giải nạn cho tôn giả A Nan. Chính vì lý do đó, nên trong các thiền môn thuộc hệ phái Phật giáo Bắc tông, còn gọi là Phật giáo Phát triển (Đại thừa), đều có trì tụng thần chú này vào mỗi buổi khuya. Tại sao không trì tụng vào những thời điểm khác mà phải trì tụng vào buổi khuya? Trong thiền môn có hai thời khóa căn bản, gọi là nhị thời khóa tụng. Buổi tối là thời Tịnh độ, tức tụng Kinh A Di Đà. Buổi khuya thì tụng năm đệ chú Lăng Nghiêm và Đại bi thập chú. Vì buổi khuya khí trời mát mẻ trong lành và cảnh vật yên tĩnh. Thần khí con người mới ngủ thức dậy cũng tỉnh táo mạnh mẽ hơn. Thần chú có năng lực rất mạnh, nên rất thích hợp với sự định tĩnh của thời điểm này. Do đó, người tụng chú ngoài phần tự lực nhiếp tâm ra, còn có sức gia hộ mạnh mẽ của long thần hộ pháp.

Như thế, thì bất luận Phật tử xuất gia hay tại gia, tất cả đều có thể trì tụng được hết. Phật tử đừng có lo ngại chi cả. Điều quan trọng là khi trì tụng chú, chúng ta cần phải nhiếp tâm thật kỹ. Như thế, thì rất dễ nhiếp phục vọng tưởng

phiền não. Phiền não vọng tưởng không có, thì ngay lúc đó tâm ta sẽ được an định thanh thoát, nhẹ nhàng. Đó là ta đã có được hạnh phúc phước báo rất lớn vậy.

9. Phật tử đi chùa như thế nào mới đúng?

Hỏi: *Một Phật tử khi quy y và thường xuyên sinh hoạt với một chùa, nhưng lại đến công quả và dự khóa tu ở một ngôi chùa khác, như thế, thì có lỗi là bỏ chùa của mình hay không?*

Đáp: Đây là một quan niệm mang nặng thành kiến thật quá ích kỷ hẹp hòi. Thiết nghĩ, Phật tử chúng ta cần nên tránh. Hiện tượng này, thường xảy ra trong hàng ngũ Phật tử chúng ta. Đó là một quan niệm không mấy tốt đẹp cho sự tu học. Người Phật tử phải có một tấm lòng bao dung rộng mở. Không nên nghĩ rằng, chỉ có ngôi chùa mình quy y và thường xuyên sinh hoạt mới là chùa mình. Còn những ngôi chùa khác thì không phải chùa mình. Chính cái quan niệm hẹp hòi ích kỷ này, mà phát sanh ra có những tệ nạn tranh chấp hơn thua với nhau. Đây là một lỗi lầm rất lớn, mà hầu như đại đa số Phật tử chúng ta đều mắc phải. Người Phật tử không nên bảo thủ cố chấp như thế.

Đành rằng, ngôi chùa mà mình đã quy y thọ giới, chính nơi đó đã từng ấp ủ nuôi lớn đời sống tâm linh của mình. Tất nhiên, là mình phải có bốn phận đóng góp công sức xây dựng duy trì và phát triển. Thông thường, người ta gọi đó là ngôi Chùa Tổ hay Tổ Đình. Tuy nhiên, không phải vì thế mà mình không được quyền tới lui tu học hoặc làm công quả đóng góp ở các ngôi chùa khác. Giả như chùa mình (tạm gọi như thế, chớ thật ra trên đời này không có cái gì là thật mình hay của mình cả) không có tổ chức tu học, dù có đi chăng nữa, nhưng nó cũng không đáp ứng đúng theo nhu cầu tu học của mình. Trong khi đó, thì những ngôi chùa khác lại có mở ra những khóa tu học đàng hoàng. Sự tổ chức tu học nơi đó rất chu đáo trang nghiêm và có chất lượng cao. Xét thấy, rất phù hợp cho nhu cầu tiến thân tu học của mình, mà lâu nay mình hằng ao ước mong muốn. Nhưng vì mình chưa có đủ cơ duyên để được tu học.

Có Phật tử lòng thì cũng muốn đi dự, nhưng vẫn còn áy ngại e dè không biết mình đi như thế có lỗi với thầy và chùa mình không? Vì sợ người ta cho rằng, mình không trung thành với thầy với chùa mình. Do nghĩ thế, nên Phật tử lại ngần ngại không dám đi. Nếu Phật tử có ý nghĩ như thế, thì đó là cả một sự mất mát thiệt thòi lớn lao cho Phật tử. Như thế thì thử hỏi trên bước đường tu hành làm sao Phật tử có thể tiến bộ cho được? Tôi nghĩ, không có vị thầy bổn sư nào mà có tâm lượng hẹp hòi ích kỷ như thế.

Phật tử nên nhớ rằng, khi Phật tử quy y Tam bảo, thì vị thầy truyền giới cho Phật tử chỉ là đại diện chung cho thập phương Tăng mà truyền trao giới pháp cho Phật tử. Như thế, thì Phật tử không những chỉ riêng kính trọng và học hỏi với vị thầy mình quy y không thôi, mà còn phải kính trọng và học hỏi đối với tất cả những Tăng, Ni khác. Đó mới đúng nghĩa là người Phật tử.

Đến việc đi chùa cũng thế. Ngôi chùa mà mình quy y lãnh thọ giới pháp, tuy đó là chùa gốc của mình, nhưng không vì thế mà mình không được đi tu học hay công quả ở các chùa khác. Vì chùa là của chung cho tất cả, chớ không dành riêng cho bất cứ người nào. Nếu ai còn thấy có sở hữu riêng tư, thì đó chưa phải là người tu theo đạo Phật. Vì còn chấp ngã, chấp pháp quá nặng. Như thế, thì làm sao tương ưng với đạo lý giác ngộ giải thoát?

Nhân câu hỏi của Phật tử, tôi cũng xin thành tâm góp thêm chút ý kiến về việc người Phật tử đi chùa. Thiết nghĩ, người Phật tử đi chùa nên có quan niệm cho thật rõ ràng. Mục đích của Phật tử đi chùa không phải chỉ có làm công quả không thôi, mà còn phải cố gắng nghe giảng pháp tìm hiểu học hỏi giáo lý Phật dạy. Phật tử có chịu khó cố gắng thường xuyên học hỏi, nghe pháp, thì Phật tử mới mở mang trí huệ và mới biết được đường lối tu hành đúng theo lời Phật Tổ chỉ dạy. Từ đó, Phật tử mới đem ứng dụng giáo pháp Phật dạy vào đời sống thực tế hằng ngày. Như vậy, thì mới có lợi ích thiết thực cho bản thân mình, cho gia đình và xã hội. Có học hỏi chánh pháp, thì người Phật tử mới có đủ khả năng quán chiếu phân biệt nhận rõ được lẽ chánh tà chân ngụy.

Và như thế, thì Phật tử sẽ không bị làm lạc rơi vào con đường tà ngoại.

Tuy rằng, việc đóng góp công sức cho chùa của Phật tử, đó là việc tốt nên làm. Vì ai cũng muốn cho mình có thêm phước đức. Thế nhưng, đó không phải là việc chánh yếu quan trọng, mà người Phật tử lại phải bỏ hết công sức đầu tư vào đó. Vì nếu Phật tử có thật tâm công quả, thì cũng chỉ hưởng được phước báo hữu lậu mà thôi. Phước báo này có giới hạn, chỉ hưởng dụng một lúc nào đó thì hết. Cho nên Phật dạy người Phật tử phải tu cả hai: “Phước Trí trang nghiêm”. Phải tu phước và tu huệ, phước huệ có lưỡng toàn thì mới có thể thành Phật được.

Hơn nữa, Phật tử nên nhớ rằng, chùa là của chung, ai cũng có thể làm giúp được cả. Người đời thường nói: *“có mợ thì chợ cũng đông, không mợ thì chợ cũng không bữa nào”*. Nếu không có mình, thì cũng vẫn có người khác làm. Đôi khi mình làm một công việc nào đó giúp cho chùa lâu năm, rồi ý mình có công lao nhiều lại sanh tâm cống cao ngã mạn khinh khi coi thường người khác. Vì nghĩ rằng, mình là người có công lao giúp cho chùa nhiều như, không có ai hơn mình. Thậm chí, có người còn khinh thường lằn lốt luôn cả chư Tăng, Ni trong chùa. Người ta gọi những kẻ đó là mắc phải cái chứng bệnh **“Công thần”** rất nặng. Đi chùa với thái độ hành xử như thế, thì chẳng những mình không có phước chi hết, mà lại còn gây thêm tội lỗi nữa. Thử hỏi lỗi đó do đâu? Do vì mình thiếu học hỏi hiểu biết chánh pháp. Chẳng những mình không chịu học hỏi, nghe pháp, mà trái lại còn sanh tâm ngã mạn khinh chê những người khác. Người như thế, thật là đáng tội nghiệp thương xót biết bao!

Chúng ta thử nghĩ, nếu mọi người đến chùa chỉ biết có một mặt là làm công quả giúp cho chùa không thôi, không học hỏi giáo pháp tu hành gì cả, như thế, thì không biết tương lai đạo Phật sẽ đi về đâu? Và như thế, thì Phật giáo chỉ còn lại cái xác là những ngôi chùa, còn cái hồn thì không có. Tạo chùa như thế, thì thật là phí công vô ích quá! Tạo cảnh chùa với mục đích là để cho người Phật tử có nơi chiêm bái tu học. Sự tu học mới là phần quan trọng chính

yếu. Còn tất cả những phần khác đều là phụ thuộc. Đó là chưa nói, khi làm công quả có người còn sanh tâm giận hờn ganh ghét người này, chê bai trách móc người kia. Nghĩa là phước đâu không thấy, mà chỉ thấy toàn là phiền não không thôi. Điều này là một sự thật không sao tránh khỏi.

Cứ nhìn vào thực tế và những việc làm của họ thì ta sẽ thấy rất rõ điều đó. Từ sự bất hòa ganh ghét đố kỵ nhau, rồi họ lập thành phe nhóm để chống báng công kích lẫn nhau. Phe nhóm nào mạnh, to mồm lắm miệng, thì thắng thế hơn. Thế là, vô tình người Phật tử biến ngôi Già lam tôn nghiêm thanh tịnh, trở thành nơi chỗ tranh cãi đấu đá hơn thua với nhau. Phật ở trên cao nhìn thấy cảnh tượng này, Ngài cũng thật vô cùng thương xót! Nhưng không biết phải làm sao khuyên giải đám đệ tử si mê của mình? Ngẫm nghĩ, thật là quá đau lòng!

Tóm lại, việc tu học hay làm công quả giúp cho chùa là quyền quyết định của mỗi người. Người Phật tử không phải chỉ có tu học hay làm công quả ở chùa mình quy y không thôi, mà Phật tử cũng có thể đi tu học hay làm công quả ở bất cứ ngôi chùa nào khác nếu mình muốn. Tuy nhiên, theo lời Phật dạy, người Phật tử cần phải có trí huệ sáng suốt để biện biệt suy xét cẩn thận những điều lợi và hại qua hành động của mình. Phải xét rõ những nơi mà mình đến tu học, hay công quả có phù hợp đúng với Chánh pháp Phật dạy hay không? Nếu xét thấy, nơi nào có lợi ích thiết thực cho việc tu học của mình, thì mình có quyền đến đó để tu học. Không ai có quyền ngăn cấm mình cả. Đi tham dự tu học là điều tốt đáng khích lệ tán dương, nhưng tuyệt đối, người Phật tử không nên chê bai nói xấu chùa này, chùa nọ. Đó là điều tối kỵ của người Phật tử. Vì như thế, chỉ chuốc thêm tội lỗi cho cái khẩu nghiệp của mình mà thôi.

Kính chúc Phật tử có đầy đủ trí huệ sáng suốt để nhận định đúng đắn trong việc tu học của mình. Có thể, thì người Phật tử mới mong đạt được kết quả tốt đẹp.

10. Thọ Bò tát giới tại gia nuôi chó mèo có tội không?

Hỏi: Con đã thọ Bồ tát giới tại gia, nhưng gia đình các con cháu của con, chúng nó rất thích nuôi mèo chó trong nhà. Vậy xin hỏi con có mang tội không?

Đáp: Phật tử yên tâm không có gì là mang tội cả. Phật tử vì hoàn cảnh còn phải sống chung trong gia đình với con cháu, nên việc nuôi mèo chó là việc của con cháu, không có liên hệ gì đến Phật tử. Đâu phải Phật tử muốn nuôi mà sợ tội. Và lại, đối với người Phật tử tại gia chỉ thọ ngũ giới, thì Phật đâu có cấm không cho nuôi súc vật. Phật chỉ cấm là không được giết hại sinh vật. Điều này, không phải chỉ có nhà Phật tử nuôi mèo chó không thôi, mà ngay cả trong chùa, thỉnh thoảng, chúng ta thấy có những ngôi chùa chư Tăng, Ni cũng vẫn có nuôi chó.

Người Phật tử đã thọ Bồ tát giới tại gia, trong giới thứ mười lăm Phật cấm Phật tử không được nuôi mèo chồn, nếu nuôi thì phạm tội vô ý. Và trong giới thứ mười sáu, Phật cấm không được nuôi dưỡng các loại gia súc như: voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, lừa. Nếu như đã nuôi mà không làm phép tịnh thí (sự bố thí trong sạch, nghĩa là cho bằng cách không có ý để cho người khác giết ăn thịt), cho những người chưa thọ giới, thì Phật tử sẽ phạm tội vô ý. Đây thuộc về giới khinh, nên đã phạm thì phải hết lòng ăn năn sám hối. Nếu không sám hối thì sẽ bị đọa lạc, làm ô uế giới thể. Tại sao Phật cấm như thế? Bởi vì đây là duyên cơ gây ra tội lỗi. Người thọ giới Bồ tát là phải có lòng từ bi không nên nuôi để bắt chúng phải phục dịch cần khổ cho mình. Hơn nữa, những loài này nuôi chỉ để bán cho người ta làm thịt ăn mà thôi.

Dù mình không tự tay giết nó, vì tự tay giết, thì sẽ phạm trọng tội, nên đem bán cho người khác giết để lấy tiền. Nếu có người bắt những con vật này để làm thịt rồi mình mua lại nuôi để phóng sanh, thì không sao. Tại sao Phật cấm không được nuôi mèo chồn? Vì hai con vật này chuyên bắt chuột, hoặc sát hại con này con kia. Nếu nuôi nó, thì nó thường hay sát hại và làm tổn thương đến những loài khác. Do đó, nên Phật cấm không được nuôi những loài vật này. Nếu đã thọ Bồ tát giới mà còn nuôi chúng

thì phạm tội. Đến như nuôi chó cũng phải cẩn thận. Theo luật, nếu như chúng ta nuôi chó săn thì phạm tội, còn như nuôi chó để giữ nhà thì không phạm.

Trường hợp của Phật tử thì không có can hệ gì đến việc nuôi chó mèo này. Do đó, nên Phật tử yên tâm không có gì là phải mang tội cả.

11. Khi hộ niệm cho người sắp lâm chung phải tụng niệm như thế nào mới đúng?

Hỏi: Trong khi chúng con đi hộ niệm cho người sắp lâm chung, có người thì tụng kinh, có người thì chỉ niệm Phật, có người bảo phải niệm Phật thật to tiếng thì người sắp chết mới nghe, nhưng ở trong bệnh viện làm sao chúng con niệm to tiếng được. Vậy xin hỏi phải làm như thế nào mới đúng?

Đáp: Vấn đề hộ niệm cho người sắp lâm chung thật rất quan trọng. Có thể nói, vai trò của người hộ niệm trong lúc này, là có nhiệm vụ thay đức Như Lai để cứu giúp cho người bệnh sớm được vãng sanh về cõi Phật. Trước khi hộ niệm, người hộ niệm cần phải biết rõ, nếu trường hợp bệnh nhơn chưa đến nỗi bệnh nặng lắm, thì người hộ niệm có thể tụng Kinh A Di Đà, niệm Phật, hồi hướng, chú nguyện.

Còn nếu thấy người bệnh có vẻ trầm trọng, thì người hộ niệm nên nhiếp tâm niệm hồng danh Phật A Di Đà. Tuyệt đối, không nên tụng niệm gì khác. Tất cả chỉ thành tâm mà niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà thôi. Có thể niệm bốn chữ hoặc sáu chữ tùy ý. Điều này còn tùy thuộc vào thói quen niệm Phật của người bệnh khi còn mạnh khỏe. Chúng ta nên chịu khó tìm hiểu rõ hằng ngày người bệnh niệm Phật như thế nào. Thường niệm bốn chữ hay sáu chữ. Phải hỏi rõ thân nhân của người bệnh để biết. Nếu người bệnh bình nhật thường niệm sáu chữ, thì người hộ niệm nên niệm sáu chữ. Còn như người bệnh thường niệm bốn chữ A Di Đà Phật, thì người hộ niệm cũng nên niệm bốn chữ. Điều này cũng rất quan trọng, vì đó là hợp ý theo thói quen của người bệnh. Nếu niệm hợp ý với người bệnh, thì họ sẽ phát khởi tâm hoan hỷ mà niệm Phật theo mình. Như

thế, thì việc hộ niệm mới có kết quả cao. Cho nên, người hộ niệm cần nên biết rõ việc này.

Một điều quan trọng hơn nữa, mà người hộ niệm cũng cần phải biết. Trước khi bắt đầu niệm Phật, thì một người đại diện trong số những người đến hộ niệm (thường là một vị Tăng, hoặc Ni, nếu không có chư Tăng Ni, thì người cư sĩ cũng được) nói vài lời thức nhắc cho người bệnh nhớ lại sở hành niệm Phật và những việc tu tạo phước thiện hằng ngày của mình. Như cúng dường, bố thí, ăn chay, tụng niệm v.v... Nhất là, nên nhắc lại bản nguyện của đức Từ Phụ Phật A Di Đà.

Như nói Phật tử hay liên hữu hãy lắng nghe cho thật kỹ: *“Đức Phật A Di Đà dạy chúng sanh ở trong thế giới mười phương, khi lâm chung niệm danh hiệu ta mười niệm, ta không rước về cõi nước Cực lạc của ta, thì ta sẽ không làm Phật”*. Hôm nay, thể theo lời Phật dạy, chúng tôi đến đây hợp lực cùng gia quyến để giúp cho Phật tử hay liên hữu niệm Phật để được vãng sanh về cõi Phật không còn khổ đau nữa. Xin Phật tử hay liên hữu phải nghe rõ từng chữ từng câu rồi trong lòng khởi niệm Phật theo chúng tôi.

Mục đích là để cho người bệnh nhớ lại mà có thêm niềm tin vững chắc mạnh mẽ hơn. Sau khi nói vài lời pháp ngữ khai thị xong, thì bắt đầu cử bài tán Phật và rồi đại chúng đồng niệm Phật. Nếu như đông người, thì có thể phân ra từng ban thay phiên nhau mà niệm Phật liên tục. Đồng thời những thân nhân của người bệnh nên vì người thân của mình mà hết lòng hợp lực cùng với những vị hộ niệm mà cùng nhau chí thành niệm Phật. Phải niệm cho rõ ràng từng chữ, từng câu.

Nếu trường hợp người bệnh ở trong bệnh viện, thì mọi người niệm âm thanh không nên to tiếng lắm và cũng không được nhỏ tiếng lắm. Nếu niệm lớn tiếng quá, thì sẽ dễ gây ra tiếng ồn và làm cho người khác gần bên khó chịu. Nghĩa là niệm âm thanh vừa đủ nghe là được. Thỉnh thoảng, vị duy na đánh một tiếng khánh gần tai người bệnh để thức nhắc cho người bệnh khỏi hôn mê.

Điều quan trọng trong lúc niệm Phật những người hộ niệm cần phải niệm cho hòa âm nhịp nhàng với nhau. Điều này cũng rất quan trọng. Không nên ý mình âm thanh tốt mà niệm cao tiếng lấn át tiếng người khác. Niệm Phật âm thanh chửi nhau như thế, thì gây ra thật khó nghe và làm cho người bệnh không mấy hài lòng dễ chịu. Mỗi người cần nên để ý mà tiếp hơi phụ lực với nhau và phải niệm cho liên tục. Nên nhớ, lúc này người bệnh bị cơn bệnh hoành hành đau nhức thật khó chịu. Người hộ niệm và trong thân quyến phải nên chú ý không nên làm phật lòng trái ý người bệnh. Vì như thế người bệnh dễ sanh phiền não và có hại cho việc vãng sanh rất lớn.

Tóm lại, khi người bệnh nặng sắp lâm chung, thì chúng ta chỉ nên một lòng cùng nhau niệm Phật, tuyệt đối không nên tụng Kinh Chú gì khác. Như thế, sẽ làm cho người bệnh không được nhất tâm niệm Phật. Vì trong lúc này, người bệnh không muốn nghe gì nhiều. Đồng thời phải niệm Phật tùy theo thói quen của người bệnh hằng ngày đã niệm. Mọi người nên thay phiên nhau niệm Phật cho liên tục. Và cũng không nên niệm to tiếng quá gây ồn ào khó chịu cho người khác. Chúng ta phải tôn trọng giữ gìn sự yên tĩnh cho những người khác ở trong bệnh viện. Đại khái, chúng tôi chỉ xin nêu ra một vài điều cần bản cần thiết trong lúc hộ niệm mà thôi. Thiết nghĩ, người hộ niệm cũng cần nên học hỏi nghiên cứu để hiểu rõ thêm.

(còn tiếp)



Tìm hiểu bí pháp trong Kinh Pháp Hoa

PHẨM CHÚC LUY THỨ 22



Qhữ chúc là giao phó, chữ luy là dẫn dò. Vậy chúc luy là giao phó dẫn dò, hay truyền trao, phó chúc, kế thừa. Đây là phẩm kinh rất quan trọng, suốt cuộc đời đức Phật lúc nào cũng canh cánh bên lòng mong gặp được người để truyền trao pháp diệu nhập đời hầu cứu độ chúng sanh và dạy người tu thành Phật. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, tổ Huệ Năng trước khi tịch cho hợp các đệ tử lại dẫn dò và giao phó công việc hoằng pháp lại cho các đệ tử, khuyên mọi người phải lo sách tấn tu hành giải thoát, khỏi vòng sanh tử luân hồi. Ở đây đức Phật cũng đem kinh Pháp Hoa ký thác cho các đệ tử phải luôn gìn giữ phổ truyền cho chúng sanh tu hành giải thoát sau khi Ngài nhập diệt. Hơn nữa kinh Pháp Hoa chính là trí kiến Phật tức là trí huệ của Như Lai, hay chân tâm tự nhiên của con người, nó khác với Hậu đắc trí là cái trí huệ cần phải học hỏi mới có, như trí huệ của nhà bác học vậy. Trong câu Như Lai là đại thí chủ có nghĩa là tâm ta không bao giờ từ chối ta một chút trí huệ nào cả. Sở dĩ chúng ta u tối là mãi chạy theo dục vọng, không chịu hỏi lại tâm, nên tâm không ban cho những lời chỉ dẫn sáng suốt. Vậy thì kẻ nào tìm thấy ánh sáng nơi mình nên đem ban bố cho mọi người và không nên ôm giữ một mình. Nhưng tin rằng tâm mình là Phật, trong tâm mình có kinh Pháp Hoa là một việc khó, do đó gặp những người chưa tin trí huệ của Như Lai thì nên dùng pháp khác thâm diệu của Như Lai, mà khai mở cho họ được lợi ích vậy. Người xưa đã nhận ra được tâm mình là Phật, nên có làm bài kệ sau:

“ Phật tức tâm là tâm tức Phật,
Tâm Phật cả hai đều vọng vật.
Người ngộ vô Phật và vô tâm,
Liên chúng chơn như pháp thân Phật.
(H.T Thiện Hoa dịch)

Theo ý bài kệ, thì tâm ta chính là Phật, nhưng chỉ đặt cho cái tên tâm để gọi vậy thôi, không nên chấp cho là thật. Người nào tỏ ngộ được lẽ

đó, sẽ chứng được chơn tâm, pháp thân Phật vậy. Bài kệ còn nhắc nhở người tu hành phải biết rõ cái chơn tâm và cái giả tâm, phải thấy được cái tĩnh tâm và cái động tâm.

Vậy thì ở phẩm này đức Phật đem kinh Pháp Hoa phó chúc cho hàng Bồ tát Tùng Địa Đồng Xuất và tiễn đưa chư Phật phân thân, Phật Đa Bảo trở về bốn quốc.

Ý nghĩa phẩm kinh có thể là như vậy. Bây giờ chúng ta hãy tìm bí pháp trong đó để áp dụng vào đời sống. Phẩm kinh này có những bí pháp sau đây:

1. ĐỨC PHẬT DÙNG THẦN LỰC XOA ĐẦU VÀ PHÚ CHÚC CHO HÀNG BỒ TÁT

Cử chỉ xoa đầu là cử chỉ thân thiện triu mến nhất. Đức Phật vận dụng thần thông lực nơi cánh tay phải, để xoa trên đỉnh đầu các vị Bồ tát Tùng Địa Đồng Xuất và sau đó đức Phật phó chúc sứ mạng phổ quảng kinh Pháp Hoa, chúng ta chịu trầm lắng nghiền ngẫm từng chữ của đoạn kinh mở đầu, nơi phẩm kinh này. Trước nhưt có những chữ đức Phật rời pháp toà, đức Phật đứng lên, đức Phật vận đại thần thông lực vào cánh tay phải xoa lên đỉnh đầu các vị Bồ tát. Đức Phật công bố lời quan trọng, phó chúc cho hàng Bồ tát thay Ngài. Đức Phật lập lại lời phó chúc và nhấn mạnh thêm. Trải qua năm giai đoạn, mỗi giai đoạn, mỗi cử chỉ, hành động và ý nghĩa đều sâu sắc. Từ khi vào hội Pháp Hoa, đức Phật nhập đại định và phóng hào quang, mãi đến phẩm Phương Tiện đức Phật mới mở lời, mà Ngài mở lời ra rất là quan trọng, bởi vì lời trong phẩm Phương Tiện Ngài lật tung cả mười như thị và Ngài nói thêm dù đạt được mười như thị cũng chỉ là giả pháp mà thôi. Ngài còn lật ngược vấn đề khác là các pháp vốn nó vĩnh hằng. Từ trước các đệ tử thường nghe Ngài dạy là các pháp vốn là vô thường và cũng từ nơi đó đức Phật tuần tự đi

vào vấn đề và thâm sâu từng pháp môn. Nhưng pháp môn nào, vấn đề nào đức Phật cũng lật ngược cả. Như các thời pháp trước đức Phật dạy ba thừa nhưng đến hội Pháp Hoa đức Phật chỉ công bố chỉ có một thừa, không hề có thừa nào khác, hoặc các thời pháp trước đức Phật dạy nữ giới có năm chương duyên không được làm ma vương chớ đừng nói làm Phật. Vậy khi vào hội Pháp Hoa đức Phật chẳng những để cho đại chúng nghe mà còn cho đại chúng chứng kiến tận mắt việc thành Phật của nàng công chúa rồng mới có tám tuổi, cho nên những cái mà đức Phật dạy trước kia, trình độ tiểu học, trình độ trung học và trình độ đại học và cho trình độ cao học, bây giờ đức Phật dạy lên trên sắp đi vào trình độ học giả và khi nào vào tối thượng thừa thì đức Phật đưa vào siêu học giả, không thể nghĩ, không thể bàn, không thể học, không thể luận lý được. Các pháp vốn nó là như vậy nên Phật không thể dùng lời để mà thuyết giải những gì đức Phật đã chứng nghiệm, do đó, Ngài đã nói: Ta không nói lời nào cả. Những cái nói kia ví như ngón tay chỉ mặt trăng, ngón tay ta không phải mặt trăng các người chỉ nương theo ngón tay để thấy mặt trăng mà thôi; các người nương theo những lời ta nói, kinh ta để lại, pháp môn ta hướng dẫn để thấy chơn lý mà thôi. Không phải lời đó là chơn lý, lời đó không phải của ta, ta không nói lời đó, ta chỉ phương tiện sử dụng lời đó, ta chỉ mượn thuyền bè qua sông, chớ thuyền bè không phải của ta và nó không phải của nhà các người, các người qua đến bên bờ kia rồi bỏ thuyền. Siêu việt nhất, tuyệt diệu nhất chưa có một đẳng giáo chủ nào như thế. Nói chung vào hội Pháp Hoa đức Phật vừa ôn lại tất cả các pháp và lại vừa minh xác dẫn dắt hàng Bồ tát, phân công hàng tứ chúng lẫn hàng trời quỷ rồng, đều thật sự đạt ngộ, hiểu trọn vẹn phần tinh túy của các pháp. Khi mới vào hội Pháp Hoa đức Phật vận dụng đại thần thông lực nhưng lại yên lặng, khi vào thời kỳ phổ hiện Như Lai thần lực, đức Phật lại vận dụng đại thần thông lực một lần nữa, nhưng lần này đức Phật chỉ thè lưỡi khảy móng tay và tăng hắng. Đến phần chúc lụy đức Phật đứng lên rồi pháp toà, vận dụng đại thần thông lực vào cánh tay phải, xoa lên đầu của chư Bồ tát rồi mới mở lời công bố, truyền trao phó chúc sứ mệnh phổ quảng kinh Pháp Hoa, tức là pháp diệu đại

thừa cho hàng Bồ tát Tùng Địa dũng xuất. Như thế thì đủ biết tầm mức quan trọng của sự việc chúc lụy đến cỡ nào. Quan trọng nhất là cử chỉ xoa đỉnh đầu, nó vừa thân thương vừa quyền uy. Thâm sâu vào cách xoa đỉnh đầu một chút nữa, hàng Bồ tát Tùng Địa dũng xuất đông vô lượng, chúng ta phải hiểu rằng đức Phật dùng đại thần lực, sự việc lần sau cùng của lời công bố phó chúc, đức Phật nhấn mạnh: Các vị phải chuyên tâm thọ trì đọc tụng, tuyên thuyết, phổ quảng pháp này hầu khiến cho chúng sanh đều nghe biết và chứng đắc pháp này.

2. VÌ SAO PHẢI PHỔ TRUYỀN SÂU RỘNG PHÁP DIỆU NHẬP ĐỜI

Đức Phật công bố đức Phật là đại thí chủ, đủ điều kiện truyền trao trí tuệ cho bất cứ ai, bất cứ chúng sanh nào trí tuệ Phật, trí tuệ Như Lai nhất là trí tự nhiên, ai ai cũng có trí này nhưng mà chẳng chịu bừng khai nó. Lúc nào cũng nghĩ mình là gã cùng tử, cho nên mãi đến khi vào hội phú chúc truyền trao sứ mạng cho hàng Bồ tát, đức Phật mới nhấn mạnh cho mọi người đều được hiểu đều được biết cái trí tự nhiên của chính mình. Một khi đã hiểu, đã biết đã tin chính mình có sẵn cái trí tự nhiên thì mới chứng đắc quả vị Phật được, mới tu Pháp Hoa kinh được mới hành Bồ tát đạo được. Khi mình chưa thấy trí tự nhiên của mình, chưa biết cái trí tự nhiên của mình chưa tin cái trí tự nhiên của mình thì học đạo suốt đời cũng không có kết quả.

Nếu chúng sanh nào chưa hiểu, chưa biết, chưa tin thì hàng Bồ tát và những người phát nguyện Bồ tát hạnh phải bằng mọi cách thuyết giảng cho họ hiểu biết họ có cái trí tự nhiên và muốn cho họ biết thì chính chúng ta phải tin chúng ta có trí tự nhiên, cho nên đức Phật mới đề cập trí tuệ Phật, trí tuệ của Như Lai và tự nhiên trí. Quan trọng của đoạn kinh này là chú mục vào hàng Bồ tát Tùng Địa dũng xuất, chứ chúng ta là hạng phàm nhân có liên quan gì mà học? Có chứ, hàng Bồ tát thì được đức Phật truyền trao phó chúc sứ mạng phổ truyền pháp diệu nhập đời còn chúng ta đang học, đang tu, đang tập và đang khổ luyện pháp này, trong thời gian đang chờ đợi trao truyền pháp diệu này, chúng ta nên học cho thông về pháp chúc

luyện thì mới tu luyện pháp tế, pháp vi và pháp diệu được. Nếu không thông pháp tế pháp vi thì không thể nào chờ cho đủ nhân duyên để mình được phó chúc truyền trao pháp diệu được. Muốn vậy, chúng ta ai ai cũng phải tuyệt đối tuân thủ theo nguyên tắc phó chúc này.

3. CHƯ VỊ BỒ TÁT TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT NHẬN LÃNH SỨ MỆNH

Biết bao nhiêu hàng Bồ tát từ khắp muôn phương đến cõi Ta Bà xin đức Phật nhận lãnh sứ mạng phổ truyền kinh Pháp Hoa, đức Phật không chấp nhận, không truyền trao sứ mệnh. Trái lại, hàng Bồ tát Tùng Địa đồng xuất, từ phương dưới cõi Ta Bà vọt lên, hàng Bồ tát này không tên, cho nên chúng ta có thể gọi là vô danh Bồ tát. Điểm đặc biệt về sự thành công của đức Phật Thích Ca là phần nhân sự. Trong phần nhân sự nhiều chỗ rất tuyệt vời, cái nào cũng đều có chỗ ráp hết, không trống rỗng một cái nào. Ví dụ khi độ cho hàng Thanh Văn mà nếu không có Ngài Duy Ma Cật, Bồ tát Văn Thù hay Bồ tát Quán Thế Âm xuất hiện thì quá thiếu sót, tuy những vị đó quan trọng thật nhưng mà hàng Bồ tát Tùng Địa đồng xuất được trao quyền phó chúc, sứ mạng đi dạy người ta làm Phật và được các vị Bồ tát đó nhận lời và trả lời một cách rất là tuyệt diệu như thế. Thành phần nhân sự đến đây đức Phật thành công lớn. Chẳng những đức Phật chọn đúng thành phần nhân sự mà chọn đúng bốn tiêu chuẩn: Pháp, tài, lữ, địa. Pháp là chánh danh, phương pháp, tài là khả năng, tài chánh, hai yếu tố này không khó nhưng lữ là nhân sự điều hành, nhân sự yểm trợ, nhân sự mở rộng, nhân sự hưởng ứng đa phần rất là tệ hại. Chọn người hiền lành thì mình mệt mỏi lắm, mà chọn người lanh lợi thì họ bán trời không cần văn tự, địa là địa lý chỗ ở nơi giao lưu điểm này không ngại chỉ sợ nhất là yếu tố nhân sự bởi vì:

“DÒ SÔNG DÒ BIỂN DỄ DÒ,
ĐÓ AI LẤY THUỐC MÀ ĐO LÒNG
NGƯỜI?”

Lòng người nham hiểm, tráo trở, dễ bị mua chuộc nhất là lòng người hay chán nản, dễ bị tuyên truyền, quyến rũ. Yếu tố nhân sự gồm có bốn điểm như sau: Thành tín, khả năng, đồng

chí hướng và nhiệt tình. Nếu thiếu một trong bốn điểm này thì hoàn toàn thất bại. Thế mà có những người thiếu cả bốn điểm này mà vẫn điều hành công việc cho nên thất bại hoàn toàn. Đức Phật về mặt lữ mỗi người một cách, mỗi người một vẻ và nhất là thành công cuối cùng của đức Phật là phẩm chúc lữ này là chỗ Bồ tát Tùng Địa đồng xuất đông vô số mà chịu nhận lãnh trách nhiệm thay Phật để phổ truyền pháp diệu nhập thế, để dạy cho chúng sanh muôn loài thành Phật. Đoạn kinh này rất tuyệt diệu là hàng Bồ tát nhận lãnh mà không đòi hỏi điều gì cả và không lời từ chối. Họ là những người không tên không tuổi, từ nơi chỗ thấp hèn, đồng chua nước mặn, chân lấm tay bùn và bị người đời hắt hủi, cho là khùng điên, dốt nát, xấu xa, tới chỗ khép nép ngồi một bên nhưng cuối cùng được đức Phật truyền trao một việc khó như vậy mà vẫn không từ nan. Đức Phật vừa truyền trao sứ mạng thì hàng Bồ tát liền nhận sứ mạng không hề đặt điều kiện, thật là một tấm gương sáng để những ai còn lững lờ, tư tưởng còn lung chùng noi vào mà tinh thức.

4. ĐỨC PHẬT THÍCH CA TIỀN ĐƯA CHƯ HOÁ PHẬT VÀ PHẬT ĐA BẢO VỀ NƯỚC

Sứ mạng và bốn nguyên của đức Phật Thích Ca là chuyển pháp diệu vào đời để hoá độ chúng sanh, thành Phật. Bản nguyện đó đến nay dù Phật đã hoàn thành và chỉ tha thiết mong có bấy nhiêu thôi. Nhưng bây giờ có hàng Bồ tát vô danh lãnh sứ mệnh và hứa làm tròn trách nhiệm, thỉnh cầu đức Phật chớ lo ngại. Con người cứ lo âu về thế hệ kế tiếp. Người nào cũng canh cánh bên lòng thế hệ kế tiếp rất khó khăn và ai cũng muốn mình thành công khi nhắm mắt rồi trả hết lại những gì cho cuộc đời, hoài vọng làm sao cho tư tưởng của mình, việc làm của mình có người nối tiếp. Nhưng đa phần chúng ta chưa biết ai sẽ kế thừa. Chúng ta chưa giải mã được nó là vì chúng ta chưa hề cầu nguyện và hôm nay chúng ta bắt đầu cầu nguyện, để có người kế thừa. Tổ Trúc Lâm Yên Tử là một vị vua. Ngài nhường ngôi cho con lên làm Thái Thượng Hoàng, rồi xuất gia đi tu ở núi Yên Tử lập ra phái thiền Trúc Lâm, Ngài là một ông vua, một Thái Thượng Hoàng và là một Hoà thượng

nhưng Ngài không tìm được người kế thừa. Mãi về sau mới gặp được Đồng Kim Cương nhận làm đệ tử xuất gia và truyền thừa cho Đồng Kim Cương tức Pháp Loa rồi Pháp Loa truyền đến Ngài Huyền Quang thì chấm dứt từ đó. Sự truyền thừa trong Phật giáo rất quan trọng không nên vì tình cảm riêng tư mà truyền thừa cho những kẻ bất tài thiếu đức thì hậu quả chỉ làm hại tông môn.

Để kết luận xin mượn câu chuyện đối đáp giữa ông lão đóng xe và vua Tề Hoàn Công như sau: Một hôm Tề Hoàn Công hỏi ông lão thợ mộc:

- Thừa lão tiên bối, tiên bối có con cháu hay học trò nối nghiệp này chăng? - Dạ thưa có. Vậy sao tiên bối không giao việc này cho con hoặc học trò mà lại chịu nặng nhọc như vậy? - Dạ thưa, vì kính mến đức vua nếu giao cho người khác thì già này không yên lòng. Bởi vì nghề đóng xe cũng lắm mẹo mực. Nếu gắt quá thì ráp không vô, nếu hơi non một chút thì khi xe chạy gặp khí hậu trời quá nóng, cãm xe tộp lại, bánh xe sẽ rớt ra gây nguy hiểm tánh mạng cho người trên xe, nhất là đức vua, có sứ mạng chăm lo cho cả trăm họ. Vậy sao lão tiên bối không truyền trao mẹo mực đó lại cho học trò mình. - Dạ đã truyền trao rồi chứ nhưng chưa có người lãnh hội để thừa kế, bởi vì mẹo mực không thể nói bằng lời, càng không thể dùng văn tự cũng như việc làm vua nếu như mà dùng văn tự, hoặc dùng lời để trao truyền được cho con cho cháu thì đức vua đã trao truyền từ lâu rồi, chứ làm gì phải còn nhọc mệt đến long nhan của Ngài như vậy? Tề Hoàn Công im lặng nhìn ông lão thợ mộc để thẩm thấu một lời dạy mà nó không hề có lời nào dạy cả.

ĐỒNG MINH



Còn gì đâu anh?

*Một ngày nào anh ra đi,
Bạn bè anh buồn thương tiếc.*

*Bà mẹ già tóc bạc phơ
Ôm thây anh rồi gào thét!
Và vợ hiền quần khăn tang,
Cùng đàn con lòng đau xiết.*

*Người đạo tỳ lái xe tang,
Đưa thây anh vào lò đốt.
Và mọi người tiễn đưa anh,
Thầm nói lên lời vĩnh biệt!
Anh đã ra đi bỏ hết của đời.*

*Sự nghiệp bao năm giờ cũng hết rồi.
Chức vị công danh vang bóng một thời mà
thôi.*

*Vợ anh rồi đây sang tay người khác,
Tiền bạc của anh lần hồi tiêu hết,
Con anh lớn lên tản mác muôn nơi,
Đâu còn gì nữa hỡi anh ơi?*

*Lúc còn sống anh lo vợ vét làm giàu,
Chẳng chút thương yêu cứu giúp người
nghèo,*

*Dùng chức vị anh tạo ác đủ điều,
Nhờ thế, công danh tiến như triều,
Cuối cùng rồi triều cũng dứt dây.*

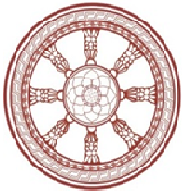
*Bây giờ anh còn lại gì đây?
Ngoài hũ cốt tro, lửa cháy đen xỉ,
Thân tứ đại này trở về cát bụi,
Vợ con anh rồi cũng sẽ quên đi!
Bạn bè anh ai đâu còn nhớ tới chi!
Ôi! cuộc đời nghĩ lại thêm sầu bi!*

*Con đường sanh tử anh mãi đi!
Con đường sanh tử phải đi qua,
Đi mãi mà không tới nhà.*

*Ba cõi luân hồi trong sáu nẻo,
Quanh đi quẩn lại cõi Ta Bà.*

Văn Thân





ĐIỀU VĂN PHÂN ƯU của GHPGVNTN Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới Đại từ Đại bi Tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật.

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng Ni,
Kính thưa quý quan khách, quý thân hữu,
Kính thưa quý tang quyến,
Kính thưa liệt quý vị,

Trước tiên, thay mặt Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, chúng tôi xin thành kính ngỏ lời phân ưu cùng quý tang quyến, trong nỗi lòng đau thương mất mát lớn lao người thân trong gia đình. Trong gia đình con cháu đã thực sự vĩnh viễn mất đi một người mẹ hiền, một người bà khả kính, khả ái. Trong Phật giáo cũng mất đi một người phật tử thuần thành hiểu đạo; một người đã hy sinh bản thân và gia đình tận tâm phục vụ cho xã hội và đạo pháp. Dù là một phật tử tại gia, nhưng cụ bà Nhu Hòa đã dành nhiều thời giờ giúp công quả cho chùa, tận tâm phục vụ cho Giáo hội. Chúng tôi được biết cụ bà qua những kỳ Đại hội Phật giáo. Lúc Hòa thượng Tông Trưởng còn sinh tiền và những năm Hòa thượng còn tại vị lãnh đạo Giáo hội, cụ bà thường xuyên gắn bó tới lui chùa Phước Huệ để hỗ trợ phụ giúp một vài công việc thiết yếu cho Hòa thượng và Giáo hội. Cụ bà phục vụ rất đặc lực và nhiệt tâm. Vốn sẵn có kiến thức về ngoại ngữ, về văn hóa xã hội, và nhất là về kiến thức Phật học, đó là những lợi khí sắc bén mà cụ bà đã quyết tận dụng nó để làm những công việc lợi ích giúp đời hộ đạo. Với bản tánh hiền hòa, khiêm cung, nói năng từ tốn, hòa nhã, nên trong khi giao tiếp, cụ bà Nhu Hòa được mọi người quý kính mến thương. Quả đúng như tên và pháp danh của cụ bà là Thanh Lịch và Nhu Hòa. Nhu hòa nhẫn nhục là một đức tánh rất cao quý mà cụ bà đã có. Ngoài thành viên của Giáo hội ra, cụ bà còn đảm nhận một vai trò trọng trách khá quan trọng, đó là Hội trưởng Hội Phụ Nữ Việt - Úc. Cụ bà cũng còn là một thành viên của quỹ từ thiện Phật giáo Việt - Úc VABAT. Sự đóng góp công lao của cụ bà cho chùa, cho Giáo hội cũng như cho các Hội đoàn, Đoàn thể trong cộng đồng Việt - Úc, đó là những nghĩa cử ưu ái cao đẹp, bằng một tấm lòng vị tha rộng mở, vì người hơn vì mình. Điều đó, chúng tôi thiết nghĩ, những người có mặt hôm nay cũng như những người còn ở lại chắc chắn là không thể nào quên được.

Trong những năm gần đây, người ta ít thấy cụ bà đến chùa như trước kia, đó là vì tuổi già sức yếu, sức khỏe suy kém, nên việc di chuyển tới lui rất khó khăn.



Đạo hữu Nhu Hòa là một thành viên trong Quỹ Từ Thiện VABAT



Linh cửu hương linh NHU HÒA được quàn tại vãng sanh đường Tổ đình Phước Huệ từ ngày 23/4 - 24/4/2017

Do đó, nên cụ bà thường nằm ở nhà tịnh dưỡng.

Kính bạch chư tôn liệt vị,

Vẫn biết, sự ra đi của cụ Nhu Hòa là thuận theo lẽ vô thường sinh diệt, có sinh tất phải có tử, có hợp tất phải có tan. Vì chết là một định luật tất yếu, một quy trình sinh diệt, không ai tránh khỏi. Nhưng chết chỉ là sự tan hoại của hình hài thân xác, của pháp hữu vi. Còn bản tánh chơn thường thì làm gì có hoại diệt. Sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc. Tuy nhiên, đứng về mặt tục đế, thì không ai lại không ngậm ngùi thương tiếc khi đã vắng bóng mất đi một người thân thương ruột thịt của mình. Theo luật nhân quả báo ứng, hễ gây nhân tốt, tất gặp quả tốt. Đối với cụ Nhu Hòa, có thể nói trọn đời ngoài việc lo cho gia đình ra, làm tròn bốn phận trách nhiệm của một người mẹ, người bà, cụ bà còn nhiệt tâm đóng góp nhiều công sức cho cộng đồng nhơn loại, nhất là tạo nhiều nhân lành trong Phật pháp. Với những việc làm thiện nguyện đó, cũng như ý thức nỗ lực trong việc tu hành, làm lành lánh dữ, chắc chắn là cụ bà đã chọn cho mình một hướng đi vững chắc trong chiều hướng an lạc và giải thoát.

Hôm nay trong giờ phút ngàn thu vĩnh biệt này, chúng tôi xin thấp nén tâm hương tưởng niệm và kính nguyện cầu hương linh cụ bà Nhu Hòa thể danh Nguyễn Thị Thanh Lịch, pháp danh Nhu Hòa, hưởng thọ 91 tuổi, tạ thể ngày 23/3 âm lịch năm Đinh Dậu tức nhằm ngày 19/4/2017 tại thành phố Sydney, chóng thoát Ta bà, siêu sanh Tịnh độ, chóng đắc vô sanh pháp nhẫn, hoàn lai Ta bà phổ độ chúng sanh. Và một lần nữa, chúng tôi cũng xin được chia sẻ niềm đau thương mất mát lớn lao của gia đình tang quyến và nguyện cầu hồng ân chư Phật gia hộ cho quý vị: thân tâm thường lạc, vạn sự an lành.

Nam mô Chứng Minh Sư Bồ tát ma ha tát, tác đại chứng minh.

LỜI XÚNG TÁN VÀ THƯƠNG TIẾC CỦA MYLES TRƯƠNG DAVIS (Cháu ngoại)

Bà Nhu Hòa Nguyễn Thị Thanh Lịch

Ra đời tại: Hà Nội, Việt Nam 02/10/1927

Quá vãng tại: Sydney, Úc Đại Lợi, 19/ 04/ 2017



Con xin kính chào tất cả,

Bà Nhu Hòa được rất nhiều người thương mến, ngưỡng mộ và kính trọng. Và nhất là đối với nhiều người trong Cộng Đồng người Việt tại Sydney. Bà được công nhận nhiều nơi vì các sinh hoạt cộng đồng và cũng nổi bật trong phạm vi tôn giáo như là một thành viên cao niên trong cộng đồng Phật tử. Và Bà cũng là bà ngoại của con. Con hân hạnh hôm nay đến với quý vị để xin chia sẻ vài câu chuyện trong cuộc đời của Bà.

Con muốn bắt đầu bằng lời cảm ơn tất cả quý vị đã tham dự những chương trình Lễ Cầu Nguyện mang đầy ý nghĩa đối với Bà, đã tham dự phần tán dương cuộc đời và công việc Bà đã làm.

Như tất cả chư Tăng Ni và quý vị đều biết, niềm tin vào giáo pháp của Đức Phật chính là nền tảng sự hiện hữu của Bà. Bà ngoại của chúng con luôn cố gắng giữ của nguyên tắc của Phật pháp về hòa hợp, trí tuệ, khoan dung, từ bi, lòng tử tế và niềm hoan hỷ. Và đó chính là những gì làm chúng con an lòng vì Đức Phật đang cầm tay Bà dẫn dắt đi về kiếp sau.

Trong hơn 20 năm qua, Bà Nhu Hòa đã là Viên Chức Liên Lạc Cộng Đồng và là tình nguyện viên toàn thời tại chùa Phước Huệ. Bà cũng là người sáng lập và là Chủ tịch của Hội Phụ Nữ Phật Tử Úc Việt tại New South Wales. Vì thế, con xin, thay mặt đại gia đình, đặc biệt cảm ơn Hòa Thượng Viện chủ, chư Tăng Ni và tất cả mọi người đã tỏ tình thân hữu và hỗ trợ Bà trong nhiều năm qua. Và đã trân trọng tổ chức chương trình Tang Lễ cho Bà trong hai ngày qua.

Đây thật là lần chia tay tuyệt đẹp với một

người phụ nữ tuyệt diệu. Và lòng tử tế của tất cả quý vị sẽ luôn sống mãi trong lòng chúng con cho đến cuối đời.

Là một khuôn mặt trong cộng đồng người Việt, Bà còn là một nhân vật trung tâm trong đại gia đình của chúng con. Bà là Mẹ của Vân Anh (Isabelle), bà ngoại của Miriam (Minh Anh), Tom và con và là bà cố ngoại của Ines. Và bà chính là món quà tặng đầy tình thương cho tất cả chúng con và cũng là nguồn sức lực và cảm hứng cho chúng con.

Chúng con sẽ nhớ Bà vô cùng. Nhưng Bà đã sống đến tuổi rất cao và đã sống một cuộc đời dài tràn đầy những sự kiện quan trọng. Và cũng có đôi khi, Bà biết rằng đây là lúc phải ra đi.

Thật là một an lành lớn lao vì bà đã ra đi trong an bình và cùng với sự thanh thản trong lòng của một người có niềm tin mãnh liệt vào tôn giáo. Và thay mặt cả gia đình, con xin đặc biệt cảm ơn tất cả các Bác sĩ và Y tá tại Sacred Heart Hospice của Bệnh Viện St. Vincent đã chăm sóc Bà tuyệt diệu trong cả bao nhiêu tuần lễ và trong những giờ phút cuối cùng của cuộc đời Bà.

Bà Nhu Hòa Nguyễn Thị Thanh Lịch ra đời tại Hà Nội, Việt nam vào năm 1927. Như rất nhiều người trong chúng ta, những bước ngoặt xoay quanh cuộc đời Bà phản ánh biến động của đất nước nơi Bà sinh trưởng. Chiến tranh Việt Nam và cuộc đấu tranh chống lại Cộng sản đã làm Bà sợ hãi như bao nhiêu triệu người khác. Nhưng bà đã may mắn thọ nhận được một nền giáo dục tốt để chuẩn bị cho một sự nghiệp với các chức vụ cao cấp trong cả chính phủ miền Bắc trước năm 1954 và tại miền Nam sau này. Và những điều đó đã tạo một thể đứng vững chắc cho suốt cả cuộc đời Bà.

Nghề nghiệp của Bà bắt đầu từ Hoàng Cung ở Hà Nội vào năm 1949, khi Bà là một trong những nhân viên của Hoàng Đế Bảo Đại, vị vua cuối cùng chấm dứt vào năm 1945 nhưng vẫn là Quốc Trưởng.

Vào năm 1954, khi đất nước Việt nam chia làm đôi - Miền Bắc và Miền Nam – Bà Nhu Hòa đã đi cùng cựu hoàng Bảo Đại vào Đà Lạt thuộc Miền Nam. Và khi cựu hoàng Bảo Đại không còn là Quốc Trưởng nữa thì Bà là một viên chức cao cấp trong chính quyền địa phương Đà Lạt, rồi sau đó di chuyển về Sài Gòn để làm việc tại Bộ Ngoại Giao của chính phủ Miền Nam.

Bà Nhu Hòa có một sự nghiệp đặc biệt trong ngành ngoại giao, trước tiên phục vụ tại nước Lào và Campuchia và sau đó nắm hai chức vụ quan trọng tại Canberra và Washington do Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa bổ nhiệm. Bà là Tùy viên tại Tòa Đại Sứ của Việt Nam Cộng Hòa tại nước Úc từ năm 1966 đến năm 1971 – là thời cao điểm của chiến tranh Việt Nam. Và sau một thời gian ngắn tại Sài Gòn, Bà được đưa đi Washington vào năm 1972 với chức vụ là Tùy viên và là Thư ký cho Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Tại đó, bà được chính thức đặc trách về các tài liệu tối nhạy bén liên quan đến việc chỉ đạo cuộc chiến. Bà là người trong nội bộ được tin tưởng. Bà là người giữ những bí mật. Nhưng cuộc đời làm nhà ngoại giao của bà tại Washington đã chấm dứt đột ngột vào ngày 30 tháng Tư năm 1975, khi Sài Gòn rơi vào sự tấn công của cộng sản và chính phủ bà đang phục vụ bị thua trận. Tất cả Tòa Đại Sứ của Việt Nam Cộng Hòa ở hải ngoại đều phải bị đóng cửa và các nhân viên của Tòa Đại Sứ trở thành những người vô tổ quốc. Như hàng triệu người khác, cuộc đời của Bà bị đảo ngược. Nhưng bà đã cho là mình may mắn cực

độ so sánh với nhiều đồng hương nam nữ khác - những người phải chọn lựa trốn chạy khỏi Việt nam hay phải ở lại thích nghi với luật lệ cộng sản. Và nhất là đối với các thuyền nhân – hàng chục ngàn người vượt biển để tìm cuộc sống mới tại Úc và những nơi khác đã bỏ mạng vì ý hướng này.

Bà Nhu Hòa sau đó đã được chấp nhận quốc tịch Hoa Kỳ. Và sau khi là nhân viên kế toán và quản lý một cửa hàng tại Washington, bà đã di dân đến Úc vào năm 1983 theo Chương Trình Đoàn Tụ Gia Đình do sự bảo lãnh của con gái Vân Anh.

Như rất nhiều người Việt Nam khác, Bà đã chịu nhiều nỗi đau khổ, trong đó có sự mất mát thân nhân, bạn hữu, nơi cư trú ở Hà Nội và Sài Gòn trong các giai đoạn khác nhau của chiến tranh Việt Nam. Nhưng bi thương hơn là tại Úc Bà đã mất đi người con trai duy nhất Trương Cam Quế - qua đời vì bất ngờ bị chứng phình mạch máu não vào năm 1983.

Nhưng bà là một người can đảm – bà quyết tâm không ngã gục vì sự tự thương hại mình. Như đa số quý vị đã biết Bà đã cống hiến phần đời còn lại không chỉ cho việc an sinh cho mỗi gia đình mình mà còn vì an sinh của Cộng Đồng Người Việt tại Úc ở vùng Cabramatta - nơi mà bà đã sinh sống từ năm 1986.



Dự lễ Mộc Dục tại Tổ đình Phước Huệ

Trong bất cứ phương cách nào, bà Nhu Hòa xem giai đoạn mới về nghề nghiệp này thỏa mãn ý hướng cá nhân nhiều hơn là cuộc đời của một nhà ngoại giao, bà đã cống hiến mình trong việc trợ giúp di dân Việt Nam thích hợp với đời sống mới ở Úc. Công việc cộng đồng của bà Nhu Hòa bao gồm vai trò của người bênh vực quyền lợi, giúp đỡ bảo đảm các dịch vụ khác nhau nhất là đối với các vị cao niên, thăng tiến mối quan hệ giữa người Việt Nam với cộng đồng rộng lớn hơn và giúp đỡ người trẻ tuổi duy trì được mối dây văn hóa trên con đường trở thành những người Úc hãnh diện. Bà đã được cộng nhận sự đóng góp này bằng Giải Thưởng của Thủ Hiến tiểu bang NSW vào năm 1991, đây chỉ là một trong những vinh dự bà đã nhận được trong nhiều năm.

Trong Cộng Đồng Người Việt, bà Nhu Hòa ủng hộ mạnh mẽ sự khoan dung trong vấn đề chủng tộc và tôn giáo. Bà tin rằng triết lý Phật giáo về trí tuệ, khoan dung và từ bi chính là chìa khóa để xây dựng một cộng đồng thành công và đạt được công bằng xã hội.

Những giá trị này hình thành nên nền tảng của cuộc đời Bà. Những giá trị này là cột trụ của Hội Phụ Nữ Phật Tử Úc Việt thành lập vào năm 1989.

Là một tổ chức từ thiện có đăng ký, Hội đã gây quỹ cho nhiều phần vụ khác nhau - trợ giúp người khuyết tật, người khiếm thị, trẻ mồ côi, người cao niên và người nghèo. Cũng như đã hỗ trợ người bị bệnh ung thư và các nạn nhân thiên tai tại Úc và Việt Nam. Một trong những công việc mà bà hài lòng nhất là chỉ dẫn về các nguyên tắc tín ngưỡng cho học sinh tại trường Tiểu Học Wiley Park và Bà cũng thường xuyên được mời nói chuyện tại Moriah College (một trường Do Thái ở Queens Park). Bà cũng là một thành viên trong Hội đồng Quản trị của bệnh viện Karitane tại Carramar và bà cũng chính thức là một Sứ giả Hòa bình của Liên Hội Hòa Bình Thế Giới.

Tuy nhiên Bà được nhiều người biết đến do công việc làm tại Tổ Đình Phước Huệ, Bà rất yêu mến công việc này và điều này đã trở thành tâm điểm của cuộc đời bà.

Từ năm 1985 đến năm 1987, Bà đã liên lạc với các cơ quan công quyền địa phương, tiểu bang và liên bang để có được một mảnh đất rộng 8000 thước vuông nơi mà hiện nay Tổ Đình Phước Huệ tọa lạc. Đó là một cố gắng rất lâu dài để đạt được những gì cần thiết từ Hội đồng Thành Phố Fairfield và Chính Phủ Tiểu Bang.

Bà chính là chìa khóa gạch nối giữa cộng đồng Phật tử và cơ quan chức năng liên hệ và bà cũng đã sử dụng mối liên hệ với giới truyền thông quảng bá cho công chúng biết hầu vượt qua những chướng ngại của dự án xây chùa. Xin cảm ơn nỗ lực cống hiến của nhiều người trong đó có Bà của chúng con, ngày nay ngôi Chùa hiện hữu đó như một biểu tượng thắng lợi của những giá trị Phật Pháp về hòa hợp, cộng tác, thiện ý và là ngọn đèn hướng dẫn cho các dịch vụ cộng đồng.

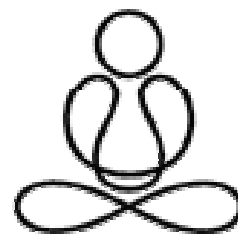
Bà cũng là một ngọn đèn dẫn lối trong phong trào Phật giáo thế giới. Từ năm 1986 đến năm 1994, Bà là đại biểu của nước Úc tại các đại hội quốc tế do Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới tổ chức tại Nepal, Nam Hàn, Đài Loan và Thái Lan nơi Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới đặt căn cứ. Tất cả các đại hội này đều đặt trọng tâm về nhân quyền, xiển dương hòa bình thế giới, triết lý Phật giáo về trí tuệ, khoan dung và từ bi.

Và như thế hôm nay đây, thưa tất cả quý vị, chúng ta đang đưa tiễn một người phụ nữ cao quý, đó chính là Bà ngoại của chúng con. Tất cả chúng con đều gọi bà như thế trong đại gia đình cho dù Bà có là Bà ngoại của chúng con hay không phải là Bà ngoại. Và Bà là một người rất đặc biệt đối với tất cả chúng con.

Như quý vị đã biết, Bà là một Phật tử sùng đạo sống đời rất đơn giản với tình thương và từ bi cho tất cả mọi người. Và Bà đi sang đời sau với tay trong tay của Đức Phật, bỏ lại đằng sau lòng yêu mến của tất cả chúng ta mà tình thương đó sẽ tồn tại mãi mãi trong tim ta.



Âi Thân Âi Sư ?



Trong thế gian, trên từ các đế vương, công hầu, khanh tướng, dưới đến tất cả các hàng sĩ, nông, công, thương, gái trai, già, trẻ, mỗi mỗi đều có ba người tri thức này:

- Người thứ nhất: Tên Chí Tôn, người đời ít có kẻ yêu dùng kính trọng.
- Người thứ hai: Tên là Chí Thân, mọi người ai cũng đem lòng kính mến.
- Người thứ ba: Tên là Chí Ái, từ Thiên tử đến thứ dân, ai ai cũng yêu dùng hoài mộ.

Bây giờ chúng ta hãy đi đến ba người đó, để thừa trình về việc mình sắp lìa trần. Thừa rằng: vì chúng tôi bị lụy trong đường sanh tử, nay cơn đại nạn đã lâm đầu, xin ba vị thương tình cứu cấp, gắng giúp chúng tôi lên đường.

Chí Tôn mới nói như vậy: ngày bình sanh chú ít hoài mộ, ít khi thân cận, lòng không ưa, tính không hạp, không chịu hồi tâm, chuyển ý, chiếu cố đến tôi. Thoạt vậy ngày nay chú có từ trần thế thể, may có phước lên đăng 33 cõi trời, ruỗi gây tội sa vào 18 tầng địa ngục, ta cũng sẵn có cái tâm từ bi, oai thần thể lực, phương tiện, đi đến đăng cứu giúp, việc đó chú khỏi nói, mà là bổn phận của tôi.

Chí Tôn này thuộc về phần đạo đức.

Chí Thân thì nói: bình sanh chú bị tôi ràng buộc, chẳng được thung dung tự tại, làm một người khách phong trần lãng xăng, mắng lo nhiều sự hiểm nghèo, gây nhiều tội lỗi sâu dày, chẳng phải chỉ một việc. Trong chỗ chú bị điều họa hại kẻ không sao xiết, tôi nói với chú thiệt đả "tình thâm diện thực", đến ngày nay, chú có bất hạnh, tôi sẽ gắng đưa chú đến nửa đường, rồi xin trở lại, một bước nữa cũng không đi.

Chí Thân này thuộc về phần vợ con.

Đến phiên Chí Ái nói rằng: nhứt sanh chú ở với tôi, bền lòng như sắt, đá, thiệt là yêu dấu, quý trọng tôi đến độ phi thường, thương quý vô cùng vô tận... Cách mặt tôi thời chú nhớ, vắng hình tôi thời chú trông, đường đi dù cách trở thiên sơn vạn thủy, dầu mà có khó nhọc cách gì, cũng phải tách mình mần mò tìm kiếm, mong thấy được mặt tôi rồi, chú mới thỏa lòng hoài vọng. Ngày nay chú có qua đời, mặc dù tình chú có đi, nhưng chẳng có bổn luật mới nào dạy tôi phải đưa chú? Chí Ái này thuộc về phần tiền bạc, gia sản.

Cổ Đức có dạy: Vạn bang tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân. Nghĩa là: "Người đời chung cuộc rồi, muôn việc chỉ đều bỏ lại, tưởng chỉ có phần đạo đức đem theo được mà thôi. Chỉ có nghiệp theo, xin hãy gắng mà mang theo nghiệp lành, đừng đeo mang nghiệp ác mà khổ lụy nhiều đời.

Lãng Diên (sưu khảo)

(Trích Nguyệt San Phật Giáo số 3)



Mặt trời lên cao, ánh nắng chói chang rơi vào tận phòng ngủ, cô bé muốn nằm nướng thêm cũng không được, lũ chim ca hát líu lo trên giàn hoa thiên lý, bé tung mền chạy ra khỏi phòng.

– Dì, dì ơi, dì đâu rồi?

Có tiếng người cất lên từ phía sân.

– Chuyện gì vậy con?

– Hôm nay con có hẹn với hai bạn của con đi tắm biển và leo núi ở phía sau khe.

– Bọn nhỏ chưa tới, ăn sáng rồi đi.

Cô bé đến sát bên người dì đang quét lá cây, ôm choàng và tựa đầu vào sau lưng dì những nhều.

– Tụi con hẹn ăn sáng ở ngoài bãi biển.

– Biển có gì mà ăn?

– Bí mật! Cho con xin mấy củ khoai lang sống nha dì.

– Lấy đi! Nhà nhiều trái cây, lấy đem theo ăn.

Cô bé chạy vào trong nhà, nghe tiếng bà dì nói vọng theo.

– Phải xếp mền gối tử tế, thay quần áo đang hoàng mới được ra đường.

– Dạ, con làm liền.

Mỗi năm cô bé đều được gia đình cho về quê ở cùng người dì trong những ngày hè. Bà Bảy lớn tuổi rồi mà không có chồng, nghe đâu rồi hỏi còn trẻ cũng yêu đương dang dở sao đó nên nay vẫn ở vậy, bà to người, nước da bánh mật nên dù có tuổi trông vẫn khỏe mạnh.

Như đã hẹn, trong 3 người ai rảnh thì ra biển trước lo lượng củi, lấy những hòn đá có con hào bám vào để sẵn. Đường ra biển phía sau làng có hai lối, một là đi đến cuối làng quẹo rẽ trái đến biển, hai là lối đi ở phía sau những ngôi nhà băng qua các luống đất trồng đủ loại rau củ, đến chân núi rồi theo khe suối cận là tới biển. Những cô con gái nhỏ thường chọn đường số một, gần hơn và đi trên đường cái lớn.

Sáng nay cũng có một người thanh niên ngủ dậy thật sớm, muốn khám phá nơi mình được

nghỉ phép 10 ngày ở đây. Huy, tên anh, đến đây cùng ba mẹ để thăm người chú. Anh được gia đình cho đi du học ở Pháp, dự định sẽ học một nghề như gia đình mong muốn nhưng khi ngồi máy bay đến Pháp, anh đổi ý vì say mê nghề phi công. Bây giờ anh đã ra trường, đã được hãng hàng không của Pháp nhận và ký hợp đồng, anh về thăm nhà 1 tháng rồi trở lại Pháp, bắt đầu công việc mà anh ưa thích. Vừa qua khỏi khe suối sắp đến biển, bỗng Huy nghe có tiếng hát thật trong trẻo vọng lên.

Tiếng Việt mẹ ru mềm trên môi.

Cho con nằm ngủ ở trong nôi

Giác ngủ đầu đời êm đềm đó

Con đã yêu rồi tiếng nước tôi.

Cánh cò lướt gió nhẹ nhàng bay

Tiếng Việt hò vang nhánh sông đầy

Lời ru câu hát còn vang vọng

Theo mãi cánh diều cuối chân mây v.v...

(Thơ do Quách Vĩnh Thiện phổ nhạc)

Anh nhìn quanh quất tìm phương hướng của tiếng hát. Ồ! Một cô gái! Xa quá anh nhìn không rõ mặt, chỉ thấy tóc chấm ngang vai, áo cột ngang bụng, quần xắn lên cao đang lội xuống nước tay ôm một chồng đá sỏi li ti. Sợ làm mất hứng cô gái, anh tìm gốc cây ngồi xuống. Không biết vì đối diện với biển trời xanh biếc xa khơi, những con sóng xô bờ bọt tung trắng xóa trong buổi sáng yên bình của miền thôn núi lan

tỏa trong Huy, hay vì bài hát tiếng Việt thiêng liêng mang đậm truyền thống quê cha đất tổ mà trái tim Huy hoàn toàn bị cuốn hút theo giai điệu mộc mạc chân tình.

Tiếng Việt mẹ ru bằng thi ca

Tình quê duyên thắm quá đậm đà.

Bóng cò rời cánh bên đồng lúa

Mang cả hồn ta về quê xa.

Tiếng Việt chợt buồn lời mẹ ru

Âm vang rung động cả thiên thu

Nỗi đau còn nợ tình non nước

Đất Việt càng xa khỏi sương mù.

Tĩnh Mộng



Cô gái vừa lội nước trên biển vừa hát rồi im bật, anh đưa mắt tìm không thấy người con gái nơi đâu. Đứng dậy anh trở mắt tìm. Ô kìa! Sao cô gái lênh đênh trên mặt nước, cô bị gì sao? Thân hình cô đang nhấp nhô theo làn nước trôi dạt ra vào, anh hốt hoảng nhảy ào xuống biển, chỉ kịp bỏ đôi giày, anh bơi thật nhanh và bế được cô gái lên bờ.

Thảo và Hương cũng vừa đến, hai cô ngạc nhiên nhìn người con trai lạ và cười thầm trong bụng, anh chàng này làm to rồi! Thu Thu, tên cô bé, là tay vô địch nằm trên mặt nước. Thu Thu có thể nằm trên nước thật lâu như chiếc lá nổi trôi trên mặt nước hằng giờ. Anh để nhẹ cô gái xuống và thân vừa chạm cát là cô liền ngồi bật dậy, Huy giật mình nhảy vọt ra xa.

Họ bắt đầu biết nhau và bốn người ăn sáng bằng những con hào nướng chín vắt chút chanh, cho thêm muối tiêu vào thơm phứt. Khoai lang, bắp vùi dưới than hồng được chiếu cố không còn lại gì hết.

Huy khen ngon chẳng tiếc lời. Ba cô gái đều trạc tuổi 16 và 17 được khen nên thích chí tình nguyện làm hướng dẫn viên đưa Huy đi thăm những địa điểm nổi tiếng của vùng này.

Ăn xong họ cùng leo núi tìm trái cây rừng. Nơi đây có cây dù dẻ mọc rất nhiều ở chân núi, trái nhỏ bằng ngón tay thành từng chùm và chín vào mùa hè, rất ngọt, trẻ con rất thích.

Bỗng nghe tiếng dì của Thu Thu gọi về ăn cơm, có lẽ bà ra biển tìm không thấy nên đi về mé núi. Thu Thu từ trong bụi cây chạy ào ra ôm lưng dì.

Hương và Thảo đẩy anh chàng Huy bước tới, hai cô bé núp lại trong bụi rậm. Huy vừa bước ra nghe tiếng nói thật to của dì bấy.

– Anh kia đứng lại. Anh từ đâu đến?

– Dạ, từ Saigon.

– Tôi không cần biết Saigon hay Phan Thiết gì cả. Có phải anh ở một mình trên núi với con bé nhà tôi không?

– Dạ phải, dạ không.

Nghe giọng nói nghiêm trọng của dì, Thảo và

Hương không dám đùa nữa, đồng xuất hiện và la to.

– Có tụi con cùng đi.

Sau lưng dì, Thu Thu lộ mặt ra nheo mắt nhìn Huy. Một buổi sáng thôi mà Huy bị cô gái này chọc quê hai lần. Biết lý lịch Huy rồi, dì bấy vui về kêu 4 người về nhà dùng cơm trưa.

Huy và Thu Thu bắt đầu thân nhau. Bây giờ anh mới nhìn rõ mặt cô gái mang nét duyên dáng hiền thực mẫn mà, cô rất tự nhiên, đẹp và ngây thơ, hai má lúm đồng tiền mỗi khi cười làm anh ngây ngất.

Anh đã yêu. Anh hơn cô bé đến 10 tuổi, nhưng anh cứ chờ vì mộng tung mây lướt gió của anh chỉ mới bắt đầu. Hôm từ già trở về Saigon, hai kẻ yêu nhau rất buồn và từ đó họ thư từ thường xuyên qua lại. Đến quốc gia nào, việc đầu tiên là Huy đi mua một tấm thiệp gửi về cho Thu Thu kèm theo những món quà nho nhỏ như dấu ấn những nơi anh đến. Tình cảm họ kéo dài trắng trong thanh khiết theo thời gian bề bộn của Huy. Mỗi năm họ chỉ gặp nhau vài lần cũng đủ theo tháng năm đợi chờ Thu Thu chẳng chặc.

Hôm nay là chiều ba mươi tết, chị người làm xin về quê, nhà vắng vẻ quá, từ ngày mẹ mất Thu Thu thấy mình không còn hồn nhiên nữa. Mười năm rồi từ ngày quen Huy, lúc nào Thu Thu cũng muốn mình là bóng mát cho Huy mỗi cánh quay về ẩn náu, là ngọn núi để một lúc nào đó Huy cần chỗ dựa lưng. Trong nhà chung đầy những món quà đều có hình bóng Huy trong đó, trong tâm em cũng đầy ấp bóng hình anh, nhưng sao như thiếu vắng một cái gì mà em không biết.

Thu Thu sửa soạn đi lễ chùa, đó là lệ mà ngày còn mẹ đã làm, giao thừa bao giờ chùa cũng đông, chùa trên đồi cao, trụ trì là một sư bà lớn tuổi, chỗ quen thân với mẹ.

Vào chánh điện lễ Phật xong, người đông và khói nhang nghi ngút. Thu Thu bước ra ngoài, đất thật rộng, cây cảnh được cắt tỉa vô cùng mỹ thuật và rất nhiều tượng Phật chung quanh như tượng Phật Thích Ca đang ngồi thuyết pháp cho 5 anh em Kiều Trần Như, tượng Bồ

tát Văn Thù, Bồ tát Phổ Hiền. Lăn dò đi lên cao hơn một chút, Thu Thu thấy một chỗ đang làm nền đang dở, có một thùng gỗ rất to mở ra hai phía, Thu Thu tò mò đến nhìn, đó là tượng Quán Thế Âm bằng đá trắng to và đẹp quá. Thu Thu bước đến thật gần đưa tay chạm vào tay Quán Thế Âm, hơi mát từ tượng đá truyền sang cảm giác nào đó thật an bình hạnh phúc. Thu Thu nghĩ Bồ tát Quán Âm tu hạnh từ bi đối với muôn loài chúng sanh và hạnh nhẫn nhục Ba-la-mật. Từ và bi cùng với hỷ và xả là bốn đức tính cao đẹp mà đạo Phật gọi là tứ vô lượng tâm. Từ bi là thương yêu không phân biệt, không điều kiện và không có giới hạn, chứ không phải như tình yêu nam nữ hay là tình bạn hoặc tình thương cha mẹ dành cho con cái.

Tại sao em không tu hạnh như Ngài?

Lòng thương yêu và hạnh nhẫn nhục có sự tương quan mật thiết với nhau, tuy hai mà một, tuy một mà hai, trong thương yêu đã có nhẫn nhục và trong nhẫn nhục đã có chất liệu thương yêu.

Phải thương yêu chính bản thân mình mới thương yêu được người khác. Thương yêu bản thân mình có nghĩa là những gì chưa hoàn thiện thì không buồn khổ chán ghét, đối với những gì đã hoàn thiện thì không tự cao, ái ngã.

Cảnh dương liễu yếu mềm dẻo dai biểu trưng cho đức nhẫn nhục nhu hòa. Tu tập theo hạnh nhẫn nhục của Ngài, chúng ta phải giữ tâm bình lặng trước thuận cảnh hay nghịch duyên, chứ không chỉ nhẫn trước những những nghịch cảnh, oan trái như mọi người thường hiểu về hạnh nhẫn nhục. Trước những thuận cảnh như được mọi người tôn kính, ca ngợi, cung phụng thì lòng không tự mãn, không đề cho tâm kiêu căng, tự đắc phát sinh.

Nhẫn nhục cũng là giữ tâm bình lặng trước mọi điều đến với mình. Nhưng khi nhẫn nhục thì trong lòng không hề có sự oán ghét, thù hận, không có sự dồn nén hay gồng ép mà luôn cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản, tràn ngập lòng bao dung, thương yêu và tha thứ.

Thu Thu bừng sáng ra, lâu nay em chỉ lo thương yêu một người, em từ bi nhẫn nhục chỉ cho một người, sao em không tu hạnh của ngài Quán Thế Âm.

*Phút nào tỉnh thức em ngồi lại
Nhìn ra thế giới, nghĩ về mình.
Thấy chẳng một thứ chi thường tại
Chập chờn mộng, thực kiếp nhân sinh.*
(Thơ Như Nhiên)

Thu Thu nhớ có đọc ở đâu đó nói về tình yêu. Tình yêu muôn thuở vẫn chỉ là tình yêu nhưng vượt lên trên đó, nó có một sứ mệnh thật cao cả khi người ta nhìn ra cái đẹp của nó và sống với cái đẹp của tình yêu.

Quán Thế Âm, Ngài yêu cả chúng sanh, thật là hạnh nguyện tuyệt vời, tại sao em không nghĩ ra. Bây giờ em còn khỏe, còn trẻ sức sống tràn đầy lại có chút học thức, tại sao không phụ sự bà một tay để lo việc giúp đỡ mọi người. Nhìn sư bà, già rồi mà vẫn mỗi tuần giảng pháp.

Tu đâu phải là chán đời mới đi tu, tu không phải là hết yêu, lúc trước em chỉ yêu mình anh thôi, nay em yêu tất cả mọi người. Trước em muốn là bóng mát cho anh, nay em là bóng mát cho tất cả mọi người, trước em muốn làm ngọn núi cho anh dựa lưng vào khi mệt mỏi, nay em sẽ là bóng mát cho chúng sanh trú xứ. Nếu chúng ta sống cùng nhau có thể một ngày vì lý do nào đó mình xa nhau, còn bây giờ không bao giờ mình mất nhau trong tương giao hoàn hảo.

*Cứ ngỡ nhà tu không biết yêu
Sống không tình cảm sống cô liêu
Tháng ngày chỉ biết câu kinh kệ
Chôn đời trong kiếp sống cô liêu
Vỡ lẽ nhà sư cũng biết yêu
Mà không yêu một, lại yêu nhiều.*
(Thơ Như Nhiên)

Thu Thu đã xin thôi việc, lên ở chùa sư bà để trải qua thời gian thử thách. Bây giờ nàng không còn người thân, ba mẹ và dì bảy đã mất, Thu Thu muốn ngày mình xuất gia có Huy và hai cô bạn ngày thơ bé vào dự lễ, họ đã có

chồng con đùm đê nhưng tình bạn vẫn như xưa.

Huy về đến và được chị giúp việc đưa thư của Thu Thu viết cho anh. Huy ra biển ngồi sau khi đọc thư xong. Anh nghĩ Thu Thu nói đúng. Phải mừng là em đã tìm được em, em đã nhìn ra em và em biết em muốn gì, phải làm gì.

Những khi bay lên cao đến độ an toàn, Huy cài số và chầm tọa độ xong, anh để tầm mắt ra ngoài nhìn những đám mây phản chiếu mặt trời thành một màu hồng nhạt, anh nghĩ đến em, đến tuổi hồng của em phải chờ đợi, anh thấy thương em thật nhiều. Nhưng cái tôi của anh quá lớn, mộng tung mây lướt gió vẫn còn đam mê cuốn hút anh, rồi anh tự nhủ lòng mình, hai đứa còn quá trẻ và nhiều thời gian. Nhưng những đám mây đã lướt qua và không bao giờ quay lại.

Anh không thể ích kỷ, anh cũng vì làm theo mộng của mình bất chấp sự phản đối của mẹ cha, nhưng cái anh thích và mơ ước là hình thức bên ngoài, còn Thu Thu đã tìm lại chính mình, đã phá vỡ cái vỏ bọc ngoài của mình rồi, tại sao anh lại buồn.

Mở hộp ra nhìn chiếc nhẫn chiếu lóng lánh như tia mắt tinh nghịch của em ngày nào, anh đã đi không biết bao nhiêu cửa tiệm mới vừa ý và chọn chiếc nhẫn này, anh cũng đã thăm một thời gian 10 năm bồng bềnh trên mây trời, anh muốn có một mái nhà, một gia đình nhỏ, thì Thu Thu muốn có một đại gia đình lớn, thân bằng quyến thuộc là chúng sanh. Thu Thu nói tình yêu sẽ không mất mà trái lại càng phát triển thăng thang, lúc nào cần anh cứ về lại và Thu Thu sẽ là nơi anh nương tựa tinh thần. Nhìn biển, anh nghĩ đến tấm lòng của mẹ bao dung rộng lớn, nay Thu Thu cũng là biển là nước là trời, những tình thương Thu Thu trao cho mọi người cũng như vậy, cũng bao la như biển như trời, đường bay anh ẩn vào mây trắng, cũng ẩn trong trái tim em với vợi bao la.

Anh vẫn yêu em và yêu em nhiều hơn Thu Thu ơi, em nói đúng, mình không mất nhau, anh sẽ dự lễ xuất gia của em và sẽ trao chiếc nhẫn này

cho em để có thể dùng nó trong việc hoằng pháp độ sanh hay giúp những người mà em cho là đáng giúp.

Anh không hiểu nhiều về Đạo Phật nhưng nay thấy em chọn con đường tu, anh nghĩ em yêu anh như vậy thì đạo Phật phải có cái gì đó tuyệt đối tốt đẹp hơn nhiều nên em mới chọn, anh sẽ tìm hiểu về Đạo Phật thật tường tận rõ ràng.

Diệu Ngọc

Thơ

*Ta bà cảnh khổ thật vô cùng
Lên xuống bao giờ xong,
Thân giam nôi cá hấp,
Chim nhốt mãi trong lồng.
Khuyên mọi người,
Muốn thông long,
Niệm Phật đi,
khỏi bận lòng!...
Tây phương cực lạc thật là vui,
Các phiền não tự lui,
Cao hơn trời Phi Tưởng,
Bồng Lai kém xa rồi,
Khuyên mọi người,
Muốn thanh thoi,
Mau niệm Phật,
Vui tuyệt vời!...*

(Những Cánh Sen Hồng 4)



Vui
tuyệt
vời

LIÊN TRÌ ĐẠI SƯ

Vài nét về chuyến đi Cứu trợ và Từ thiện



Từ thiện - cứu trợ hiện nay trở nên một việc làm rất quan yếu của những Hội đoàn, đoàn thể và các tôn giáo. Nơi nào xảy ra thiên tai ách nạn thì nơi đó chắc chắn sẽ có những bàn tay thiện nguyện của các nhà hảo tâm, giàu lòng nhân ái đến tận nơi cứu giúp. Việc làm này được thể hiện trong thâm tình đồng loại bằng những nghĩa cử cao đẹp của con người. Ca dao Việt Nam có câu: *"Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"*. Dù có khác nhau màu da chủng tộc, nhưng tình yêu thương đồng loại nào có khác biệt chi đâu. Chính nhờ chất liệu tình yêu thương đó, mà thúc đẩy con người đến với nhau và gần gũi nhau hơn.

Trong bao nhiêu năm qua, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, luôn theo dõi quan tâm đến những việc làm cứu trợ từ thiện này. Ngoài những việc cứu trợ trong những trận thiên tai khổ nạn đặc biệt ra, hằng năm, Giáo hội đều có tổ chức những chuyến đi về Việt Nam để làm những công tác từ thiện và cứu trợ cho những nạn nhân thiên tai, nghèo đói, bệnh tật. Đặc biệt vào thượng tuần tháng ba năm nay, kể từ ngày 7/4/ đến ngày 19/4/2017, do hai Thượng tọa chủ tịch và phó chủ tịch Thích Thiện Tâm và Thích Phước Tấn trong Hội Đồng Điều Hành, hướng dẫn một phái đoàn khoảng 50 Phật tử người Việt về Việt Nam để làm công tác từ thiện. Trong số đó gồm có các bác sĩ: Phạm Phúc Nhân, Ngô Thị Diệu Thư, Nguyễn Văn Nghĩa và các Phật tử: Kim Thanh, Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Văn Quang v.v... Ngoài ra, còn có một số bác sĩ ở Việt Nam cũng phát tâm thiện nguyện trong chuyến đi này.

Theo lịch trình chuyến đi mà đoàn đã đến những nơi để thực hiện công tác từ thiện như sau:

- Ngày 07/04/17, lúc 5 giờ sáng, đoàn tập trung về chùa Ấn Quang số 243 đường Sư Vạn Hạnh, quận 10, để đi Tây Ninh. Đoàn di chuyển bằng phương tiện xe bus. Đến nơi, đoàn thực hiện một ca mổ mắt khoảng 220

người (do 10 bác sĩ ở thành phố Sài Gòn và ở Úc thực hiện). Đồng thời, đoàn còn phát tặng quà cho 300 phần và mỗi phần trị giá 500 ngàn đồng Việt Nam. Ngoài ra, còn khám bệnh cho các đồng bào Việt kiều từ biên giới Campuchia về huyện Châu Thành thuộc tỉnh Tây Ninh.

Sau đó đoàn viếng thăm xưởng chế hột điều Hoàng Phúc và tặng quà cho 90 thành viên của xưởng này.

- Ngày 08/04/2017, đoàn sang Campuchia đến tỉnh Siem Riep thăm các đền đài thắng cảnh như: Angkor Thom, Angkor Wat và các chùa. Đoàn đi đến đâu cũng đều thành tâm cầu nguyện cho các người còn sống cũng như đã mất tất cả đều được ân triêm lợi lạc.

- Ngày 09/04/2017, đoàn đi tàu đến biển Hồ để tặng 500 phần quà và 3 thùng thuốc uống cho các đồng bào Việt Nam, mà những người này hiện đang lâm vào những hoàn cảnh vô cùng khốn khổ. Họ sống trên những chiếc thuyền và các chòi thô sơ tạm bợ, đói khát, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, bệnh không thuốc uống... Lúc sống đã thế, đến khi chết thì không được yên thân. Thân xác của họ trôi nổi bồng bềnh theo dòng nước thủy triều lên xuống. Các trẻ con thì sống kham khổ nhoe nhóc trên những chiếc xuồng trần không mui, chúng xin thức ăn từ các tàu đến thăm viếng và chúng cũng không được học hành (có trường lớp đâu mà học), thế là chúng phải chịu cảnh dốt nát. Đó là một thảm kịch đầy tang thương khổ lụy. Khi chúng kiến tận mắt khổ cảnh này, cả đoàn chúng tôi không ai ngăn được đôi dòng nước mắt, khi phải lui ghe rời khỏi biển Hồ này.

Ngày 11/04/17, đoàn tập trung tại chùa Ấn Quang lúc 6 giờ 30 sáng để chuẩn bị đi Long An. Đến nơi, đoàn vào trong chùa thắp nhang tưởng niệm cố Hòa thượng Thích Tắc Ngộ tại Tổ Đình Kim Cang. Sau đó, đoàn làm lễ phóng sanh cho hàng ngàn con cá và chim để cầu nguyện quốc thái dân an, cho tổ tiên ông bà, cứu huyền thất tổ và mọi gia đình được hưởng nhiều phước báo lợi lạc. Việc làm này

cũng để cho chúng sanh kết duyên lành cùng với Tam bảo. Xong rồi, đoàn trở về thành phố đến bệnh viện Nguyễn Trãi để mổ mắt cườm trên 300 trường hợp. Những bệnh nhân này gồm cả 10 tỉnh : Cà mau, An giang, Hậu giang, Châu đốc, Kiên Giang, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Phan Thiết và Komtum .

- Ngày 12/04/17 đoàn rời khỏi thành phố Hồ Chí Minh lúc 11 giờ sáng để đi Hà Tĩnh cứu trợ cho khoảng 500 phần quà. Đồng thời khám và chữa trị cho các bệnh nhân có khoảng 1000 người (việc trị liệu này đều do các bác sĩ ở Việt Nam và các bác sĩ ở Úc đảm nhiệm), mổ mắt 300 người (do bác sĩ ở bệnh viện nhãn khoa Hà Nội đảm trách). Sau đó, đoàn đến thăm viếng động Phong Nha 4 ngày, tức từ ngày 16/04/17. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh xảy ra ở nơi đây khá đặc biệt không được an ninh, nên đoàn chưa thực hiện được kế hoạch từ thiện như đã dự định. Do đó, nên đoàn phải du hành qua 5 tỉnh miền Trung từ Vinh, ra Hà Tĩnh, rồi đến Quảng bình, Quảng trị và điểm cuối cùng là viếng thăm thành phố Huế . Đoàn cũng đã viếng thăm chùa Đại Giác ở Quảng Bình, chùa Cam Lộ Quảng trị, Chùa Từ Hiếu ở Huế . Đến nơi đâu, đoàn cũng hết lòng thành tâm cầu nguyện cho quốc thái dân an cả. Kể còn, người mất đều được an lạc.

- Ngày 16/04/2017 lúc 9 giờ sáng, đoàn khởi hành trở về thành phố Sài Gòn. Thượng tọa Thích Phước Tấn có nhờ thầy An Phúc chùa Kim Cang - Long An và Hội Chữ Thập Đỏ Hà Nội sẽ đại diện đoàn để thực hiện cho công cuộc cứu trợ tại Hà Tĩnh vào ngày 26/04/2017 như đoàn đã dự tính. Sợ dĩ như thế, như đã nói, là vì khi đoàn đến Hà Tĩnh, lại trùng hợp có biến cố xảy ra không hay ngoài ý muốn dự tính của đoàn. Vì vậy, nên phải nhờ đến Đại Đức Thích An Phúc thực hiện cứu trợ giúp.

- Ngày 17/04/2017, đoàn tham dự lễ cúng tiểu tường cho Sư mẫu của TT. Thích Thích Phước Tấn.

- Ngày 18/04/2017, lúc 9 giờ sáng đoàn dự lễ cúng dường trai tăng cho 80 vị tôn đức Tăng, Ni ở chùa Sùng Đức và một số chùa trong thành phố. Trong dịp này, đoàn gửi tặng 230 phần quà cho các bệnh nhân bị ung thư.

Chuyến đi này, nhờ sự hướng dẫn chỉ đạo của hai Thượng tọa: Thích Thiện Tâm và Thích Phước Tấn, nên mọi việc làm từ thiện như mổ

mắt, khám bệnh, phát quà v.v... tất cả đều đạt được thành quả tốt đẹp. Điều cảm động nhất gây ấn tượng sâu sắc cho đoàn chúng tôi là đến nơi đâu cũng được mọi người đón tiếp ân cần niềm nở. Chúng tôi không thể nào quên được những hình ảnh của những đồng bào Việt hiện đang sinh sống trên biển Hồ ở Campuchia. Nhìn thấy đồng bào mình sống trong cảnh nghèo khổ, túng thiếu, đói khát vất vả, nhất là các trẻ em dốt nát, rách rưới, bệnh hoạn v.v... thật chúng tôi vô cùng cảm xúc và đau lòng. Nói sao cho hết thảm cảnh bi kịch này.

Qua hai đợt giúp đỡ cho các bệnh nhân nghèo ở Việt Nam, cách nay ba tháng, bác sĩ Nghĩa với tư cách là thủ quỹ của Ban Từ Thiện GHPGVNTN Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan, đã về Việt Nam giúp đỡ cho các bệnh nhân bằng những công việc từ thiện nói trên. Tổng số chi phí cho hai đợt cứu trợ từ thiện này là 150,000 dollars Úc.

Ghi vội lại lịch trình tuần tự theo thời gian của chuyến đi, chắc chắn là chúng tôi không thể nào ghi lại đầy đủ những hình ảnh chi tiết. Mong rằng, quý vị đồng hành, thông cảm bỏ qua cho những gì còn thiếu sót. Nhân đây, chúng con cũng xin chân thành cảm tạ thâm ân của hai Thầy đã hết lòng hướng dẫn chỉ bảo cho chúng con. Đồng thời, chúng tôi cũng không quên tri ân các bạn đồng hành đã tận tâm giúp đỡ lẫn nhau. Nhờ vậy mà chuyến đi được thành công một cách rất tốt đẹp.

Nhân mùa Phật Đản lần thứ 2641 này, chúng ta hãy thành tâm cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc. Mọi người sẽ giảm bớt khổ đau và hãy biết thương yêu quý kính tôn trọng với nhau hơn trong thâm tình đồng loại, cùng nhau nỗ lực kiến tạo cho xã hội được an bình và không còn chứng kiến cảnh chiến tranh thù hận gây thêm khổ đau cho nhau nữa.

Và chúng con cũng xin thành tâm cầu nguyện cho chư Tôn Đức Tăng Ni và quý phật tử đã cùng tham gia trong chuyến đi cứu trợ từ thiện vừa qua, tất cả đều được an lành trong ánh hào quang của chư Phật.

Hai người bạn đồng hành trong suốt chuyến đi:

Giác Nghĩa và Phạm Phúc Nhân

Kính ghi - Kỷ niệm Mùa Phật Đản 2641
25/4/2017



Tình Người

Đây là chuyện thật của một người, nhờ tôi viết lại.

Tôi nằm du đưa trên chiếc võng giăng giữa hai hàng mít, chồng tôi đang phủ lưới cây nhãn ngoài kia, anh đề nghị sẽ phủ lưới tất cả các loại cây trái trong vườn nhà, mình ăn 3 phần và còn một phần cho lũ chim thưởng thức.

Điện thoại vang, tiếng reo vui của ba đứa con báo tin vài hôm nữa sẽ về ăn Noel cùng chúng tôi.

- Anh ơi! Phủ lưới cây xong, vợ chồng mình đi chợ nha anh.

- Sao em đi chợ hoài vậy? Em lái xe đi một mình được không?

- Dĩ nhiên là được, nhưng em phải mua thêm nhiều thức ăn và các đồ cần dùng để chờ đón các con mà, anh đi chung cho em ý kiến.

- Ủ, đợi anh làm xong đã, lúc nào em cũng hỏi ý kiến.

Tôi nhắm mắt và lắng lòng thưởng thức giai điệu lũ chim đang hòa âm trong vườn nhà trên những hàng cây. Chúng tôi, hai vợ chồng già mới dọn về đây trú ngụ cũng gần một năm rồi, ở tiểu bang nắng ấm của nước Mỹ vẫn mình, tổ ấm này được chuẩn bị lâu nay với khu vườn rộng trồng đủ loại cây ăn trái sau nhà.

Điện thoại lại reo. Ô! Hai em của tôi cũng quyết định đưa gia đình về đoàn tụ nơi đây trong những ngày nghỉ lễ. Mừng quá, tôi hét lên.

- Anh à, anh, dì ba và dì tư cũng đưa gia đình về ăn Noel với mình. Chút nữa mình đi booking phòng cho hai em nha anh. Có 3 đứa con về, nhà mình chỉ còn dư 1 phòng thôi.

- Được, được, chờ anh một chút, gần xong rồi em. Đừng mừng mà hét to quá, anh tưởng chuyện gì xảy ra cho em, anh hét hồn.

Điện thoại lại ngân vang, lần này tôi không dám hét to mà chỉ thầm thì.

- Chị nói thật đó chứ, chồng chị cũng chịu về đây ăn Noel với chúng tôi nữa sao?

Tôi rộn ràng cảm ơn chị.

- Sao, chị nói sao? Ô! Cả gia đình Minh cũng về nữa à? Về ăn Noel với me, tụi nhỏ xem tôi là mẹ thật à?

Mọi người đã thương yêu tôi như vậy, lúc mà tôi còn biết được những tình cảm đích thực dịu dàng đầm ấm ướt đầm trái tim chân chất ngọt ngào.

Nước mắt tôi chảy dài, đó là những giọt nước mắt sung sướng của tuổi già chứa chan hạnh phúc, cho tôi hiểu được thế nào là sự đoàn tụ của đại gia đình dào dạt thân thương nơi xứ người đầy vui niềm trân trọng.

Tôi nghĩ đến lời mẹ dạy, hãy sống với tất cả tấm lòng mở rộng, đời con sẽ không bao giờ cảm thấy cô đơn.

Ngày đó, ngày mà tất cả dân miền nam Việt Nam ngơ ngác không biết nên di tản ra đi hay ở lại, 3 chị em tôi được ba mẹ dặn dò.

- Tình hình chắc không yên, nếu có dịp thoát khỏi Việt Nam các con cứ đi.

Chúng tôi ở miền Trung, gia đình có sẵn một ngôi nhà ở Sài Gòn, mỗi tháng ba mẹ thường thay phiên nhau đi vào đó lo công việc làm ăn, lúc tôi vào đại học thì 3 chị em cùng sống bên nhau cho tiện việc bút nghiên.

Cô bạn cùng lớp sát bên nhà rủ chúng tôi di tản, anh của cô là Hải Quân nên cô rành rẽ lắm, vậy là ba chị em đi theo và đến được đảo an toàn.

Một buổi chiều trên đảo tôi ra biển ngồi, nhìn những ngọn sóng trào dâng lòng buồn vô hạn, nhớ cha mẹ và không biết giờ này quê hương ra sao? Nhà tôi buôn bán nên có bị gì không? Mù mịt chân trời biết bao giờ mới gặp lại được người thân, nơi xa lạ này may mắn còn có 3 chị em đùm bọc lẫn nhau.

Một người con trai cũng ngồi nhìn ra biển trong những buổi chiều tà như tôi, anh là sĩ quan Hải Quân đi cùng chuyến tàu vượt biên. Gặp nhau chúng tôi chỉ chào và ít hàn huyên, vì ai cũng mang trong lòng sầu muộn, trên nét mặt luôn đắm chiêu buồn bã.

Rồi từng gia đình rời trại qua sự bảo lãnh của người thân hay những hội đoàn nhà thờ, chúng tôi là Phật tử không quen ai nên chưa biết lúc nào mới đến lượt mình.

Chiều nay như thường lệ tôi ra biển, nước mắt chỉ lặng thầm trên má khi không có hai em bên cạnh, tôi đang khóc thì có người đến cận kề.

- Tôi là Quang, cô đừng khóc nữa. Cô là Trâm Anh, em kể cô là Trâm An còn cô nhỏ nhất là Trâm Oanh, phải không?
- Anh nhớ tên chị em tôi giỏi quá!
- Vì tên của các cô thật đẹp!
- Anh là sĩ quan Hải Quân sao đi có một mình?
- Ba mẹ tôi già và ở quê không muốn đi, tôi cũng không có ngày giờ về quê.

Chúng tôi đã biết nhau từ lúc chung chuyến tàu, bây giờ mới có dịp nói chuyện và từ đó thân nhau. Rời trại cùng ngày và chúng tôi thuê nhà chia phòng cùng nhau ở, cả bốn đều đi học lại, tình cảm dần từ từ tôi chẳng biết, đến khi anh tỏ tình tôi chợt nhận ra trái tim mình đã rung động lâu rồi. Đây cũng là ngày anh nói cho tôi hiểu sự thật về đời anh.

Ra trường Hải quân và được đưa về chỉ huy một duyên thuyền ở miền Nam, anh gặp cô giáo làng, hai người yêu nhau, tuổi trẻ bồng bột cô gái có thai. Anh định về quê thưa chuyện cùng ba mẹ cưới hỏi thì thời cuộc cực kỳ sôi động, anh được lệnh rút về trung tâm và bổ xung trên chiếc tàu lớn, nên khi tàu vượt biên anh phải đi theo, không còn dịp về quê gặp cô gái.

Anh không biết cô gái đó sanh nở ra sao, có mạnh khỏe không, con anh là trai hay gái, mỗi lần nhớ đến anh rất buồn. Anh thành thật như vậy, tôi cũng cho anh biết là trước khi di tản, mẹ vào thăm 3 chị em và đưa tôi cất giữ một số đô la với vàng mang theo phòng hộ.

Anh lấy số vốn đó đầu tư vào địa ốc, mở công ty làm ăn. Chúng tôi chung nhau sinh sống như vợ chồng. Hôm sanh đứa con đầu lòng, anh đề nghị tôi làm hôn thú nhưng tôi cười và nói mình yêu nhau tin nhau là đủ rồi, hôn thú hay không với tôi không là vấn đề quan trọng.

Đó chỉ là cách nói vì tôi hiểu anh, những lúc anh bế con trai trên tay, tôi nghe tiếng thở dài náo nức. Nhìn ánh mắt anh, tôi hiểu anh đang nghĩ đến đứa con còn lại ở quê nhà. Vì muốn anh là của tôi, yêu tôi với tất cả trái tim và không còn vương bận điều gì nên tôi chừa một con đường cho anh, đó là trên giấy tờ anh còn độc thân. Một lần nữa tôi sanh đôi 2 đứa con gái, anh năn nỉ làm hôn thú, tôi đành phải hẹn. Chính phủ Việt Nam mở cửa cho Việt kiều về nước. Tôi là một trong những người đầu tiên về thăm cha mẹ ruột và cha mẹ chồng. Sau đó tôi vội vã đi tìm cô giáo làng của anh ngày xưa.

Thật cảm động! Túp lều tranh chỉ có một quả tim vàng! Cô giáo Liễu vẫn chờ anh! Gặp cô tôi sung sò! Cô đẹp quá! Đẹp như bức tranh của họa sĩ Lê Trung! Một vẻ đẹp duyên dáng mặn mà thật hiền lành tinh khiết!

Khi gặp cháu Minh nước mắt tôi lưng tròng. Cháu sinh ra lúc quê hương điêu tàn thiếu thốn, mẹ bị nghỉ việc khi nhà quá nghèo, bà ngoại đã già, cháu bị suy dinh dưỡng nên ốm ròm và vô cùng nhút nhát, không được đến trường học bởi lý lịch người cha chẳng được rõ ràng. Tuy vậy, cháu lại đẹp trai có nét lai giữa chồng tôi và mẹ cháu. Cháu còn có tài vẽ bằng bút chì đủ loại tranh vô cùng sống động.

Cháu không có chốn thanh bình để ở, dù là chiến tranh đã qua nhưng cháu chưa thấy được hòa bình. Tôi muốn cháu là con chim non cất tiếng hát giữa bầu trời trong xanh rộng mở. Đời đã cho tôi một cơ hội tuyệt vời! Tôi muốn chữa lành trái tim đau khổ này, nhưng làm sao, tôi phải đem mẹ đi mới đem con theo được.

Cô Liễu đẹp quá, cái đẹp chín mùi của người đàn bà một con, Quang và Liễu gặp lại thì tôi sẽ ra sao?

Tôi nghĩ đến hạnh nguyện của những vị Bồ tát xả thân cho đời. Cầu xin cho tâm mình có một tấm lòng rộng mở! Đừng vô tình! Đừng ích kỷ! Hãy giúp gia đình này vượt qua sự nghèo đói lam lũ, hoạn nạn triền miên!

*"Đời quá ngắn thương nhau còn chưa đủ,
Bạn lòng chỉ những thù hận vu vơ.
Vết trầy nhẹ đừng làm thân đau nhức,
Tâm yêu thương là biển rộng vô bờ." !!!
(Như Nhiên)*

Bốn câu thơ này đã làm tôi phấn chấn! Nhưng đây không phải là vết trầy nhẹ, mà là một cuộc thử thách lớn lao của cuộc đời tôi và của 3 đứa con tôi nữa. Tình yêu thế gian ngoài mối quan tâm chia sẻ bên nhau, hạnh phúc chỉ thật sự có giá trị khi con người biết hy sinh cho đối tượng vẹn tròn nhân nghĩa. Nên tôi can đảm chạy lo giấy tờ hợp pháp cho Liễu, thật may mắn vì khai sinh cháu Minh có tên cha là anh Quang, tôi lo thêm hôn thú nữa là xong. Tôi cũng nói rõ với Liễu là tôi đã có 3 con cùng anh Quang rồi nhưng tôi vẫn chưa làm hôn thú, vì tôi thường nghĩ đến hoàn cảnh Liễu, và tôi muốn anh Quang sống cùng tôi mà không còn vương bận điều gì.

Khi qua Mỹ, cô Liễu và cháu Minh ở nhà riêng. Đến khi nhập quốc tịch rồi việc đầu tiên là cô xé hôn thú và lúc ấy tôi sẽ làm hôn thú với anh Quang, cô Liễu đồng ý hết những gì tôi nói.

Giờ đây cháu Minh đã là Kiến trúc sư tương lai sáng lạng. Riêng cô Liễu đã hội nhập được vào đời sống ngoại quốc. Cô lập gia đình với một người Mỹ hơi lớn tuổi nhưng thật giàu và đã đem mẹ qua sum họp. Liễu nói Cô rất cảm kích đức hạnh của tôi, nhờ đó mà gia đình Liễu đã vượt qua được bước đường cùng của quá khứ nhàu nát thương đau.

Xin cảm ơn đường tình không bằng phẳng lúc ban đầu, cho tôi biết nhìn lại chính mình, bầu trời hạnh phúc chỉ dành cho những tâm hồn bao dung cao thượng, dám hy sinh để không trái đạo làm người. Để giờ đây, một mái ấm ngọt ngào mật ngọt tình thương ở tuổi tôi xé chiều đã được thăng hoa giữa xã hội nhân quần đầy xa hoa vật chất. Những bữa cơm rộn rã tiếng cười trong từng nét mặt hân hoan đơn giản, còn điều gì cao xa vời vợi hơn sự ổn định thanh thản của tâm hồn!

Ngọc Báu

GIA CHÁNH

Bạch Hoàng Tứ Hợp (Bí Rợ Hàm Dừa)



1. Vật liệu:

- ½ kg bí rợ
- 200g đậu phộng (loại không vỏ)
- ½ kg khoai lang bí
- Hộp nước cốt dừa loại nhỏ
- Trái dừa tươi
- Trái chuối sứ chín
- Đường, muối, bột nêm

2. Cách làm:

* Chuẩn bị

- Bí rợ: gọt vỏ, rửa sạch, xắt miếng vuông cạnh độ 3cm.
- Đậu phộng: lấy 150g đem ngâm nước ấm cho nở, luộc chín.
- 50g đậu còn lại rang với cho vàng, giã nát.
- Chuối sứ: lột vỏ, cắt đôi.

- Ướp vào chuối và bí: 1 chút muối, 50g đường để độ 15 phút.
- Khoai lang bí: gọt vỏ rửa sạch, cắt khúc dài độ 3cm, khúc to chẻ đôi.

* Cách nấu

- Cho nước dừa tươi vào nồi cho thêm chút muối, bắc lên bếp nấu sôi, cho bí, chuối, đậu phộng vào nấu, bí vừa mềm, cho khoai lang vào, nêm chút muối, đường, bột nêm cho vừa ăn. Khi tất cả đều mềm, cho nước cốt dừa vào, nhắc xuống.

3. Trình bày:

Múc hỗn hợp bí ra tô, trên rắc thêm đậu phộng. Món này dùng nóng với cơm.

Tâm Hòa soạn

Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Xuân Mậu Tý này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tình tài cho việc phát hành số báo này. Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách quý Phật tử ủng hộ tình tài cho số báo Mừng Phật Đản 2641

Thầy Phước Quảng	50	Ngọc Đăng	10	Chơn Chắt	10
Thầy Phước Nghĩa	50	Chơn Huyền Phong	10	Huệ Linh	10
Thầy Phước Viên	50	Ngọc Liên	10	Diệu Trang	15
Sư cô Phước Chiêu	50	Diệu Thanh	20	Viên Quang	10
Sư cô Phước Lạc	50	Trí Chánh	20	Diệu Tính	20
Sư cô Phước Chí	50	Thanh Diệu	10	Tịnh Thủy	10
Sư cô Phước Lễ	50	Thiện Tâm An	10	Huệ Văn	10
Sư cô Phước Bình	50	Thọ Nhựt	10	Minh Quang & Diệu Huệ	30
Sư cô Phước Hương	50	Thiện Lương	10	Diệu Phước	20
Sư cô Phước Thọ	50	Diệu An	10	Viên Lộc – USA	50
Sư cô Phước Ngọc	100	Diệu Bạch	10	Tâm Minh - Noumea	100
Sư cô Phước Toàn	US 200	Giác Tâm	20	Tâm Hợp – Noumea	100
Thái Minh & M. Châu	200	Chúc Ứng	10	Cúng đường	
M.Quang & Diệu Nguyệt	50	Diệu Hồng	10	- Minh Quang & Diệu Nguyệt	
Tâm Thông & MK	20	Diệu Ngân	10	cúng tàu hủ ki	100
Tâm Hoa	20	Diệu Tánh	10	- Sư cô Phước Chiêu phụ vốn chả	
Tâm An	10	Diệu Ngọc (2)	10	giò	100
Ngọc Trang	10	Chúc Nhuận	10	- Bác Đậu cúng đường và dầu ăn	
Tùng Ngọc	10	Chơn Huyền Hiền	10		
Tâm Mãn	10	Tâm Hiệp	10		
Nguyên Chơn	10	Diệu Chơn	10		

Danh sách quý Phật tử hỷ cúng Đại Tông Lâm Phật Giáo

Phạm Anh Tuấn (100), Nguyễn Thị Huỳnh Lan (300), Gđ. Diệu Lạc (100), Gđ. Hồ V.Chấn & Nguyễn T.Sô (1000), Kim Nga Nguyễn (300), Nha sĩ Thảo Nguyễn (600), Gđ h/l Trịnh Lợi Phát (450), Gđ Như Thanh & Ng. Minh (20), Emma, Bo Anh & Bo Em (20), Gđ h/l Cao Thị Muội (50), Chú Ken (200), Gđ h/l Diệu Huệ (300), Gđ h/l Chung Thị Thái Hòa (400), Sư cô Phước Tâm (300), Diệu Khiêm (239), Hung Chu (200), Gđ h/l Chu Văn Thịnh (910), Gđ h/l Bùi Thị Lòng (100), Gđ h/l Trương Kim	Xuân (500), Sư cô Phước An (150), Ken Trắc (200), Gđ h/l Huỳnh Quốc Trục (400), Gđ h/l Văn Bích Châu (500), Gđ Sc Phước Trường (100), Gđ h/l Trịnh Ngọc Thiên (3000), Nguyễn Tấn Phát (60), Nguyễn Thị Hường (60), TĐPH take away food (678), Nguyễn Ngọc Bàn (200), Gđ h/l Hoàng Viêt Hoàng (300), Phạm Minh Tấn pd. Minh Lợi (200), Chơn Chắt (50), Tịnh Duyên (120), Gđ Minh Ân & Diệu Di (NZ.200), Lâm Mỹ Liên (100), Nguyễn Nhã & Phạm Văn Loan (70), Gđ Hoàng	Thị Kim Dung (50), Gđ Trần Thị Khánh pd. Diệu Lạc (200), Nguyễn Ngọc Bàn (150), BTC Hành hương TĐPH (2000), Nguyễn Thị Trâm pd Diệu Huệ (500), Gđ h/l Trần Văn Tỏ (300), Huệ Thành (100), Chi Lê (60), Gđ Phổ Điện (240), Gđ h/l Quảng Trân & Quảng Thanh (200), Bán thanh long (750), Tâm Tiên (100), Gđ h/l Phạm Văn Ý (600), Gđ. Cô Sương- Phạm Hy Cầu (1000), Gđ h/l Lê Hoài Vũ, Ân danh (458).
---	---	---

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo cho báo Phật Đản số 66

- Nhà thuốc tây Mai	- Fairfield Chase Pharmacy	- Thực phẩm Á Châu Tường Phát
- Tiệm vàng Mỹ Tín	- Fairfield Funerals of Distinction	- Huyện Motor Repair
- Tran's Aquarium	- Nhà quán Trường An	- Công ty kế toán Bùi T. Lân
- Tiệm vàng Hưng Thành	- Gạo thơm Hoàng Gia	- Tiệm vàng Kim Thâu
- All-Villa Print	- Nha sĩ Phương Thảo	